

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO PHƯƠNG THỨC XÉT ĐIỂM THI THPT NĂM 2021 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số: 720/QĐ-ĐHHL ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1	NGUYỄN HOÀNG ANH	25/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.5	DI	8.25	GD	10	C20	0.25	26	Trúng tuyển
2	NGUYỄN THỊ MAI ANH	22/07/2003	Nữ	2NT		Ninh Bình	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.75	DI	8.5	GD	9	C20	0.5	24.75	Trúng tuyển
3	HOÀNG THỊ ÁNH	25/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7	DI	7.5	GD	9.75	C20	0.25	24.5	Trúng tuyển
4	ĐẶNG THỊ BÍCH	26/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.25	DI	7.5	GD	7.75	C20	0.75	23.25	Trúng tuyển
5	NGUYỄN THÙY DUYÊN	28/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	8	DI	7.75	GD	9.75	C20	0.25	25.75	Trúng tuyển
6	NGUYỄN HỒNG HẠNH	13/12/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.75	DI	6.75	GD	8.25	C20	0.75	22.5	Trúng tuyển
7	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	21/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.5	DI	7.75	GD	8.75	C20	0.75	23.75	Trúng tuyển
8	NỊNH THỊ HOA	14/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	4.5	DI	6.5	GD	7.5	C20	2.75	21.25	Trúng tuyển
9	SẦN THỊ HỒ	14/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	TO	6.8	VA	8.25	GD	8.5	C14	2.75	26.3	Trúng tuyển
10	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	22/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	8	DI	6	GD	8.75	C20	0.75	23.5	Trúng tuyển
11	TRẦN NGỌC LÂM	18/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	TO	8.4	VA	9	GD	8.75	C14	0.75	26.9	Trúng tuyển
12	HOÀNG HẢI LINH	27/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	5	DI	7.75	GD	9.5	C20	0.25	22.5	Trúng tuyển
13	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	8	DI	7.5	GD	9	C20	0.75	25.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
14	NGUYỄN THỊ HUYỀN NINH	05/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	TO	8	VA	6.5	GD	8.5	C14	0.25	23.25	Trúng tuyển
15	VŨ YẾN NHI	14/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.25	DI	7.75	GD	9	C20	0.25	23.25	Trúng tuyển
16	NGÔ THỊ KIM OANH	12/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7	SU	8.75	GD	9	C19	0.75	25.5	Trúng tuyển
17	LÊ THẢO PHƯƠNG	29/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	5	DI	6.75	GD	8.75	C20	0.25	20.75	Trúng tuyển
18	VIÊN THU PHƯƠNG	14/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.25	DI	7.25	GD	9	C20	0.25	23.75	Trúng tuyển
19	ĐÀO YẾN PHƯỢNG	10/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.5	SU	6	GD	10	C19	0.75	23.25	Trúng tuyển
20	PHẠM THANH THẢO	23/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.75	DI	7.75	GD	9.5	C20	0.75	24.75	Trúng tuyển
21	VŨ THỊ THANH THẢO	08/12/2003	Nữ	1		Thái Bình	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	8.5	DI	8.25	GD	9.75	C20	0.75	27.25	Trúng tuyển
22	PHẠM THỊ THU	11/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	TO	7.2	VA	7	GD	9	C14	0.75	23.95	Trúng tuyển
23	NGUYỄN THỊ THỰC	25/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.25	DI	6.75	GD	8.25	C20	0.25	21.5	Trúng tuyển
24	ĐINH THÙY TRANG	20/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	6.5	DI	6.25	GD	8.25	C20	0.25	21.25	Trúng tuyển
25	ĐỖ THỊ TRANG	30/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	5	DI	6.75	GD	8.25	C20	0.75	20.75	Trúng tuyển
26	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	06/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	5.25	DI	7	GD	7	C20	0.5	19.75	Trúng tuyển
27	VŨ LINH TRANG	28/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	TO	5.6	VA	7	GD	9.5	C14	0.25	22.35	Trúng tuyển
28	NGUYỄN THU UYÊN	02/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.25	DI	6.25	GD	8.25	C20	0.25	22	Trúng tuyển
29	NGUYỄN THU UYÊN	09/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.25	DI	9.75	GD	9	C20	0.25	26.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
30	ĐẶNG THỊ THÙY VÂN	28/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	8	DI	7.75	GD	8.5	C20	0.25	24.5	Trúng tuyển
31	NGUYỄN PHI YẾN	14/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	7.75	DI	7.25	GD	8.75	C20	0.75	24.5	Trúng tuyển
32	NGUYỄN THỊ YẾN	18/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140201	Giáo dục Mầm non	VA	5.5	DI	6.5	GD	8	C20	0.25	20.25	Trúng tuyển
33	HOÀNG THỊ AN	28/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	7.75	N1	6	D01	0.75	22.7	Trúng tuyển
34	BÙI THỊ VÂN ANH	23/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	6.75	DI	7	C04	0.25	21	Trúng tuyển
35	DƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	30/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	7	DI	7.5	C04	0.75	23.05	Trúng tuyển
36	LA THỊ VIỆT ANH	31/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	7.25	DI	8	C04	2.75	24	Trúng tuyển
37	LÊ QUỲNH ANH	09/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	8	N1	8.6	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển
38	LÊ THỊ MINH ANH	02/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.25	23.95	Trúng tuyển
39	NGÔ NGỌC ANH	26/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.75	DI	8.25	C04	0.75	23.95	Trúng tuyển
40	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	03/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7.75	DI	7.75	C04	0.25	23.35	Trúng tuyển
41	NGUYỄN TRƯỞNG HOÀNG ANH	15/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	23.15	Trúng tuyển
42	PHẠM ĐỨC ANH	23/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	6.5	DI	7.5	C04	0.25	20.85	Trúng tuyển
43	PHẠM TIẾN HOÀNG ANH	22/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	7.25	N1	7.6	D01	0.25	22.5	Trúng tuyển
44	TÔ THỊ LAN ANH	21/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	7	DI	8.25	C04	0.25	22.9	Trúng tuyển
45	TRẦN THỊ LÂM ANH	09/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8	DI	7.75	C04	0.25	23.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
46	VŨ MAI ANH	13/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	6.75	N1	7.4	D01	0.75	22.9	Trúng tuyển
47	ĐẶNG MINH ÁNH	09/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8	N1	5.8	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
48	NGUYỄN VĂN ÁNH	27/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	8.75	DI	7	C04	0.75	22.1	Trúng tuyển
49	HOÀNG THỊ BÍCH	28/12/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	7	DI	9.25	C04	2.75	26.4	Trúng tuyển
50	TRẦN THANH BÌNH	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.2	VA	7	DI	7.25	C04	0.25	19.7	Trúng tuyển
51	BÙI DOÃN KIM CHI	19/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.6	LI	7.5	HO	5	A00	0.25	21.35	Trúng tuyển
52	ĐÀO LINH CHI	03/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8.25	DI	7.5	C04	0.25	22.6	Trúng tuyển
53	LÊ QUỲNH CHI	26/06/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7.75	N1	6.2	D01	0.5	22.05	Trúng tuyển
54	NGUYỄN LÊ LINH CHI	26/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.4	VA	8.25	DI	8.25	C04	0.75	21.65	Trúng tuyển
55	NGUYỄN QUỲNH CHI	12/08/2001	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	7.75	DI	8.25	C04	0.75	24.95	Trúng tuyển
56	VŨ CẨM CHI	07/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	7	DI	7.25	C04	0.25	20.9	Trúng tuyển
57	NÌNH MÓC CHỘNG	29/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.25	DI	7.75	C04	2.75	24.95	Trúng tuyển
58	BÙI NGỌC DIỆP	24/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	6.75	DI	8.5	C04	0.25	21.5	Trúng tuyển
59	VI THỊ BÍCH DIU	05/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8	DI	7.75	C04	2.75	25.1	Trúng tuyển
60	PHẠM THỊ THÙY DUNG	29/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	8.75	N1	8.4	D01	0.75	25.3	Trúng tuyển
61	PHẠM MỸ DUYÊN	07/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7.5	N1	6.6	D01	0.75	22.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
62	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	03/01/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	7.75	DI	7.5	C04	0.5	23.55	Trúng tuyển
63	NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	25/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7	DI	7	C04	0.25	20.85	Trúng tuyển
64	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	08/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.75	DI	8.5	C04	0.75	21.6	Trúng tuyển
65	PHẠM HỮU DƯƠNG	10/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	7	N1	6.6	D01	0.75	22.35	Trúng tuyển
66	TRẦN THÙY DƯƠNG	18/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	7	DI	7.75	C04	0.25	22	Trúng tuyển
67	VŨ THÙY DƯƠNG	09/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	8	N1	7.8	D01	0.25	23.05	Trúng tuyển
68	VŨ NGỌC GUƠNG	15/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5	VA	6.5	DI	8	C04	0.75	20.25	Trúng tuyển
69	CHU NHẬT GIANG	23/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.2	VA	5.5	DI	5.75	C04	2.75	19.2	Trúng tuyển
70	ĐÀM THANH HÀ	23/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	8	DI	7.25	C04	0.75	22.4	Trúng tuyển
71	NGUYỄN NGỌC HÀ	03/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	7	DI	7.5	C04	0.25	22.15	Trúng tuyển
72	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	07/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8	N1	5.6	D01	0.25	20.45	Trúng tuyển
73	NGUYỄN THỊ HOÀNG HÀ	30/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7	DI	8.5	C04	0.25	23.35	Trúng tuyển
74	NGUYỄN THU HÀ	19/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5	VA	7.75	DI	7.25	C04	0.25	20.25	Trúng tuyển
75	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	21/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	6.25	DI	7.25	C04	0.75	20.25	Trúng tuyển
76	PHÙNG THỊ HẢI	16/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	8.25	DI	7.75	C04	0.25	22.05	Trúng tuyển
77	MẠC THỊ HẠNH	13/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	8.75	DI	9.5	C04	0.75	27	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
78	BÙI THỊ THU HẰNG	18/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.6	VA	8	N1	7.8	D01	0.75	25.15	Trúng tuyển
79	HOÀNG LÊ THU HẰNG	28/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8.5	DI	6.75	C04	0.25	22.3	Trúng tuyển
80	NGUYỄN PHƯƠNG HẰNG	25/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	7.75	DI	7	C04	0.5	21.05	Trúng tuyển
81	BÙI THỊ THÚY HIỀN	07/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	6.75	DI	8.5	C04	0.25	21.5	Trúng tuyển
82	NGÔ THỊ THU HIỀN	05/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.75	20.45	Trúng tuyển
83	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	09/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	6.75	DI	6.75	C04	0.25	21.35	Trúng tuyển
84	NGUYỄN THU HIỀN	18/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.6	VA	8	N1	7.8	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
85	PHẠM THU HIỀN	07/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	6.5	DI	7	C04	0.25	19.95	Trúng tuyển
86	PHẠM THU HIỀN	26/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	8.5	DI	8.5	C04	0.25	24.25	Trúng tuyển
87	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	15/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	8	DI	9.25	C04	2.75	28	Trúng tuyển
88	BÙI LẠI TRUNG HIẾU	22/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	6	DI	6.75	C04	0.25	20.8	Trúng tuyển
89	VÕ THỊ THƯƠNG HIẾU	14/02/2002	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	7.25	N1	6	D01	0.75	20	Trúng tuyển
90	LÊ MỸ HOA	23/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	6.75	DI	7.25	C04	0.75	22.15	Trúng tuyển
91	NGUYỄN THỊ MAI HOA	07/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.25	DI	8.75	C04	0.75	23.95	Trúng tuyển
92	VŨ THỊ THANH HOA	02/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	8.75	DI	7.25	C04	0.5	22.5	Trúng tuyển
93	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	12/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	8.25	N1	7.2	D01	0.75	24.4	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
94	HOÀNG THỊ THANH HOÀI	26/08/2002	Nữ	1		Bắc Giang	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	6.75	DI	7.25	C04	0.75	20.95	Trúng tuyển
95	PHẠM THỊ THU HOÀI	27/08/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	8	DI	7.5	C04	0.75	22.25	Trúng tuyển
96	HÀ THỊ THU HOAN	07/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	6.25	DI	8.25	C04	2.75	23.25	Trúng tuyển
97	PHẠM THỊ HOAN	04/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.25	DI	8	C04	0.75	20.6	Trúng tuyển
98	ĐỖ HUY HOÀNG	07/12/2003	Nam	1		Bắc Giang	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.4	VA	7	N1	5.2	D01	0.75	21.35	Trúng tuyển
99	ĐÀM THANH HỒNG	23/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	6.25	DI	7	C04	0.25	20.3	Trúng tuyển
100	LÊ THỊ HỒNG	18/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	8.25	DI	9.5	C04	0.25	25.8	Trúng tuyển
101	NGUYỄN THỊ THANH HUẾ	31/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	8.75	DI	7.25	C04	0.75	24.15	Trúng tuyển
102	NGUYỄN THỊ HUỆ	18/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	7.25	DI	5.75	C04	0.25	19.45	Trúng tuyển
103	DƯ KHÁNH HUYỀN	07/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	7.75	DI	8	C04	0.25	22.2	Trúng tuyển
104	ĐINH THỊ KHÁNH HUYỀN	01/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8.25	N1	6.8	D01	0.25	22.5	Trúng tuyển
105	ĐINH THU HUYỀN	29/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8.25	N1	7.8	D01	0.25	23.5	Trúng tuyển
106	ĐỖ THỊ KHÁNH HUYỀN	01/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	7.5	DI	8.75	C04	0.5	23.15	Trúng tuyển
107	NGUYỄN MAI NGỌC HUYỀN	06/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7	DI	6.75	C04	0.25	20.6	Trúng tuyển
108	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	20/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.4	VA	8.25	DI	7.5	C04	0.25	20.4	Trúng tuyển
109	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	11/10/2003	Nữ	2NT		Thanh Hoá	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8	DI	7.25	C04	0.5	22.35	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
110	LƯU THỊ THU HƯƠNG	28/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	6.5	DI	7.5	C04	0.75	21.15	Trúng tuyển
111	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	16/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	7	DI	9	C04	2.75	24.35	Trúng tuyển
112	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	02/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	8.75	DI	8.75	C04	0.25	25.15	Trúng tuyển
113	VŨ HOÀNG KHANH	30/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	6.75	DI	7	C04	0.25	20.6	Trúng tuyển
114	CHIU HƯƠNG LAN	28/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	7.25	DI	7.75	C04	2.75	24.15	Trúng tuyển
115	HÀ HẢI LAN	26/12/2002	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.4	VA	7	DI	7	C04	2.25	21.65	Trúng tuyển
116	BÙI LÊ HUỆ LINH	01/08/2003	Nữ	2		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.4	VA	7.75	DI	7	C04	0.25	19.4	Trúng tuyển
117	ĐẶNG THUYỀN LINH	15/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	8	DI	8.75	C04	2.75	25.7	Trúng tuyển
118	ĐẶNG THUYỀN LINH	02/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	5.25	DI	7.5	C04	2.75	21.9	Trúng tuyển
119	ĐIỆP THỊ LINH	20/08/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	8.25	DI	8.25	C04	2.5	24.8	Trúng tuyển
120	ĐÌNH DIỆU LINH	15/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7.5	N1	9.2	D01	0.25	23.55	Trúng tuyển
121	LÊ KHÁNH LINH	01/11/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	6.75	DI	7	C04	1.5	22.05	Trúng tuyển
122	LÊ THỊ LINH	06/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	7.25	N1	6.2	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
123	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	27/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	7.5	DI	8.5	C04	0.75	22.55	Trúng tuyển
124	NGUYỄN MAI LINH	10/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5	VA	7	DI	7	C04	0.25	19.25	Trúng tuyển
125	TRẦN DIỆU LINH	10/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	8.25	DI	7.25	C04	0.25	23.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
126	VŨ KHÁNH LINH	18/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8.5	DI	8	C04	0.75	24.45	Trúng tuyển
127	VŨ THỊ MAI LINH	19/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7.5	DI	7.75	C04	0.75	22.6	Trúng tuyển
128	LÝ THỊ LOAN	11/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	5.75	DI	8.25	C04	2.75	22.55	Trúng tuyển
129	NGỌC THANH LOAN	17/05/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	7.25	DI	7.75	C04	0.75	21.55	Trúng tuyển
130	ĐINH TIẾN LỘC	02/02/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	7	DI	8	C04	0.5	22.5	Trúng tuyển
131	DƯƠNG KHÁNH LY	13/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	7.5	DI	8.5	C04	0.25	23.65	Trúng tuyển
132	TẠ THỊ HƯƠNG LY	01/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	4.75	DI	6	C04	2.75	20.3	Trúng tuyển
133	NGUYỄN THÚY MAI	29/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5	VA	7.5	DI	9	C04	0.25	21.75	Trúng tuyển
134	TRƯƠNG THỊ NGỌC MINH	02/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7	DI	5.75	C04	0.75	20.3	Trúng tuyển
135	TRƯƠNG THỊ MƠ	23/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8	DI	8.75	C04	2.75	26.3	Trúng tuyển
136	NGUYỄN TRÀ MY	17/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7	DI	7	C04	0.25	21.05	Trúng tuyển
137	ĐINH LÝ QUỲNH NGA	13/01/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	6	N1	4.2	D01	2.5	19.1	Trúng tuyển
138	ĐINH THỊ NGUYỆT NGA	09/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7	DI	6	C04	0.25	20.05	Trúng tuyển
139	BÙI THU NGÂN	13/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	8	DI	7.75	C04	0.75	24.1	Trúng tuyển
140	GIÁP THỊ THÙY NGOAN	20/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8.75	DI	7	C04	2.75	25.1	Trúng tuyển
141	HOÀNG BÍCH NGỌC	26/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.75	N1	6.4	D01	0.25	21.6	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
142	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	08/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7	DI	8.75	C04	0.75	23.3	Trúng tuyển
143	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	26/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8	DI	6.75	C04	0.75	22.3	Trúng tuyển
144	LÝ THỊ NGUYỄN	29/08/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8	DI	7.75	C04	2.25	25.2	Trúng tuyển
145	TRƯƠNG THẢO NGUYỄN	30/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	7.5	DI	7.25	C04	0.5	22.25	Trúng tuyển
146	NGUYỄN THANH NHÂN	05/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7	DI	8.5	C04	0.25	23.35	Trúng tuyển
147	TRIỆU THỊ TUYẾT NHI	28/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	9	DI	8.5	C04	0.75	25.85	Trúng tuyển
148	ĐINH ÁNH NHUNG	27/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	7	DI	8	C04	0.5	22.1	Trúng tuyển
149	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	18/01/1995	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7.5	DI	6.5	C04	0.25	21.05	Trúng tuyển
150	MÃ PHƯƠNG NHUNG	05/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.4	VA	5.75	DI	7	C04	2.75	20.9	Trúng tuyển
151	VŨ KIỀU OANH	06/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	6.75	N1	5.6	D01	0.25	20	Trúng tuyển
152	LÊ THỊ PHƯƠNG	20/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.4	VA	8	DI	8.25	C04	0.5	21.15	Trúng tuyển
153	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	04/11/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	8.25	DI	8.5	C04	0.5	24.65	Trúng tuyển
154	PHÙNG THU PHƯƠNG	01/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	6.25	DI	7.5	C04	0.75	21.1	Trúng tuyển
155	PHẠM THU PHƯƠNG	21/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	8	DI	8.5	C04	0.5	25.2	Trúng tuyển
156	BÙI THỊ DIỄM QUỲNH	29/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.5	DI	8	C04	0.25	20.35	Trúng tuyển
157	KHÚC NHƯ QUỲNH	15/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.6	VA	6.75	DI	6	C04	2.75	20.1	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
158	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	10/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	7.5	DI	8.5	C04	0.75	22.95	Trúng tuyển
159	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	01/07/2003	Nữ	1		Sơn La	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	7.25	DI	6.5	C04	0.75	20.7	Trúng tuyển
160	NGÔ THÚY SEN	10/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.4	VA	6.25	DI	7.5	C04	2.75	23.9	Trúng tuyển
161	VƯƠNG THỊ MỸ TÂM	23/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	8	DI	9	C04	0.25	24.85	Trúng tuyển
162	NGÔ THỦY TIÊN	03/06/2002	Nữ	2		Hà Nội	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8	N1	8.4	D01	0.25	23.45	Trúng tuyển
163	ĐÀO DUY TÙNG	20/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.6	VA	7.25	DI	8.5	C04	0.75	25.1	Trúng tuyển
164	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	23/11/2003	Nữ	2		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	8	N1	5	D01	0.25	21.05	Trúng tuyển
165	VẦY MÓC THANH	27/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	7.75	DI	7.75	C04	2.75	25.85	Trúng tuyển
166	BÀN THỊ THẢO	24/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	5.25	DI	6.75	C04	2.75	20.75	Trúng tuyển
167	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	13/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.4	VA	7.75	DI	8.25	C04	0.25	22.65	Trúng tuyển
168	HỒ THỊ THẢO	25/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	8	DI	8.25	C04	2.75	24.8	Trúng tuyển
169	PHẠM THỊ THẢO	08/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	8	DI	8	C04	0.25	24.05	Trúng tuyển
170	TÔ THỊ DIỆU THẢO	28/12/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	6	DI	6.75	C04	1.5	20.25	Trúng tuyển
171	TRẦN THỊ HỒNG THẢO	13/02/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	7.75	N1	7	D01	0.5	23.05	Trúng tuyển
172	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	31/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8.5	N1	5	D01	0.25	20.95	Trúng tuyển
173	CHU THỊ THẨM	06/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6	VA	7	N1	8	D01	0.25	21.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
174	BÙI PHƯƠNG THỦY	13/10/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	8	N1	8	D01	0.5	23.7	Trúng tuyển
175	TRẦN THU THỦY	17/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.6	VA	7.5	DI	7.5	C04	2.75	22.35	Trúng tuyển
176	ĐỖ THỊ MINH THU	16/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.4	VA	5.75	DI	8	C04	0.25	19.4	Trúng tuyển
177	PHẠM THỊ THƯƠNG	17/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	8	DI	7	C04	0.5	22.1	Trúng tuyển
178	TRƯƠNG THỊ NGỌC THƯƠNG	06/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	4.8	VA	7.25	DI	7.75	C04	2.75	22.55	Trúng tuyển
179	ĐỖ THU TRÀ	06/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	6.5	DI	7.25	C04	0.75	21.3	Trúng tuyển
180	KHÔNG THỊ HƯƠNG TRÀ	12/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7	N1	7.8	D01	0.25	22.25	Trúng tuyển
181	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	6	N1	8.8	D01	0.25	22.65	Trúng tuyển
182	BÙI PHƯƠNG TRANG	19/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	7.25	N1	6.6	D01	0.25	22.3	Trúng tuyển
183	BÙI THỊ TRANG	26/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.4	VA	7	DI	7.75	C04	0.5	20.65	Trúng tuyển
184	DU THỊ THU TRANG	29/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	7.25	N1	7.8	D01	0.25	22.1	Trúng tuyển
185	ĐẶNG THÙY TRANG	22/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.8	VA	8.75	DI	8.75	C04	0.25	24.55	Trúng tuyển
186	HOÀNG THÙY TRANG	15/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.8	VA	5.5	DI	9.25	C04	2.75	23.3	Trúng tuyển
187	NGUYỄN HÀ TRANG	14/11/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.2	VA	7.75	N1	6.2	D01	2.75	22.9	Trúng tuyển
188	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	13/10/2003	Nữ	3		Tp. Hồ Chí Minh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8	VA	7	DI	7.25	C04	0	22.25	Trúng tuyển
189	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	19/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	8	N1	8	D01	0.25	24.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
190	PHẠM THU TRANG	01/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.8	VA	7.5	DI	8.25	C04	0.75	24.3	Trúng tuyển
191	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	25/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.2	VA	7.75	N1	6	D01	0.25	21.2	Trúng tuyển
192	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	17/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	6.6	VA	6	DI	7.5	C04	0.75	20.85	Trúng tuyển
193	PHÍ THỊ THANH TRÚC	15/06/2002	Nữ	1		Thái Nguyên	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.25	DI	6.75	C04	0.75	19.35	Trúng tuyển
194	LÂM THỊ TRƯỜNG	05/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.2	VA	7.75	DI	9.5	C04	2.75	28.2	Trúng tuyển
195	VŨ TÚ UYÊN	03/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7.6	VA	8.5	N1	9.6	D01	0.75	26.45	Trúng tuyển
196	BÙI NGỌC VÂN	31/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.5	DI	6.75	C04	0.25	19.1	Trúng tuyển
197	LÊ ÁNH VÂN	20/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.4	VA	6.25	N1	8.8	D01	0.25	23.7	Trúng tuyển
198	TRẦN THANH VÂN	03/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	8.4	VA	7.5	N1	7	D01	0.25	23.15	Trúng tuyển
199	ĐẶNG THỊ HÀ VI	05/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.2	VA	8	DI	7.25	C04	0.25	20.7	Trúng tuyển
200	SÁI THỊ XUÂN	02/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	7	VA	7.75	DI	9	C04	2.75	26.5	Trúng tuyển
201	LÝ THỊ NGỌC XUYỀN	20/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7140202	Giáo dục Tiểu học	TO	5.6	VA	6.25	DI	6.25	C04	2.75	20.85	Trúng tuyển
202	TRẦN NGỌC AN	26/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	8.5	N1	9.2	D01	0.33	34.43	Trúng tuyển
203	BÙI NGUYỄN HOÀNG ANH	22/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	6.75	N1	8.8	D01	0.33	32.48	Trúng tuyển
204	ĐÀO THỊ KIỀU ANH	01/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	DI	7.75	N1	5.6	D10	0.67	26.42	Trúng tuyển
205	ĐOÀN VÂN ANH	28/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.25	N1	9.2	XH	8.83	D78	0.33	34.81	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
206	ĐỖ HOÀNG ANH	25/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	6.5	N1	9	D01	1	32.1	Trúng tuyển
207	HOÀNG HUYỀN ANH	01/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	8.25	N1	7.2	XH	8.08	D78	1	31.73	Trúng tuyển
208	HOÀNG TÀI ANH	05/12/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	DI	8.25	N1	4.4	D10	0.33	23.98	Trúng tuyển
209	LÊ NGỌC ANH	07/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	8.5	N1	7.8	D01	0.33	31.23	Trúng tuyển
210	LÊ THỊ VÂN ANH	07/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	DI	8.5	N1	6.2	D10	0.33	29.43	Trúng tuyển
211	MAI PHƯƠNG ANH	25/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	8.25	N1	8.4	D01	0.33	32.38	Trúng tuyển
212	NGÔ HOÀNG ANH	07/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	LI	8.25	N1	8.4	A01	0.33	32.38	Trúng tuyển
213	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ANH	17/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5	VA	8	N1	9.2	D01	0.33	31.73	Trúng tuyển
214	PHẠM NGỌC ANH	05/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	VA	8	N1	9	D01	0.33	34.53	Trúng tuyển
215	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	27/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.5	N1	8	XH	7.67	D78	0.67	30.84	Trúng tuyển
216	VŨ DUY ANH	29/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	3.8	XH	7.92	D78	0.33	23.6	Trúng tuyển
217	VŨ THỊ VÂN ANH	27/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.5	N1	5	XH	6	D78	1	24.5	Trúng tuyển
218	CAO MINH ÁNH	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	8.25	N1	7.4	XH	8.25	D78	0.33	31.63	Trúng tuyển
219	NINH THỊ NGỌC ÁNH	02/10/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	7.75	N1	9.2	D01	0.67	34.22	Trúng tuyển
220	MAI QUỐC ANH BẢO	05/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	5.5	N1	5	D01	0.33	21.83	Trúng tuyển
221	ĐỒNG TIẾN CẢNH	17/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	7.75	N1	7.4	D01	1	30.15	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
222	ĐOÀN KIM CHI	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.4	VA	7	N1	9.4	D01	0.33	31.53	Trúng tuyển
223	ĐỖ BÙI HUYỀN CHI	22/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	4.4	VA	5	N1	5.2	D01	0.67	20.47	Trúng tuyển
224	TRẦN LINH CHI	04/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	8	N1	9.4	D01	0.33	34.13	Trúng tuyển
225	NGÔ THẾ CHUÂN	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	6.75	N1	8.4	D01	0.33	30.68	Trúng tuyển
226	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	23/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.5	N1	8.6	XH	6	D78	0.33	30.03	Trúng tuyển
227	TRIỆU ĐỨC DŨNG	16/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.2	VA	5	N1	8.8	D01	0.33	28.13	Trúng tuyển
228	BÙI THỊ THUỶ DƯƠNG	28/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	6	XH	8	D78	0.33	28.08	Trúng tuyển
229	NGÔ ÁNH DƯƠNG	24/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	7	N1	9.6	D01	0.33	33.13	Trúng tuyển
230	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	09/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	LI	8.25	N1	6.8	A01	0.33	29.58	Trúng tuyển
231	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	11/10/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.4	VA	8	N1	9	D01	0.33	34.73	Trúng tuyển
232	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	7	XH	6.92	D78	0.33	29	Trúng tuyển
233	NGUYỄN DƯƠNG ĐẠT	25/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	6.5	N1	8.8	D01	0.33	31.23	Trúng tuyển
234	VŨ TIẾN ĐẠT	26/03/2003	Nam	3		Hải Phòng	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.2	VA	7.75	N1	8.8	D01	0	31.55	Trúng tuyển
235	TRỊNH THÀNH ĐỘ	13/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7.25	N1	8.8	D01	0.33	32.98	Trúng tuyển
236	ĐÀO TRUNG ĐỨC	29/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	7.25	N1	9.6	D01	0.33	32.78	Trúng tuyển
237	LÊ MINH ĐỨC	06/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.4	VA	6.25	N1	8.2	D01	0.33	31.38	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
238	VŨ VIỆT ĐỨC	24/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	3.8	VA	7.25	N1	8	D01	1	28.05	Trúng tuyển
239	DƯƠNG CÔNG GIANG	11/12/2003	Nam	2		Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.4	DI	7	N1	4.4	D10	0.33	21.53	Trúng tuyển
240	ĐẶNG THỊ THÙY GIANG	06/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	8.25	N1	7	D01	1	30.85	Trúng tuyển
241	PHAN NHƯ NGỌC HÀ	16/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	9	XH	6.83	D78	1	32.83	Trúng tuyển
242	TRẦN THU HÀ	22/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	8	XH	8.17	D78	0.33	31.5	Trúng tuyển
243	NGUYỄN THỊ HẠ	21/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	DI	9	N1	5.2	D10	1	27.6	Trúng tuyển
244	NGUYỄN HOÀNG HẢI	28/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.8	VA	5.5	N1	9.4	D01	0.33	30.43	Trúng tuyển
245	ĐÀO THỊ HẠNH	12/01/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	6.5	N1	6.2	D01	0.67	26.17	Trúng tuyển
246	PHẠM VĂN HÀO	22/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	6	N1	3.6	D01	1	20.8	Trúng tuyển
247	TRẦN GIA Hào	17/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	DI	7.75	N1	9.2	D10	1	34.55	Trúng tuyển
248	DƯƠNG THỊ HIỀN	23/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.33	33.03	Trúng tuyển
249	LÝ THU HIỀN	13/08/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	8	N1	7.2	D01	3.33	32.33	Trúng tuyển
250	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	01/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	7.5	N1	9.6	D01	0.33	34.63	Trúng tuyển
251	PHẠM THANH HIỀN	27/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	DI	8	N1	6.2	D10	1	27.4	Trúng tuyển
252	VI TRUNG HIẾU	01/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	LI	6.75	N1	8.8	A01	1	32.75	Trúng tuyển
253	ĐINH THỊ THANH HOA	14/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	8.75	N1	8.6	D01	0.33	34.08	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
254	NGUYỄN NGỌC HOA	18/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	DI	6.5	N1	8.2	D10	1	30.9	Trúng tuyển
255	ĐẶNG NGỌC HÒA	05/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	DI	8.5	N1	6	D10	1	29.1	Trúng tuyển
256	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	24/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	DI	6.5	N1	3.6	D10	0.33	20.43	Trúng tuyển
257	PHẠM HUY HOÀNG	21/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	7.75	N1	8.8	D01	0.33	32.88	Trúng tuyển
258	PHẠM MINH HOÀNG	11/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.2	DI	6.5	N1	4.4	D10	0.33	21.83	Trúng tuyển
259	ĐINH THỊ KIM HUẾ	22/05/2003	Nữ	1		Ninh Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	8	N1	9	D01	1	34.2	Trúng tuyển
260	NGUYỄN THỊ HÀ HUỆ	16/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	LI	7.5	N1	8.6	A01	0.33	32.83	Trúng tuyển
261	NGUYỄN TUẤN HÙNG	07/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	6.5	N1	8	D01	0.33	29.43	Trúng tuyển
262	ĐẶNG QUANG HUY	21/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	9.4	XH	8.08	D78	0.33	34.21	Trúng tuyển
263	NGUYỄN ĐỨC HUY	20/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	7	N1	9	D01	0.33	32.33	Trúng tuyển
264	NGUYỄN THẾ HUY	08/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.4	DI	7.5	N1	7.6	D10	0.33	31.43	Trúng tuyển
265	PHẠM MINH HUY	06/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7.25	N1	6.8	D01	1	29.65	Trúng tuyển
266	TRỊNH QUỐC HUY	26/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	7	N1	8.6	D01	0.33	32.13	Trúng tuyển
267	BÙI KHÁNH HUYỀN	30/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.2	VA	7	N1	4.2	D01	1	22.6	Trúng tuyển
268	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	15/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	5.8	XH	5.75	D78	0.33	24.68	Trúng tuyển
269	CAO THỊ NGỌC HUYỀN	31/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	VA	8.25	N1	4	D01	0.33	22.98	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
270	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	01/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	VA	5.25	N1	7.2	D01	1	28.85	Trúng tuyển
271	TRẦN THỊ HUYỀN	30/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	7	N1	4.2	D01	0.67	22.07	Trúng tuyển
272	HOÀNG DUY HÙNG	11/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	LI	7.25	N1	9.2	A01	0.33	33.58	Trúng tuyển
273	NGUYỄN THÀNH HÙNG	05/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	7.5	N1	9.4	D01	0.33	33.23	Trúng tuyển
274	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	07/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	8	N1	6	D01	0.33	26.93	Trúng tuyển
275	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	21/03/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	8.25	N1	4.4	XH	7.08	D78	0.67	24.8	Trúng tuyển
276	PHẠM TUẤN KIẾT	05/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	6.25	N1	9.6	D01	0.33	33.18	Trúng tuyển
277	NGUYỄN DUY KHOA	03/06/2003	Nam	2		Hưng Yên	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	6.5	N1	4.4	D01	0.33	21.63	Trúng tuyển
278	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	29/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	6.75	N1	7.4	D01	0.33	28.88	Trúng tuyển
279	PHẠM TÙNG LÂM	31/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.75	N1	8.4	XH	7.25	D78	0.33	31.13	Trúng tuyển
280	PHẠM HỒNG LIÊN	20/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.4	LI	7.5	N1	6.2	A01	0.33	28.63	Trúng tuyển
281	VŨ MAI LIÊN	08/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	8.75	N1	8.2	D01	0.33	32.48	Trúng tuyển
282	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	27/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	LI	7.5	N1	9.2	A01	0.33	33.43	Trúng tuyển
283	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	23/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	DI	9	N1	9	D10	0.33	35.13	Trúng tuyển
284	NGUYỄN THỊ LINH	01/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	4.4	VA	6.5	N1	6.4	D01	0.33	24.03	Trúng tuyển
285	PHẠM THỊ MAI LINH	19/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.2	VA	7	N1	6.4	D01	0.33	25.33	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
286	VŨ NGUYỄN HẢI LINH	09/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	7	N1	7.4	D01	0.33	28.93	Trúng tuyển
287	VŨ THÙY LINH	27/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	LI	6.75	N1	7.4	A01	0.33	29.08	Trúng tuyển
288	NGUYỄN THỊ LOAN	25/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	3.6	XH	6.58	D78	3.67	24.45	Trúng tuyển
289	VŨ PHÚC LỘC	27/04/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	DI	8.25	N1	7.2	D10	0.33	30.38	Trúng tuyển
290	NGUYỄN THÀNH LUÂN	28/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	6.5	N1	8.8	D01	1	32.5	Trúng tuyển
291	VŨ VÂN LY	21/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	VA	8	N1	9.6	D01	0.33	33.93	Trúng tuyển
292	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	15/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	7.75	N1	9	D01	1	33.75	Trúng tuyển
293	LÊ THỊ HUYỀN MAI	05/01/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.4	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.33	21.83	Trúng tuyển
294	NGUYỄN HIỀN MAI	11/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.75	N1	8.6	D01	0.33	33.68	Trúng tuyển
295	VŨ THỊ NGỌC MAI	15/02/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8	DI	9	N1	5.4	D10	0.67	28.47	Trúng tuyển
296	VŨ DUY MẠNH	08/05/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	DI	7.75	N1	7.2	D10	1	30.95	Trúng tuyển
297	ĐÌNH HUYỀN MY	29/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.5	N1	8.8	D01	0.33	33.83	Trúng tuyển
298	HOÀNG HẢI MY	01/08/2003	Nữ	2		Hải Dương	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.75	N1	8.8	D01	0.33	34.08	Trúng tuyển
299	NGUYỄN TRÀ MY	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.5	N1	8	XH	6.08	D78	0.33	28.91	Trúng tuyển
300	VŨ ĐÌNH NAM	16/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	DI	8.5	N1	4.8	D10	0.33	24.83	Trúng tuyển
301	TRỊNH KIỀU NINH	21/09/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.8	DI	9.25	N1	7.8	D10	0.33	33.98	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
302	BÙI THỊ NGA	05/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	6.5	N1	5.2	D01	0.33	23.23	Trúng tuyển
303	ĐỖ LÊ HÀ NGÂN	13/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.8	VA	8	N1	7.8	D01	0.33	29.73	Trúng tuyển
304	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	16/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.8	VA	7.75	N1	7.6	D01	0.33	29.08	Trúng tuyển
305	BÙI THỊ NGỌC	25/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.25	N1	7	D01	1	30.65	Trúng tuyển
306	HOÀNG BẢO NGỌC	28/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	LI	6.5	N1	8.8	A01	0.33	32.63	Trúng tuyển
307	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	22/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8	VA	8	N1	8.4	D01	0.33	33.13	Trúng tuyển
308	NGUYỄN VŨ BẢO NGỌC	23/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	7.75	N1	8.8	D01	0.33	33.08	Trúng tuyển
309	HOÀNG YẾN NHI	01/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.25	N1	4.2	XH	7.92	D78	1	23.57	Trúng tuyển
310	PHẠM THỊ YẾN NHI	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.5	N1	6	XH	7.75	D78	0.33	26.58	Trúng tuyển
311	NGUYỄN HỒNG NHUNG	04/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	DI	7.25	N1	6.2	D10	1	27.65	Trúng tuyển
312	NGUYỄN THANH NHUNG	14/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	7	N1	8.4	D01	1	31.6	Trúng tuyển
313	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	19/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7.75	N1	6	D01	0.33	27.88	Trúng tuyển
314	NGUYỄN THỊ NHUNG	25/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	9	N1	8.6	XH	8.92	D78	0.33	35.45	Trúng tuyển
315	ĐIỆP THU PHƯƠNG	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	3.6	VA	8	N1	6	D01	0.33	23.93	Trúng tuyển
316	VŨ HÀ PHƯƠNG	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	4.75	N1	9.6	D01	0.33	32.08	Trúng tuyển
317	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	31/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	6.75	N1	4	D01	1	22.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
318	NGUYỄN MINH QUÂN	19/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.2	VA	6.5	N1	8.8	D01	0.33	29.63	Trúng tuyển
319	VŨ HỒNG QUÂN	03/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	8.25	N1	9.2	D01	0.33	34.38	Trúng tuyển
320	ĐÀO TRÚC QUỲNH	30/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.8	VA	6.25	N1	6.2	D01	0.33	25.78	Trúng tuyển
321	NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH	05/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7.75	N1	8.4	D01	0.67	33.02	Trúng tuyển
322	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	16/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	9.25	N1	8	D01	0.33	33.18	Trúng tuyển
323	PHẠM NHƯ QUỲNH	15/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	6.75	N1	6.4	D01	0.67	27.62	Trúng tuyển
324	DƯƠNG ĐÌNH SÂM	03/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7.75	N1	6.6	D01	0.33	29.08	Trúng tuyển
325	LƯƠNG THANH TÂM	19/12/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	7	N1	4.2	D01	1	24.2	Trúng tuyển
326	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	27/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	DI	8	N1	7.6	D10	0.33	30.53	Trúng tuyển
327	TRẦN NGỌC TÂN	08/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	3.4	XH	7	D78	0.33	21.13	Trúng tuyển
328	HỒ ĐỨC TIẾN	27/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	8.5	N1	9	D01	0.33	33.83	Trúng tuyển
329	NGUYỄN NHẬT TÍN	22/04/2003	Nam	2NT		Nam Định	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	7	N1	8.6	D01	0.67	32.27	Trúng tuyển
330	BÙI ĐỨC TÚ	27/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	6.75	N1	7.8	D01	0.33	29.68	Trúng tuyển
331	HOÀNG VŨ ANH TÙNG	15/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6	VA	5	N1	7	D01	0.33	25.33	Trúng tuyển
332	NGUYỄN TRÍ THANH	16/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	LI	7.25	N1	8.2	A01	0.33	32.18	Trúng tuyển
333	TẠ THỊ PHƯƠNG THANH	30/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	6.75	N1	7	D01	3.67	31.82	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
334	BÙI ĐỨC THÀNH	04/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7	N1	6.2	XH	4.42	D78	0.33	24.15	Trúng tuyển
335	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	04/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	6.5	N1	7.2	D01	1	28.5	Trúng tuyển
336	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.8	VA	7	N1	8.4	D01	1	30.6	Trúng tuyển
337	PHẠM THỊ THẨM	04/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.5	N1	5.2	XH	8.42	D78	0.33	26.65	Trúng tuyển
338	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	23/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	6.5	N1	9	D01	0.33	32.43	Trúng tuyển
339	VŨ VĂN THẮNG	09/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7	VA	8.5	N1	7.8	D01	1	32.1	Trúng tuyển
340	ĐINH THỊ THU	31/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.5	N1	7	XH	8.08	D78	1	29.58	Trúng tuyển
341	NGUYỄN THỊ MINH THU	03/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.2	VA	8	N1	8.6	D01	0.33	31.73	Trúng tuyển
342	LÃ THU THỦY	26/12/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.8	VA	8	N1	8.8	D01	0.33	33.73	Trúng tuyển
343	ĐỖ THỊ THANH THÚY	07/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	3.8	VA	7.25	N1	6.8	D01	0.33	24.98	Trúng tuyển
344	HUỲNH THỊ THANH THÚY	29/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	6.75	N1	8.2	D01	0.33	30.68	Trúng tuyển
345	NGUYỄN THỊ MINH THU'	06/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6	N1	5.2	XH	6.75	D78	0.67	23.82	Trúng tuyển
346	VŨ ANH THU'	26/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	6	XH	7.83	D78	0.67	28.25	Trúng tuyển
347	HOÀNG THỊ DIỆU THƯƠNG	11/09/2003	Nữ	1	01	Lào Cai	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	VA	7.5	N1	7.2	D01	3.67	31.97	Trúng tuyển
348	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	28/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.6	VA	8	N1	8	D01	1	32.6	Trúng tuyển
349	NGUYỄN THỊ TRÀ	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	LI	7	N1	8.4	A01	0.33	32.33	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
350	BÀ LINH TRANG	26/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	7	XH	7.58	D78	3.67	33	Trúng tuyển
351	ĐOÀN THỊ QUỲNH TRANG	10/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	7.75	N1	7.6	D01	0.33	30.48	Trúng tuyển
352	NGUYỄN KIỀU TRANG	03/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8	VA	8.5	N1	6.4	D01	1	30.3	Trúng tuyển
353	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	22/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8	VA	6	N1	7.8	D01	0.33	29.93	Trúng tuyển
354	NGUYỄN THỊ THU TRANG	04/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	8.25	N1	9	XH	8.25	D78	0.33	34.83	Trúng tuyển
355	NGUYỄN THỊ THU TRANG	08/11/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.6	VA	7	N1	5.4	D01	1	25.4	Trúng tuyển
356	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	21/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.2	VA	7.25	N1	9.4	D01	0.33	33.58	Trúng tuyển
357	NGUYỄN THÙY TRANG	27/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	4.2	VA	4.5	N1	6.8	D01	1	23.3	Trúng tuyển
358	PHẠM THU TRANG	16/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	6	N1	5.2	D01	1	24.8	Trúng tuyển
359	TRỊNH THỊ THU TRANG	19/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	6.25	N1	4.6	XH	5.58	D78	0.33	21.36	Trúng tuyển
360	VI THỊ HOÀNG TRANG	06/03/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	5.75	N1	4.8	XH	6.75	D78	3.67	25.77	Trúng tuyển
361	VŨ KIỀU TRANG	10/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	8.25	N1	7.4	XH	7.67	D78	0.33	31.05	Trúng tuyển
362	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	13/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.75	N1	5.2	XH	8.25	D78	1	27.4	Trúng tuyển
363	NGÔ THANH TRÚC	09/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	LI	7.25	N1	8.4	A01	0.33	32.58	Trúng tuyển
364	MAI NGỌC UYÊN	01/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.2	DI	8.75	N1	6.8	D10	0.33	30.88	Trúng tuyển
365	PHẠM THỊ TÚ UYÊN	06/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	7.25	N1	8.4	XH	8.25	D78	0.33	32.63	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
366	TRẦN THỊ THÙY VÂN	02/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	VA	7.25	N1	8.4	D01	0.33	30.78	Trúng tuyển
367	TRƯƠNG XUÂN VIỆT	20/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	4.6	VA	4	N1	8.8	D01	0.33	26.53	Trúng tuyển
368	LÊ THỊ QUANG VINH	19/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	7.4	VA	7.75	N1	7.8	D01	0.67	31.42	Trúng tuyển
369	NGUYỄN KIM VŨ	03/06/2003	Nam	1		Lạng Sơn	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	2.4	VA	6	N1	9	D01	1	27.4	Trúng tuyển
370	ĐINH QUÍ VY	21/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	6.4	DI	7.5	N1	8.8	D10	0.33	31.83	Trúng tuyển
371	ĐỖ THỊ HOÀNG YẾN	24/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	5.8	VA	5.5	N1	8.6	D01	0.33	28.83	Trúng tuyển
372	NGUYỄN HẢI YẾN	08/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	TO	8.4	DI	7.5	N1	6	D10	0.33	28.23	Trúng tuyển
373	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	31/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	VA	5.25	N1	6.4	XH	6.42	D78	1	25.47	Trúng tuyển
374	BÙI THU AN	04/10/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	6.25	N1	3.4	D01	0.5	17.15	Trúng tuyển
375	PHẠM THỊ THANH AN	22/10/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	9.2	XH	8.75	D78	0.5	26.45	Trúng tuyển
376	ÂN THỊ TÚ ANH	11/04/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.6	XH	7.92	D78	1.25	19.77	Trúng tuyển
377	BÙI HIỆU ANH	24/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5	N1	5	XH	7.5	D78	0.75	18.25	Trúng tuyển
378	BÙI TRẦN LAN ANH	07/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.4	VA	6	N1	6	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
379	DƯƠNG HOÀNG ANH	12/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	9	VA	7	N1	6.2	D01	0.25	22.45	Trúng tuyển
380	ĐÀO THỊ MỸ ANH	05/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	4.75	N4	6.8	D04	0.25	17.6	Trúng tuyển
381	ĐẶNG HOÀNG ANH	14/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.4	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
382	ĐOÀN NGUYỄN TÚ ANH	16/05/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	9.4	XH	7.92	D78	0.5	25.07	Trúng tuyển
383	ĐỖ PHƯƠNG ANH	26/12/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	8	N1	3.4	D01	0.5	18.7	Trúng tuyển
384	ĐỖ VI ANH	26/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7.75	N4	7.4	D04	0.25	23.6	Trúng tuyển
385	HÀ NGỌC ANH	12/02/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	LI	7.5	N1	7	A01	0.5	23.6	Trúng tuyển
386	HOÀNG THẠCH ANH	24/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	7.4	XH	9.5	D78	0.25	25.15	Trúng tuyển
387	LẠI PHƯƠNG ANH	03/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.25	N1	8.4	D01	0.75	25.6	Trúng tuyển
388	NGUYỄN HỒNG ANH	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4.6	XH	5.92	D78	0.25	18.02	Trúng tuyển
389	NGUYỄN MAI ANH	24/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	4.5	N1	5.8	D01	0.25	18.75	Trúng tuyển
390	NGUYỄN NGỌC ANH	12/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	8.25	N1	7	D01	0.75	21.2	Trúng tuyển
391	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8	N4	7.8	D04	0.75	23.95	Trúng tuyển
392	NGUYỄN THỊ LAN ANH	20/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	LI	5.75	N1	8	A01	0.25	21.4	Trúng tuyển
393	NGUYỄN THỊ LAN ANH	03/12/2003	Nữ	2NT		Bắc Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	LI	6.25	N1	4	A01	0.5	17.35	Trúng tuyển
394	NGUYỄN THỊ MAI ANH	10/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	6.75	N1	6	D01	0.5	19.25	Trúng tuyển
395	PHẠM HẢI ANH	12/05/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	6.25	N4	7.8	D04	0	20.25	Trúng tuyển
396	PHẠM VIỆT ANH	18/10/2003	Nam	2		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	7.75	N1	3.6	D01	0.25	17.4	Trúng tuyển
397	PHÙN THỊ VIỆT ANH	06/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.6	XH	8.5	D78	2.75	23.85	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
398	TRẦN HÀ ANH	11/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.5	N4	8	D04	0.25	22.95	Trúng tuyển
399	TRẦN VÂN ANH	27/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.25	N1	8.4	D01	0.75	23.4	Trúng tuyển
400	VŨ LÊ QUỲNH ANH	29/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	6.2	XH	7.58	D78	0.75	20.53	Trúng tuyển
401	VY THỊ LAN ANH	21/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7	N1	7.8	D01	0.25	22.85	Trúng tuyển
402	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	31/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	5.2	XH	8.08	D78	0.25	21.78	Trúng tuyển
403	MAI THỊ NGỌC ÁNH	21/02/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6.4	XH	9	D78	0.5	23.15	Trúng tuyển
404	NÔNG HOÀNG ÁNH	04/06/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6.4	XH	9	D78	2.75	25.4	Trúng tuyển
405	NGUYỄN NGỌC ÁNH	18/11/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.25	N1	9.2	D01	0.5	24.35	Trúng tuyển
406	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	24/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.25	N4	9	D04	0.25	22.9	Trúng tuyển
407	TRẦN THỊ NGUYỆT ÁNH	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	LI	6	N1	7.2	A01	0.25	21.25	Trúng tuyển
408	ĐƯỜNG THỊ THU BA	09/02/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.5	N1	3.8	D01	2.75	21.65	Trúng tuyển
409	ĐINH XUÂN BẰNG	13/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	5	N1	6.8	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
410	LƯƠNG TIẾN BẰNG	12/12/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	3.25	N1	5	XH	6.67	D78	2.75	17.67	Trúng tuyển
411	ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH	22/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	6.25	N1	7.6	D01	0.5	21.15	Trúng tuyển
412	PHƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH	03/09/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.75	N1	5.2	D01	2.75	23.1	Trúng tuyển
413	NGUYỄN THANH BÌNH	19/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	7.2	XH	7.5	D78	0.5	22.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
414	TRẦN THỊ BÌNH	17/07/2003	Nữ	2		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7.75	N1	8.6	D01	0.25	24.6	Trúng tuyển
415	TRẦN THỊ BÙU	17/01/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	5.2	XH	8.33	D78	2.75	23.78	Trúng tuyển
416	NINH VĂN CAO	27/10/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	3.2	XH	6.5	D78	2.75	18.2	Trúng tuyển
417	DƯƠNG THÀNH CÔNG	02/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	6.5	N1	9.2	D01	0.25	21.75	Trúng tuyển
418	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	23/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	3	XH	8.67	D78	0.75	18.67	Trúng tuyển
419	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	05/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.25	N1	5.6	D01	0.25	19.5	Trúng tuyển
420	LÊ ĐÌNH CƯỜNG	10/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	3.6	XH	8	D78	0.25	19.1	Trúng tuyển
421	VŨ MẠNH CƯỜNG	27/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	6.25	N1	8.8	D01	0.25	21.5	Trúng tuyển
422	LẠC THỊ CHẨN	18/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	4	XH	6.5	D78	2.75	19	Trúng tuyển
423	CHU QUỲNH CHI	25/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.25	N1	4.8	D01	2.75	21.2	Trúng tuyển
424	LÊ THỊ CHI	15/04/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	8	N1	6	D01	0.5	20.9	Trúng tuyển
425	LÊ YẾN CHI	02/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	7.8	XH	8.75	D78	0.25	25.3	Trúng tuyển
426	MAI QUỲNH CHI	20/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.5	N1	6.6	D01	0.5	22.2	Trúng tuyển
427	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	30/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	8	N4	9	D04	0.75	24.15	Trúng tuyển
428	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	21/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	9.2	XH	8.25	D78	0.25	25.7	Trúng tuyển
429	PHẠM THỊ CHI	01/09/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.4	VA	6.75	N1	8.8	D01	0.5	24.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
430	VŨ THỊ KIM CHI	27/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	4.8	XH	7.42	D78	0.5	19.72	Trúng tuyển
431	NGUYỄN VĂN CHIẾN	26/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	4.8	XH	7.58	D78	0.75	20.63	Trúng tuyển
432	NGUYỄN VĂN CHIẾN	07/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	3.4	XH	6.83	D78	0.5	17.73	Trúng tuyển
433	VŨ THỊ CHÍN	06/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.4	VA	8	N1	4.4	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
434	HÒA THỊ CHINH	13/09/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7.75	N1	7.4	D01	0.5	23.65	Trúng tuyển
435	PHẠM THỊ KIỀU CHINH	29/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.25	N4	9.8	D04	0.25	26.5	Trúng tuyển
436	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	07/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	7.5	N1	5	D01	0.5	19	Trúng tuyển
437	BÙI VĂN CHUNG	10/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.4	VA	6.5	N1	5.8	D01	0.5	18.2	Trúng tuyển
438	BÀN THỊ DIỆU	20/11/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8.5	N1	7.2	D01	2.25	24.15	Trúng tuyển
439	HOÀNG THỊ DỊU	16/07/2002	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7	N4	4.8	D04	0.75	19.15	Trúng tuyển
440	NGÔ THỊ HIỀN DỊU	02/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	8.25	N1	6.2	D01	0.75	22	Trúng tuyển
441	DƯƠNG THỊ DOANH DOANH	01/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.75	N1	4.8	XH	7.75	D78	0.25	21.55	Trúng tuyển
442	HOÀNG THỊ DOANH	23/10/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	6.5	N1	5.4	D01	0.25	17.95	Trúng tuyển
443	HÀ HUYỀN DUNG	15/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	5.8	XH	8.58	D78	2.75	24.63	Trúng tuyển
444	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	24/06/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	6.6	XH	8.08	D78	0.5	23.68	Trúng tuyển
445	NGUYỄN THÙY DUNG	26/03/2003	Nữ	2		Thanh Hoá	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	8	N4	7.2	D04	0.25	22.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
446	PHẠM THỊ DUNG	11/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7.5	N1	3.6	D01	0.25	19.35	Trúng tuyển
447	VŨ THỊ DUNG	15/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.5	N1	7.2	D01	0.75	22.45	Trúng tuyển
448	NGUYỄN TIẾN DŨNG	08/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	5.2	XH	7.83	D78	0.25	20.03	Trúng tuyển
449	PHẠM DUY DŨNG	12/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.67	N1	8.8	D01	0.25	23.12	Trúng tuyển
450	PHAN TIẾN DŨNG	08/09/2002	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7	N1	3	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
451	ĐỖ HỒNG DUYÊN	03/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	6	XH	8.08	D78	0.5	22.33	Trúng tuyển
452	LOAN THỊ THÙY DUYÊN	16/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.2	XH	6.42	D78	2.75	19.37	Trúng tuyển
453	LÝ THỊ DUYÊN	03/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	2.6	XH	6.42	D78	2.75	19.52	Trúng tuyển
454	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	22/06/2003	Nữ	2		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	7.75	N1	5.6	D01	0.25	19.2	Trúng tuyển
455	ĐÌNH THỊ THÙY DƯƠNG	06/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7	N1	8.2	D01	0.5	22.9	Trúng tuyển
456	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	24/08/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.25	N1	7.4	D01	0.5	22.35	Trúng tuyển
457	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	23/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	5.6	XH	7.33	D78	0.75	20.68	Trúng tuyển
458	TRỊNH THỊ DƯƠNG	20/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.25	N1	4	XH	7.75	D78	2.75	19.75	Trúng tuyển
459	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	09/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	6.5	N1	6.2	D01	0.75	21.05	Trúng tuyển
460	NÔNG QUỐC ĐẠI	27/06/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	6.8	XH	6	D78	2.5	21.3	Trúng tuyển
461	LA KIM ĐAN	23/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.5	N4	8.2	D04	0.75	25.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
462	LÊ THỊ ANH ĐÀO	31/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	5.75	N1	6	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
463	LÊ THỊ BÍCH ĐÀO	10/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7	N1	8.8	D01	0.5	24.1	Trúng tuyển
464	CHU TIẾN ĐẠT	24/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7	N1	5.4	D01	0.5	21.1	Trúng tuyển
465	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10/11/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5	N1	4.4	XH	7.5	D78	0.5	17.4	Trúng tuyển
466	LÊ THỊ CHÍNH ĐOAN	05/09/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	9.25	N1	8.2	D01	1.5	26.55	Trúng tuyển
467	NGUYỄN QUỐC ĐÔ	01/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	5.5	N1	7.4	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
468	BÙI QUÝ ĐÔN	26/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	LI	5.75	N1	4	A01	0.75	17.9	Trúng tuyển
469	ĐƯƠNG XUÂN ĐỨC	09/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8	N4	8.8	D04	0.75	25.75	Trúng tuyển
470	NGÔ BÁ ĐỨC	12/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	6.5	N1	4.2	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển
471	VŨ MINH ĐỨC	18/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	5.25	N1	8.4	D01	0.25	20.1	Trúng tuyển
472	VŨ VĂN ĐỨC	18/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	6.6	XH	8.58	D78	0.75	22.68	Trúng tuyển
473	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	25/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	6.5	N1	6	D01	0.25	19.55	Trúng tuyển
474	CAO THỊ HƯƠNG GIANG	19/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8	N1	5.2	D01	0.25	21.25	Trúng tuyển
475	HOÀNG THỊ THANH GIANG	16/03/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	5.2	XH	7.25	D78	1.5	19.7	Trúng tuyển
476	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	20/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	4.6	XH	6.92	D78	2.75	21.02	Trúng tuyển
477	NGUYỄN THỊ GIANG	15/09/2003	Nữ	2NT		Bắc Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.5	22	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
478	PHẠM HƯƠNG GIANG	09/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8	N1	8.6	D01	0.25	24.85	Trúng tuyển
479	PHẠM VĂN GIANG	10/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	3.6	XH	8.5	D78	0.75	20.35	Trúng tuyển
480	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	25/09/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	4.25	N4	9	D04	0.25	19.1	Trúng tuyển
481	VŨ THỊ GIANG	02/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6	N1	8.6	D01	0.5	23.1	Trúng tuyển
482	TRIỆU DƯƠNG QUỲNH GIAO	06/06/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	8.5	N1	5.4	D01	2.25	23.15	Trúng tuyển
483	BÙI THỊ HÀ	03/01/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	4.6	XH	7.33	D78	0.5	18.93	Trúng tuyển
484	CAO THỊ THU HÀ	03/06/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	7	XH	8.75	D78	0.25	23.5	Trúng tuyển
485	ĐINH THỊ THU HÀ	12/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	5.4	XH	7	D78	0.25	20.9	Trúng tuyển
486	LÊ THỊ THU HÀ	26/08/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5	VA	7	N1	5.8	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
487	LÊ VIỆT HÀ	08/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.25	N1	5.8	D01	0.25	20.5	Trúng tuyển
488	LÝ THU HÀ	23/11/2003	Nữ	2	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	3.6	VA	7.75	N4	8.6	D04	2.25	22.2	Trúng tuyển
489	NGUYỄN BẮC HÀ	10/08/2003	Nữ	2		Bắc Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	4	N4	9.4	D04	0.25	20.25	Trúng tuyển
490	NGUYỄN THỊ HÀ	12/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	9	XH	8.17	D78	0.25	24.42	Trúng tuyển
491	PHẠM THỊ THU HÀ	15/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.25	N4	9.8	D04	0.25	23.7	Trúng tuyển
492	PHẠM THU HÀ	20/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8.75	N4	9.4	D04	0.25	24.6	Trúng tuyển
493	PHÙNG THÚY HÀ	16/04/2003	Nữ	1	01	Cao Bằng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.6	VA	6.25	N1	5.2	D01	2.75	18.8	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
494	VŨ THỊ HÀ	23/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	5.4	XH	7.08	D78	0.25	19.73	Trúng tuyển
495	TRẦN XUÂN HẠ	20/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	5	XH	7.92	D78	0.75	19.67	Trúng tuyển
496	HOÀNG THU HẢI	24/07/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6.2	XH	8.17	D78	0.75	22.37	Trúng tuyển
497	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8.25	N1	5.4	D01	0.75	20.6	Trúng tuyển
498	PHẠM HỒNG HẠNH	12/11/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.75	N1	7.4	D01	0.75	24.9	Trúng tuyển
499	PHẠM THỊ BÍCH HẠNH	05/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	4.6	XH	8	D78	0.5	21.6	Trúng tuyển
500	ĐINH THỊ MINH HẢO	16/07/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7	N1	8.2	D01	0.5	23.5	Trúng tuyển
501	HOÀNG THỊ HẰNG	31/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	8.25	N1	6	D01	2.75	24.2	Trúng tuyển
502	NÔNG THỊ HẰNG	16/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	6	XH	9.42	D78	2.75	26.17	Trúng tuyển
503	NGUYỄN THANH HẰNG	17/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	3.8	XH	6.58	D78	0.75	19.13	Trúng tuyển
504	NGUYỄN THỊ HẰNG	18/02/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	LI	7	N1	5.8	A01	0.5	21.9	Trúng tuyển
505	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	21/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	3.4	XH	7.5	D78	0.75	19.9	Trúng tuyển
506	NGUYỄN THU HẰNG	02/10/2003	Nữ	1		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	6.5	N1	4.6	D01	0.75	17.85	Trúng tuyển
507	QUY HỒNG HẰNG	27/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	5.5	N1	6.8	D01	2.75	21.05	Trúng tuyển
508	TRẦN THỊ THU HẰNG	20/11/2002	Nữ	2NT		Nam Định	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	5.8	XH	7.83	D78	0.5	20.38	Trúng tuyển
509	VƯƠNG THỊ THU HẰNG	29/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	4.4	XH	7	D78	0.5	18.9	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
510	BÙI THỊ HẬU	03/01/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	7.6	XH	6.42	D78	0.5	21.77	Trúng tuyển
511	BÙI THỊ HIỀN	17/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.4	VA	8.5	N1	8	D01	2.75	27.65	Trúng tuyển
512	PHẠM VĂN HIỀN	24/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	5.25	N1	5.8	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
513	ĐÀO THỊ THU HIỀN	04/09/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.75	23.85	Trúng tuyển
514	ĐINH THU HIỀN	13/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	8.4	XH	9.17	D78	0.25	26.07	Trúng tuyển
515	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	07/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	8.2	XH	7.58	D78	0.25	24.53	Trúng tuyển
516	PHẠM THU HIỀN	30/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	6.5	N1	6.4	D01	0.25	19.75	Trúng tuyển
517	VŨ THỊ THANH HIỀN	14/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	9.25	N1	5	XH	8.58	D78	0.75	23.58	Trúng tuyển
518	ĐẶNG QUANG HIỀN	06/06/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	3.6	XH	6.33	D78	2.75	18.43	Trúng tuyển
519	LÊ VĂN HIỆP	25/03/2003	Nam	1		Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5	VA	7	N1	4.6	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
520	PHẠM VĂN HIẾU	09/11/2003	Nam	2NT		Nam Định	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	5.5	N1	5.4	D01	0.5	19	Trúng tuyển
521	NGUYỄN THỊ HOA	30/08/2003	Nữ	2NT		Vĩnh Phúc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	5.2	XH	6.75	D78	0.5	19.45	Trúng tuyển
522	PHẠM TẠ QUỲNH HOA	06/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	3.4	XH	7.5	D78	0.25	17.15	Trúng tuyển
523	PHẠM THỊ MAI HOA	30/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	7.2	XH	6.58	D78	0.25	22.03	Trúng tuyển
524	TRẦN VỊNH HOA	14/03/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	3.4	XH	6.92	D78	0.75	18.07	Trúng tuyển
525	BÙI THỊ HỒNG HÒA	12/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	5.4	XH	7.5	D78	0.75	21.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
526	ĐẶNG THỊ HÒA	24/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	5	XH	6.75	D78	2.75	21.25	Trúng tuyển
527	PHẠM THỊ MAI HOA	06/11/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.8	XH	8.25	D78	0.75	19.8	Trúng tuyển
528	TÀNG THỊ HÒA	03/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	5	XH	7.67	D78	2.75	22.92	Trúng tuyển
529	LINH THỊ HOÀI	07/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	5	XH	6.83	D78	2.75	22.08	Trúng tuyển
530	MAI THU HOÀI	22/05/2003	Nữ	1	01	Hà Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.6	VA	6	N1	4.6	D01	2.75	17.95	Trúng tuyển
531	NGÔ THỊ HOÀI	01/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	6.6	XH	8.92	D78	0.75	23.77	Trúng tuyển
532	PHẠM THỊ HOÀI	24/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8.5	N1	7.2	D01	0.5	22.4	Trúng tuyển
533	LỤC TIỀN HOÀNG	20/06/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	2.8	XH	6.17	D78	2.75	18.72	Trúng tuyển
534	VŨ HUY HOÀNG	07/09/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	5	XH	7.17	D78	0.5	19.17	Trúng tuyển
535	BÙI THỊ HỒNG	21/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.75	N1	8.2	D01	0.25	25.2	Trúng tuyển
536	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	12/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.6	VA	7.5	N4	7.8	D04	0.25	20.15	Trúng tuyển
537	NGUYỄN THỊ HỒNG	11/10/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8	N1	8	D01	0.75	24.55	Trúng tuyển
538	VŨ THỊ HỒNG	22/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	6.6	XH	8.67	D78	0.75	23.77	Trúng tuyển
539	PHÙNG THỊ HUẾ	02/04/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	3.4	XH	8.08	D78	0.75	19.48	Trúng tuyển
540	PHẠM KHÁNH HUỆ	27/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7.5	N4	7.2	D04	0.25	22.95	Trúng tuyển
541	NGUYỄN VĂN HÙNG	30/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	6.5	N4	7.4	D04	0.25	20.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
542	VI QUANG HUY	26/11/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	7.2	XH	7.5	D78	2.75	25.45	Trúng tuyển
543	LÊ THỊ HUYỀN	01/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	9	N1	6.4	D01	0.25	23.05	Trúng tuyển
544	BÙI THANH HUYỀN	29/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	3.5	N1	5.4	XH	7.83	D78	0.75	17.48	Trúng tuyển
545	BÙI THỊ HUYỀN	24/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	5.6	XH	8.5	D78	0.75	22.1	Trúng tuyển
546	BÙI THỊ THANH HUYỀN	02/11/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	9.2	VA	8	N1	7.6	D01	0.5	25.3	Trúng tuyển
547	ĐÌNH NGỌC HUYỀN	24/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	5.2	XH	6.58	D78	0.75	19.53	Trúng tuyển
548	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	24/01/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7	N1	8.6	D01	0.5	23.9	Trúng tuyển
549	HOÀNG THỊ HUYỀN	29/03/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	7.75	N1	5	D01	0.5	18.45	Trúng tuyển
550	LÊ THỊ HUYỀN	22/09/2003	Nữ	2NT		Thanh Hoá	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7	N1	5.2	D01	0.5	19.5	Trúng tuyển
551	LÊ THỊ THANH HUYỀN	12/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	9	N1	8.8	XH	8.33	D78	0.75	26.88	Trúng tuyển
552	NGUYỄN THỊ HUYỀN	17/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6	N1	5.6	D01	0.75	20.35	Trúng tuyển
553	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	12/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7	N1	7.2	D01	0.25	21.45	Trúng tuyển
554	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	15/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	8.75	N1	6.4	D01	0.75	21.9	Trúng tuyển
555	PHẠM THU HUYỀN	20/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	7.2	XH	8.33	D78	0.25	24.03	Trúng tuyển
556	TRẦN THỊ MỸ HUYỀN	24/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	5.6	XH	8.5	D78	0.5	20.6	Trúng tuyển
557	VŨ THU HUYỀN	09/01/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	VA	6.75	N1	7	D01	0.75	23.1	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
558	VŨ THU HUYỀN	03/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	4.75	N1	6.2	D01	0.75	19.1	Trúng tuyển
559	HOÀNG LÊ HÙNG	20/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	5.75	N4	9.4	D04	0.25	22.8	Trúng tuyển
560	BÀN THỊ HƯƠNG	16/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.8	XH	7	D78	2.75	22.55	Trúng tuyển
561	BÙI MAI HƯƠNG	25/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	8.25	N4	7.8	D04	0.25	22.7	Trúng tuyển
562	ĐOÀN THU HƯƠNG	23/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.8	LI	6.75	N1	7.4	A01	0.25	23.2	Trúng tuyển
563	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	26/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	7	N1	4.6	D01	0.75	18.15	Trúng tuyển
564	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	22/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4.8	XH	6.25	D78	0.25	18.55	Trúng tuyển
565	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	14/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	5.2	XH	8.5	D78	0.75	22.2	Trúng tuyển
566	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.5	N4	8.8	D04	0.25	23.75	Trúng tuyển
567	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	18/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	6.2	XH	7.17	D78	0.75	20.87	Trúng tuyển
568	TRẦN MAI HƯƠNG	06/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	4	XH	6.83	D78	2.75	20.08	Trúng tuyển
569	TRIỆU THÚY HƯƠNG	06/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4.6	XH	6.08	D78	2.75	20.68	Trúng tuyển
570	VŨ QUỲNH HƯƠNG	06/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.75	N1	9.6	D01	0.75	24.9	Trúng tuyển
571	VŨ THỊ HƯƠNG	10/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	6.2	XH	8.08	D78	0.75	21.28	Trúng tuyển
572	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	04/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4	XH	5.92	D78	0.25	17.42	Trúng tuyển
573	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG	30/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5	N1	6.8	XH	6.17	D78	0.75	18.72	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
574	LƯƠNG THỊ HƯỜNG	22/12/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	7.4	XH	9.25	D78	0.5	23.15	Trúng tuyển
575	PHẠM THỊ THU HƯỜNG	21/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	9	N1	5	D01	0.75	22.95	Trúng tuyển
576	VŨ ĐÌNH KIÊN	18/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	3.4	XH	9	D78	0.25	20.9	Trúng tuyển
577	LỤC GIA KHẢI	04/07/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N4	8.8	D04	1.25	24.8	Trúng tuyển
578	NGUYỄN THÀNH KHANG	15/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.5	N1	3.2	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
579	HOÀNG DUY KHÁNH	20/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.8	VA	8	N1	6	D01	0.75	23.55	Trúng tuyển
580	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	17/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.5	N4	8	D04	0.25	24.95	Trúng tuyển
581	VŨ VIỆT DUY KHÁNH	02/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	5	XH	7.17	D78	0.25	18.92	Trúng tuyển
582	PHOÒNG VĂN KHÔI	15/08/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	6.2	XH	7.5	D78	2.75	23.95	Trúng tuyển
583	LƯƠNG MỸ LAM	23/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.75	N1	7	D01	0.75	23.9	Trúng tuyển
584	NGUYỄN NGỌC LAN	23/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	6.4	XH	7.5	D78	0.75	22.15	Trúng tuyển
585	NGUYỄN NHƯ LAN	11/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.75	N1	5.4	D01	0.25	21.8	Trúng tuyển
586	NGUYỄN THỊ LAN	02/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8	N1	6	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển
587	TRẦN THỊ LAN	20/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	4.2	XH	6.08	D78	2.75	20.03	Trúng tuyển
588	VŨ THỊ MAI LAN	25/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	8.75	N1	4.4	D01	0.25	20	Trúng tuyển
589	ĐẶNG VĂN LÂM	05/11/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	5.2	XH	8	D78	2.75	23.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
590	VŨ QUANG LÂM	08/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.25	N1	5.2	XH	7.17	D78	0.25	17.87	Trúng tuyển
591	NGUYỄN NGỌC LỆ	25/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	LI	6.75	N1	7.6	A01	0.75	23.3	Trúng tuyển
592	VI THỊ LỆ	12/12/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	6.25	N1	3.8	D01	2.75	18.4	Trúng tuyển
593	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	30/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	VA	8.5	N1	4	D01	0.25	21.35	Trúng tuyển
594	VŨ THỊ LIÊN	21/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7	N1	5.8	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
595	BÙI PHƯƠNG LINH	20/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8	N4	8.4	D04	0.25	24.05	Trúng tuyển
596	DƯƠNG THẢO LINH	18/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	7	XH	8.08	D78	0.25	22.33	Trúng tuyển
597	ĐIỆP MAI LINH	18/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	4.4	XH	6.33	D78	2.75	20.23	Trúng tuyển
598	ĐINH THỊ THÙY LINH	11/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6.75	N1	3.6	D01	0.75	19.1	Trúng tuyển
599	ĐỖ THỊ MAI LINH	08/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	4.4	XH	5.42	D78	0.25	17.07	Trúng tuyển
600	HÀ THỊ LINH	03/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	8.5	N1	6.4	D01	0.75	22.05	Trúng tuyển
601	LÊ THỊ KHÁNH LINH	15/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	7.2	XH	8.92	D78	0.25	24.62	Trúng tuyển
602	LƯƠNG THỊ HẢI LINH	07/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	3	XH	7.67	D78	0.75	19.42	Trúng tuyển
603	LÝ THỊ LINH LINH	25/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4	VA	7	N1	5.2	D01	2.75	18.95	Trúng tuyển
604	NÔNG THỊ KHÁNH LINH	03/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	2.6	XH	7.33	D78	0.25	17.93	Trúng tuyển
605	NÔNG TRÚC LINH	30/08/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	4.4	XH	8.08	D78	2.75	22.73	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
606	NGUYỄN DIỆU LINH	20/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	6.75	N1	5.4	D01	0.25	17.6	Trúng tuyển
607	NGUYỄN DIỆU LINH	10/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.25	N4	8.6	D04	0.25	24.5	Trúng tuyển
608	NGUYỄN HOÀNG LINH	09/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	7.4	XH	7.25	D78	2.75	23.9	Trúng tuyển
609	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	13/06/2003	Nữ	1		Tuyên Quang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6.5	N1	8.4	D01	0.75	23.65	Trúng tuyển
610	NGUYỄN THẢO LINH	20/12/2003	Nữ	2		Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N1	8.8	D01	0.25	23.8	Trúng tuyển
611	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	06/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	8.4	XH	8.67	D78	0.25	25.57	Trúng tuyển
612	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	19/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	9	VA	6.75	N1	8	D01	0.25	24	Trúng tuyển
613	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	02/10/2003	Nữ	1		Yên Bái	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.5	N1	8	D01	0.75	22.85	Trúng tuyển
614	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	25/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	7.5	N1	7.8	D01	0.25	21.55	Trúng tuyển
615	NGUYỄN THÙY LINH	28/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	4.8	XH	7.83	D78	0.25	20.63	Trúng tuyển
616	PHẠM THÙY LINH	11/09/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.75	N1	4.8	D01	0.75	19.9	Trúng tuyển
617	PHAN THỊ THÙY LINH	30/01/2003	Nữ	2NT		Hung Yên	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7	N1	5	D01	0.5	19.3	Trúng tuyển
618	PHAN THỊ THÙY LINH	09/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	4.4	XH	5.67	D78	2.75	19.57	Trúng tuyển
619	TRẦN BÍCH LINH	22/06/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	8.4	XH	9.33	D78	0.5	25.23	Trúng tuyển
620	TRẦN NGỌC LINH	10/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.75	N1	5.2	D01	0.25	20.4	Trúng tuyển
621	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	07/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	6.25	N1	6.4	D01	0.25	18.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
622	TRẦN THỊ MAI LINH	10/01/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.25	N1	3.2	D01	2.5	19.75	Trúng tuyển
623	TRẦN THỊ THÙY LINH	14/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.75	N1	6.6	XH	8.08	D78	0.25	23.68	Trúng tuyển
624	TRẦN THÙY LINH	05/12/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	8	N1	6.6	D01	2.75	24.35	Trúng tuyển
625	TRIỆU THỊ LINH	01/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.6	XH	7.5	D78	2.75	20.85	Trúng tuyển
626	TRỊNH ĐỨC LINH	27/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	4.8	XH	6.5	D78	0.25	19.3	Trúng tuyển
627	VÕ NGỌC LINH	19/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	6.75	N4	9	D04	0.5	23.45	Trúng tuyển
628	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	09/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	4.8	XH	8	D78	0.25	21.55	Trúng tuyển
629	TÔ THỊ LOAN	27/10/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	8.75	N1	7.8	D01	2.75	26.1	Trúng tuyển
630	NGÔ VIỆT LONG	26/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.75	N1	6.6	D01	0.75	22.3	Trúng tuyển
631	BÙI THỊ LUYẾN	21/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	9	N1	5	XH	8.33	D78	0.75	23.08	Trúng tuyển
632	ĐỖ THỊ LUYẾN	11/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	3.6	XH	6.58	D78	0.25	18.18	Trúng tuyển
633	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	03/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	3	XH	7.67	D78	0.75	18.67	Trúng tuyển
634	TRẦN THỊ MINH LƯƠNG	14/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.75	N1	6	D01	0.75	22.1	Trúng tuyển
635	ĐẶNG HƯƠNG LY	12/11/2003	Nữ	2		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
636	ĐỖ THỊ LY	01/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	6.25	N1	7.2	D01	0.5	21.55	Trúng tuyển
637	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8	N1	5.6	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
638	TRẦN KHÁNH LY	26/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	9.5	N1	8.2	XH	8	D78	0.25	25.95	Trúng tuyển
639	VŨ CẨM LY	24/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	3.6	XH	7.92	D78	0.75	18.27	Trúng tuyển
640	BÙI BÍCH MAI	18/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	9	N1	8.6	D01	0.75	25.55	Trúng tuyển
641	LÊ THỊ NGỌC MAI	04/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8.5	N1	7	D01	0.25	23.55	Trúng tuyển
642	LÊ THỊ TUYẾT MAI	18/03/2003	Nữ	2		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7.5	N1	8.4	D01	0.25	24.35	Trúng tuyển
643	NGUYỄN QUỲNH MAI	31/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5	N1	4.8	XH	7.33	D78	0.25	17.38	Trúng tuyển
644	PHẠM THỊ PHƯƠNG MAI	13/06/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.25	N1	7	D01	0.5	23.35	Trúng tuyển
645	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	12/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	9	N1	8.8	D01	0.5	25.7	Trúng tuyển
646	VŨ XUÂN MAI	17/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.25	N1	7.4	D01	0.25	22.1	Trúng tuyển
647	ĐƯƠNG THỊ MINH	03/07/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	5	XH	6.17	D78	0.75	18.92	Trúng tuyển
648	HUỲNH ĐỨC MINH	22/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.25	N1	6.8	D01	0.75	23.4	Trúng tuyển
649	MAI TRỊNH ÁNH MINH	28/07/2003	Nữ	2		Quảng Trị	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7.25	N1	8	D01	0.25	23.7	Trúng tuyển
650	TÔ CHÍ MINH	28/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	5.2	XH	7.83	D78	0.75	21.53	Trúng tuyển
651	HOÀNG THỊ MƠ	14/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6	XH	7.58	D78	0.5	21.33	Trúng tuyển
652	TÔ THỊ MƠ	13/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	4.4	XH	6.42	D78	0.75	17.82	Trúng tuyển
653	ĐẶNG THỊ MÙI	03/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	6.8	XH	8.42	D78	0.75	22.72	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
654	LÊ THỊ TRÀ MY	17/05/2002	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.8	VA	8.25	N1	8.2	D01	0.5	25.75	Trúng tuyển
655	NGUYỄN NA MY	11/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	8.2	XH	7.25	D78	0.25	23.7	Trúng tuyển
656	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	07/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	9	N1	4	D01	0.5	21.1	Trúng tuyển
657	PHÙNG THỊ MY	23/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
658	TÔ THỊ MY	24/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	5.2	XH	8.67	D78	2.75	24.62	Trúng tuyển
659	BÙI CÔNG NAM	24/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	3.8	XH	7.25	D78	0.25	17.8	Trúng tuyển
660	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	02/07/2003	Nam	1	01	Phú Thọ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	6	N1	8.4	D01	2.75	24.35	Trúng tuyển
661	LÊ THỊ THÙY NINH	11/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	VA	8	N1	7.8	D01	0.75	25.15	Trúng tuyển
662	NGUYỄN THỊ NINH	26/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	2.8	XH	7.25	D78	0.5	17.55	Trúng tuyển
663	NGUYỄN THỊ NỮ	05/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.25	N1	5.4	D01	0.75	21.8	Trúng tuyển
664	GIẢN THỊ NGA	18/01/2003	Nữ	1		Nghệ An	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	3	XH	7.17	D78	0.75	18.67	Trúng tuyển
665	LÊ THỊ NGA	27/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	6	N1	6	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
666	NGUYỄN THỊ NGA	30/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8.5	N1	9	D01	0.25	23.95	Trúng tuyển
667	PHẠM THỊ QUỲNH NGA	22/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.25	N1	5.8	D01	0.25	20.3	Trúng tuyển
668	TẠ THỊ THUÝ NGA	17/01/2003	Nữ	1		Gia Lai	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	7.25	N1	5	D01	0.75	19	Trúng tuyển
669	ĐÀO THỊ NGÂN	01/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	3.2	XH	7.75	D78	0.25	18.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
670	ĐINH THỊ KIM NGÂN	04/05/2003	Nữ	2		Hung Yên	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	7.5	N1	6	D01	0.25	19.55	Trúng tuyển
671	ĐỖ KIM NGÂN	30/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7	N1	8.6	D01	0.75	24.35	Trúng tuyển
672	ĐỖ THỊ NGÂN	30/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	3.4	XH	7	D78	0.25	17.4	Trúng tuyển
673	ĐỖ THỊ NGÂN	09/01/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.75	N1	5.8	D01	0.5	22.65	Trúng tuyển
674	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	20/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8	N1	8.2	D01	0.25	24.45	Trúng tuyển
675	VŨ HIỆU NGÂN	21/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.4	XH	8.58	D78	0.25	21.23	Trúng tuyển
676	HOÀNG THỊ NGHIỆP	04/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	6.2	XH	8.33	D78	2.75	23.78	Trúng tuyển
677	TRẦN THỊ NGOAN	26/08/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	6.5	N1	6.6	D01	0.75	20.85	Trúng tuyển
678	DƯƠNG THỊ CẨM NGỌC	04/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.5	N1	4.8	D01	0.25	20.15	Trúng tuyển
679	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	19/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	8	N4	8.8	D04	0.75	24.15	Trúng tuyển
680	HOÀNG YẾN NGỌC	15/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	5.25	N1	3.4	D01	0.75	17.2	Trúng tuyển
681	LÊ BÍCH NGỌC	05/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	5.25	N4	6.4	D04	0.75	17.6	Trúng tuyển
682	NGUYỄN HỒNG NGỌC	07/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7.25	N1	8.4	D01	0.75	24.2	Trúng tuyển
683	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	28/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	6.4	XH	9.33	D78	0.75	24.73	Trúng tuyển
684	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	19/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	9.5	N4	7.4	D04	0.25	24.95	Trúng tuyển
685	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	31/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	6.75	N1	8.2	D01	0.75	23.1	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
686	PHẠM BÍCH NGỌC	28/07/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7	N1	5.8	D01	0.5	20.9	Trúng tuyển
687	PHẠM VĂN NGỌC	16/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	3.8	VA	5	N4	10	D04	0.25	19.05	Trúng tuyển
688	TRẦN THỊ NGỌC	24/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	20.95	Trúng tuyển
689	HOÀNG THỊ NGUYỆT	24/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	3.8	XH	8.42	D78	2.75	20.97	Trúng tuyển
690	LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	02/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6.5	N1	5	D01	0.5	20	Trúng tuyển
691	LÝ THỊ NGUYỆT	20/05/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.5	N1	4	XH	6.83	D78	2.25	18.58	Trúng tuyển
692	NGUYỄN THỊ NHÀN	26/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4	XH	8.17	D78	0.25	19.67	Trúng tuyển
693	ĐƯƠNG THỊ NHÂM	26/01/2003	Nữ	2	06	Thái Nguyên	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	2.75	N4	7.2	D04	1.25	17	Trúng tuyển
694	BÙI THỊ THẢO NHI	17/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	2.8	XH	8.08	D78	0.25	18.38	Trúng tuyển
695	VŨ THỊ THẢO NHI	28/07/2003	Nữ	2		Hà Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	4	XH	7.42	D78	0.25	19.17	Trúng tuyển
696	ĐUỜNG THỊ HƯƠNG NHU	10/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.25	N1	4.2	D01	2.75	20.8	Trúng tuyển
697	ĐẶNG THỊ NHUNG	24/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.8	VA	6.75	N1	6	D01	0.75	18.3	Trúng tuyển
698	ĐINH THỊ HOÀI NHUNG	25/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.75	23.65	Trúng tuyển
699	LÊ HỒNG NHUNG	23/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7	N1	3.6	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
700	MẠC THỊ NHUNG	29/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	4.4	XH	7.08	D78	0.75	17.98	Trúng tuyển
701	NGÔ TRANG NHUNG	11/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.5	N4	7.8	D04	0.25	23.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
702	NGUYỄN HỒNG NHUNG	17/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.5	N4	6.8	D04	0.5	21.6	Trúng tuyển
703	NGUYỄN THỊ NHUNG	02/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5	N1	4.4	XH	6.08	D78	2.75	18.23	Trúng tuyển
704	TÀNG THỊ NHUNG	25/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.75	N1	5.2	D01	2.75	22.9	Trúng tuyển
705	TRẦN THỊ NHUNG	21/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.25	N4	8.8	D04	0.75	25.8	Trúng tuyển
706	TRIỆU THỊ NHUNG	15/07/2002	Nữ	1		Thanh Hoá	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	4.6	XH	7.92	D78	0.75	20.52	Trúng tuyển
707	VŨ THỊ NHUNG	18/12/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	LI	7.5	N1	7.2	A01	0.5	23.2	Trúng tuyển
708	LÊ THỊ KIM OANH	15/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	7.25	N1	4.4	D01	0.5	18.15	Trúng tuyển
709	NGUYỄN THỊ MINH OANH	29/10/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.75	N1	5.4	D01	0.25	20.8	Trúng tuyển
710	TRẦN BÁ PHÁP	14/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.5	N1	4.6	XH	7.42	D78	0.75	18.27	Trúng tuyển
711	LÊ PHÚ	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.6	LI	6.75	N1	8.2	A01	0.25	23.8	Trúng tuyển
712	TRỊNH VINH PHÚ	10/08/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.4	VA	6	N4	7.4	D04	1.25	20.05	Trúng tuyển
713	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	28/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4	XH	7.33	D78	0.25	17.58	Trúng tuyển
714	LỤC THỊ PHƯƠNG	28/11/2003	Nữ	2	01	Thái Nguyên	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	5	N4	5.2	D04	2.25	18.45	Trúng tuyển
715	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	18/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	6.25	N1	4.4	D01	0.75	19.6	Trúng tuyển
716	NGUYỄN THU PHƯƠNG	31/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	6.5	N4	7	D04	0.25	21.15	Trúng tuyển
717	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	21/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	5.6	XH	6.17	D78	0.25	19.77	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
718	PHẠM THU PHƯƠNG	23/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	4.6	XH	7.17	D78	2.75	22.02	Trúng tuyển
719	PHẠM THU PHƯƠNG	24/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N4	8.2	D04	0.25	23.2	Trúng tuyển
720	VŨ THẢO PHƯƠNG	07/05/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.5	25.6	Trúng tuyển
721	NGÔ THỊ PHƯƠNG	24/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	2.6	XH	6.92	D78	0.25	17.77	Trúng tuyển
722	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	22/11/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.25	N1	7	D01	1.25	22.1	Trúng tuyển
723	BÙI NGỌC QUANG	13/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	9	N1	6.2	D01	0.75	23.95	Trúng tuyển
724	PHẠM SƠN QUANG	05/07/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.25	N1	6	D01	0.5	20.55	Trúng tuyển
725	NGUYỄN HỒNG QUÂN	12/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.25	N1	3.2	D01	0.25	17.5	Trúng tuyển
726	TRIỆU KIM QUÂN	29/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	4.4	XH	6.17	D78	2.75	19.07	Trúng tuyển
727	TRƯƠNG VŨ MẠNH QUÂN	16/12/2003	Nam	1		Lào Cai	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.75	N4	7.4	D04	0.75	23.5	Trúng tuyển
728	ĐẶNG XUÂN QUÝ	09/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	5.2	XH	8	D78	2.75	22.7	Trúng tuyển
729	CHU DIỄM QUỲNH	13/08/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.75	N1	7.2	D01	0.5	22.25	Trúng tuyển
730	ĐẶNG THỊ QUỲNH	01/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.5	N1	2.2	XH	6.58	D78	2.75	17.03	Trúng tuyển
731	ĐOÀN THỊ LAM QUỲNH	06/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	5.6	XH	7.08	D78	0.25	21.18	Trúng tuyển
732	HÀU THÚY QUỲNH	23/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	6.5	N1	5.8	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
733	HOÀNG THỊ NGỌC QUỲNH	06/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	7	N1	4.4	D01	0.75	17.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
734	MAI THỊ DIỄM QUỲNH	11/02/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	8.75	N1	6.2	D01	0.5	23.65	Trúng tuyển
735	NGUYỄN HỒNG QUỲNH	05/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	8.2	XH	8.5	D78	0.25	24.7	Trúng tuyển
736	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	08/01/2003	Nữ	1		Tuyên Quang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7.25	N1	4.8	D01	0.75	20.6	Trúng tuyển
737	PHẠM THỊ QUỲNH	25/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	5.6	XH	6.58	D78	0.5	19.18	Trúng tuyển
738	TRẦN THÚY QUỲNH	24/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6	XH	6.83	D78	0.25	20.33	Trúng tuyển
739	VI THỊ QUỲNH	08/03/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	3.4	XH	6.75	D78	1.5	19.4	Trúng tuyển
740	LÃNG KHÔNG SƠN	07/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	6.25	N4	5	D04	0.25	17.9	Trúng tuyển
741	BÙI TUỆ TÂM	21/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4	VA	7.5	N1	5.8	D01	0.25	17.55	Trúng tuyển
742	ĐẶNG THỊ TÂM	14/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	4	XH	6.92	D78	2.75	21.42	Trúng tuyển
743	ĐỒNG VIỆT MỸ TÂM	03/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	8	N4	8.4	D04	0.25	22.85	Trúng tuyển
744	LÊ ĐỨC TÂM	01/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	8	XH	7.58	D78	0.25	23.08	Trúng tuyển
745	TÂY THỊ THANH TÂM	12/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.5	N1	8.8	D01	2.75	28.05	Trúng tuyển
746	TRẦN THANH TÂM	16/05/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	6	XH	8.5	D78	0.5	22.25	Trúng tuyển
747	TÀNG NHẬT TIỀM	04/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	6.4	XH	9.08	D78	2.75	26.73	Trúng tuyển
748	NGUYỄN VĂN TỊNH	08/05/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	6.2	XH	5.5	D78	0.75	19.2	Trúng tuyển
749	ĐỖ CẨM Tú	05/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	8.25	N1	5.6	D01	0.25	20.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
750	TRƯƠNG VĂN TÚ	12/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	5	N4	6.2	D04	0.25	17.85	Trúng tuyển
751	NGUYỄN ANH TUẤN	19/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	5.5	N1	7.8	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
752	NGUYỄN THANH TUẤN	01/02/2003	Nam	1		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	3.6	XH	7.83	D78	0.75	18.18	Trúng tuyển
753	ĐINH THỊ THANH TUYỀN	17/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	8.25	N1	6.6	D01	0.75	23	Trúng tuyển
754	LÝ THANH TUYỀN	16/10/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	5.5	N4	9	D04	2.25	23.35	Trúng tuyển
755	BÙI THỊ KIM TUYỀN	21/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	7.25	N1	6	D01	0.5	21.55	Trúng tuyển
756	ĐỖ THỊ TUYỀN	24/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.5	N1	4.4	D01	0.25	20.75	Trúng tuyển
757	HOÀNG THỊ ÁNH TUYẾT	20/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.75	N1	5.4	D01	0.25	20	Trúng tuyển
758	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	13/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	4.5	N4	5.6	D04	0.25	17.75	Trúng tuyển
759	NGUYỄN THỊ TUYẾT	18/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	3	XH	7.08	D78	0.25	17.83	Trúng tuyển
760	NGÔ PHƯƠNG THANH	23/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	5.75	N4	9	D04	0.75	22.3	Trúng tuyển
761	NGUYỄN THỊ THÁI THANH	06/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7.75	N1	7.8	D01	0.25	24	Trúng tuyển
762	CAO PHƯƠNG THẢO	04/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	4.6	XH	7.33	D78	0.75	20.43	Trúng tuyển
763	ĐÀO THỊ THẢO	06/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4	VA	6.25	N4	6.8	D04	0.25	17.3	Trúng tuyển
764	ĐINH LÊ THU THẢO	19/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.25	25.15	Trúng tuyển
765	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	18/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	6.2	XH	7.75	D78	0.25	22.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
766	ĐỖ THỊ THU THẢO	07/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.8	XH	6.58	D78	0.5	17.88	Trúng tuyển
767	LÊ PHƯƠNG THẢO	22/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.4	VA	8	N1	6.6	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển
768	NGUYỄN MINH THẢO	31/08/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	7.5	N1	5	D01	0.25	20.95	Trúng tuyển
769	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	7.75	N1	3.4	D01	0.25	18.6	Trúng tuyển
770	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	14/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.75	N1	6.4	D01	0.25	21.8	Trúng tuyển
771	NGUYỄN THỊ THẢO	30/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	3.8	XH	6.58	D78	0.75	17.63	Trúng tuyển
772	NGUYỄN THỊ THU THẢO	06/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	9.25	N1	5.6	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
773	NGUYỄN THU THẢO	02/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	6	XH	7.42	D78	0.75	22.17	Trúng tuyển
774	PHẠM ĐÀO THU THẢO	24/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	8	N1	8.6	D01	0.25	22.85	Trúng tuyển
775	PHẠM THỊ HUYỀN THẢO	06/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	9	N1	6.2	XH	9.17	D78	0.25	24.62	Trúng tuyển
776	TÂY THANH THẢO	07/10/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N4	9.6	D04	1.25	25.6	Trúng tuyển
777	TRƯƠNG ĐỖ PHƯƠNG THẢO	03/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	8	N1	7.8	D01	0.25	23.85	Trúng tuyển
778	VI PHƯƠNG THẢO	30/10/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	6.25	N1	6.6	D01	2.5	21.35	Trúng tuyển
779	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	25/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	8	N4	9.4	D04	0.25	22.85	Trúng tuyển
780	VY THANH THẢO	08/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	6.2	XH	7.92	D78	0.75	21.37	Trúng tuyển
781	LỖ THỊ THẨM	17/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	6.25	N1	4.4	D01	2.75	18.6	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
782	NGUYỄN HỒNG THẨM	07/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	8	N4	8	D04	0.5	22.5	Trúng tuyển
783	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	10/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	6	N1	6.6	D01	0.75	19.75	Trúng tuyển
784	LA VÕ THIÊN	18/10/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	4.6	XH	8.58	D78	2.75	22.18	Trúng tuyển
785	TRẦN THỊ THOA	19/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	5.8	XH	7.5	D78	0.75	20.3	Trúng tuyển
786	TRỊNH MINH THƠ	09/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.8	XH	8.42	D78	2.75	21.97	Trúng tuyển
787	ĐINH THỊ THƠM	21/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7	N1	6.4	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
788	NGUYỄN THỊ THƠM	05/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	8.8	XH	7.92	D78	0.25	25.47	Trúng tuyển
789	GIÁP THỊ HOÀI THU	06/12/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	6	N1	5.8	D01	0.75	20.55	Trúng tuyển
790	HÀ THỊ THU	18/07/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	3.6	XH	8.92	D78	2.5	23.02	Trúng tuyển
791	HOÀNG THỊ THU	06/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	3	XH	7.67	D78	0.75	19.17	Trúng tuyển
792	NGUYỄN THỊ KIM THU	23/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N1	3.2	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
793	TRỊNH THỊ THU	26/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	6.6	XH	7.42	D78	0.25	21.27	Trúng tuyển
794	VŨ THỊ THUỶ	03/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	6.75	N1	4	D01	0.25	18.4	Trúng tuyển
795	BÙI MINH THÙY	14/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	6	N1	7.8	D01	0.75	22.35	Trúng tuyển
796	LÊ HƯƠNG THÙY	01/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7	N1	5.2	D01	0.75	19.95	Trúng tuyển
797	LÊ THỊ THÙY	27/04/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	7	XH	5.5	D78	0.5	19.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
798	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	17/11/2003	Nữ	2NT		Bắc Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N1	4.2	D01	0.5	19.45	Trúng tuyển
799	VŨ PHƯƠNG THÙY	17/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	4.5	N1	7.4	D01	0.25	17.35	Trúng tuyển
800	LÝ THU THỦY	13/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.25	N1	5.6	D01	2.75	22	Trúng tuyển
801	NGUYỄN THỊ THỦY	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	5.75	N1	3	D01	0.25	17	Trúng tuyển
802	VŨ THANH THỦY	21/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	2.2	XH	7.75	D78	0.75	17.45	Trúng tuyển
803	BÙI THỊ THANH THÚY	12/06/2003	Nữ	2		Phú Thọ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	6.5	N1	8	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
804	BÙI THỊ THANH THÚY	18/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	4.5	N1	7.2	D01	0.25	19.75	Trúng tuyển
805	LÊ THỊ THÚY	14/02/2003	Nữ	1		Thanh Hoá	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	8	N1	4.2	D01	0.75	19.55	Trúng tuyển
806	HOÀNG THỊ MINH THU'	03/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	8.2	XH	8.67	D78	2.75	28.12	Trúng tuyển
807	NGUYỄN THỊ ÁNH THU'	01/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	3.2	XH	7.17	D78	0.5	18.87	Trúng tuyển
808	NGUYỄN THỊ HUỲNH THU'	25/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	5.5	N4	8.2	D04	0.25	20.15	Trúng tuyển
809	NGUYỄN THỊ MINH THU'	18/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.4	VA	7.5	N4	5.4	D04	0.25	18.55	Trúng tuyển
810	THÁI THỊ THU'	02/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	7.75	N1	4.8	D01	0.75	20.1	Trúng tuyển
811	TRẦN THỊ QUỲNH THU'	21/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	7	N1	4.8	D01	0.75	18.55	Trúng tuyển
812	TRẦN THỊ THU'	28/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.75	N1	6	D01	0.25	22.6	Trúng tuyển
813	VŨ THỊ HỒNG THU'	01/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	8	XH	6.92	D78	0.75	22.92	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
814	BÊ THỊ THƯƠNG	10/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	3.4	XH	8.5	D78	2.75	21.15	Trúng tuyển
815	BÙI THỊ THƯƠNG	02/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	5.6	XH	8.75	D78	0.25	23.1	Trúng tuyển
816	ĐỖ THỊ THƯƠNG	23/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	6.75	N1	5.4	D01	0.25	20	Trúng tuyển
817	ĐỖ THỊ THƯƠNG	07/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	4.8	XH	6.75	D78	0.5	18.55	Trúng tuyển
818	HOÀNG THỊ MINH THƯƠNG	01/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.75	17.25	Trúng tuyển
819	LÊ THỊ THƯƠNG	10/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.25	N4	8.2	D04	0.75	23.8	Trúng tuyển
820	MAI THỊ THƯƠNG	07/04/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	6.25	N1	6	D01	0.5	19.55	Trúng tuyển
821	NIỀM ĐẶNG HOÀI THƯƠNG	05/11/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	8	N1	7.6	D01	1.25	24.85	Trúng tuyển
822	NGÔ THỊ THƯƠNG	23/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	3.6	XH	7.42	D78	0.75	17.52	Trúng tuyển
823	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG	27/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.5	N1	7	D01	0.25	22.15	Trúng tuyển
824	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	6	XH	8.17	D78	0.25	22.67	Trúng tuyển
825	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	22/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	7.25	N1	4	D01	0.75	19.6	Trúng tuyển
826	NGUYỄN THỊ TRÀ	21/05/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	7	XH	7.08	D78	0.5	22.83	Trúng tuyển
827	NGUYỄN THỊ VÂN TRÀ	24/04/2003	Nữ	1		Cao Bằng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	5.75	N1	5.2	XH	5.92	D78	0.75	17.62	Trúng tuyển
828	BÙI MAI HUYỀN TRANG	02/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	8.25	N1	8	D01	0.25	23.5	Trúng tuyển
829	BÙI THỊ TRANG	08/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.4	VA	6	N1	6	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
830	ĐỖ THỊ THU TRANG	07/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	6.4	XH	7.42	D78	0.25	20.57	Trúng tuyển
831	HOÀNG THỊ THÙY TRANG	17/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7	N1	3.2	D01	0.75	17.55	Trúng tuyển
832	HOÀNG THỊ TRANG	13/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	4.8	XH	8.08	D78	2.75	22.13	Trúng tuyển
833	HOÀNG THỊ TRANG	10/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.4	XH	7.25	D78	2.75	22.4	Trúng tuyển
834	HOÀNG THU TRANG	12/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	7	N1	5.8	D01	0.25	18.85	Trúng tuyển
835	LÊ HÀ TRANG	13/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	6	XH	8.25	D78	0.25	23	Trúng tuyển
836	LÊ THỊ THU TRANG	25/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	7.2	XH	8.33	D78	2.75	26.78	Trúng tuyển
837	LƯU THỊ TRANG	26/07/2003	Nữ	2NT		Vĩnh Phúc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.6	XH	9	D78	0.5	22.1	Trúng tuyển
838	LÝ THỊ ĐOAN TRANG	28/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4	XH	7	D78	2.75	21.75	Trúng tuyển
839	NGÔ THỊ THÙY TRANG	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	8.6	XH	9.25	D78	0.25	26.1	Trúng tuyển
840	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRANG	04/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	7.25	N1	4.4	D01	0.25	18.1	Trúng tuyển
841	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	03/11/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.4	VA	8	N1	8.6	D01	0.5	25.5	Trúng tuyển
842	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5	VA	8.25	N4	8.8	D04	0.25	22.3	Trúng tuyển
843	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	27/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.75	N1	4.6	D01	0.25	19.2	Trúng tuyển
844	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	01/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	3.8	XH	6.67	D78	0.75	17.22	Trúng tuyển
845	NGUYỄN THỊ TRANG	25/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	4.2	XH	8.17	D78	0.5	20.37	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
846	NGUYỄN THU TRANG	09/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.4	VA	6.75	N1	7.2	D01	0.25	18.6	Trúng tuyển
847	PHẠM HUYỀN TRANG	03/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.25	N1	4.6	XH	6.75	D78	0.5	20.1	Trúng tuyển
848	PHẠM THỊ TRANG	06/07/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.25	N1	9.2	D01	0.5	23.95	Trúng tuyển
849	TRẦN THU TRANG	18/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	6.5	N1	5	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
850	TRẦN THU TRANG	01/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.8	VA	6	N4	9.2	D04	0.25	22.25	Trúng tuyển
851	TRIỆU THỊ TRANG	07/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.6	XH	6.83	D78	2.75	20.18	Trúng tuyển
852	VŨ THÙY TRANG	20/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8.5	N1	5.6	XH	7.58	D78	0.75	22.43	Trúng tuyển
853	ĐINH THỊ KIỀU TRINH	26/08/2003	Nữ	1	01	Cao Bằng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	2.8	XH	7.33	D78	2.75	20.88	Trúng tuyển
854	NGUYỄN THỊ MAI TRINH	19/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6	N1	4.6	XH	7.17	D78	0.25	18.02	Trúng tuyển
855	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	24/01/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	7.25	N1	3.4	D01	0.5	17.75	Trúng tuyển
856	DƯƠNG THANH TRÚC	27/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	8	N1	3.6	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
857	HOÀNG THỊ TRÚC	30/12/2002	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5	VA	7	N1	5	D01	2.75	19.75	Trúng tuyển
858	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	8	N4	9	D04	0.75	24.95	Trúng tuyển
859	NGUYỄN VĂN TRUNG	30/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	4.2	VA	7	N4	5.6	D04	0.25	17.05	Trúng tuyển
860	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	22/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8.2	VA	6.75	N4	8.2	D04	0.25	23.4	Trúng tuyển
861	BÙI THỊ TÔ UYÊN	19/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.8	VA	6.75	N1	8.4	D01	0.75	23.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
862	BÙI THỊ UYÊN	28/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	6.8	XH	8.92	D78	0.75	23.97	Trúng tuyển
863	ĐỖ MAI UYÊN	06/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7	N1	4.8	D01	0.25	18.45	Trúng tuyển
864	TÔ THỊ ÁNH VÂN	19/07/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.5	N1	4.6	XH	7.75	D78	2.25	21.1	Trúng tuyển
865	VŨ HỒNG VÂN	28/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.2	VA	7.75	N1	4.6	D01	0.25	17.8	Trúng tuyển
866	VŨ THỊ HỒNG VÂN	15/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.6	VA	8.5	N1	7.2	D01	0.25	22.55	Trúng tuyển
867	TRIỆU TIẾN VI	04/10/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	6.4	XH	7.67	D78	2.75	23.82	Trúng tuyển
868	PHAN MẠNH VIỆT	07/11/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	8	N1	5	D01	0.5	20.5	Trúng tuyển
869	HÀ THỊ VINH	15/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.4	VA	7.75	N1	7.6	D01	2.75	25.5	Trúng tuyển
870	PHẠM MINH VŨ	13/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	6.25	N4	7.8	D04	0.25	21.9	Trúng tuyển
871	SẦN MÓC VÙNG	07/02/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	4.2	XH	6.75	D78	2.75	20.45	Trúng tuyển
872	BÙI THỊ TUYẾT XINH	28/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7	N1	8.2	XH	8.17	D78	0.25	23.62	Trúng tuyển
873	ĐẶNG THỊ THANH XUÂN	17/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	VA	7.75	N1	8.6	D01	0.75	25.1	Trúng tuyển
874	ĐÌNH THỊ MAI XUÂN	23/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.2	VA	8.75	N1	6	D01	0.75	22.7	Trúng tuyển
875	LÃ THỊ XUÂN	05/08/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5	VA	7.5	N1	3.4	D01	2.75	18.65	Trúng tuyển
876	LÊ THỊ THANH XUÂN	21/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	8.5	N1	7.2	D01	0.25	23.55	Trúng tuyển
877	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	11/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	8.25	N1	6.8	D01	0.25	21.1	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
878	PHẠM THỊ KHÁNH XUÂN	27/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.8	VA	7.5	N1	7	D01	0.75	21.05	Trúng tuyển
879	VŨ THỊ VIỆT XUÂN	04/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.75	N1	4.4	XH	6.92	D78	0.25	18.32	Trúng tuyển
880	BÙI NGỌC YẾN	16/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.2	VA	7.25	N1	5	D01	0.25	18.7	Trúng tuyển
881	CAO THỊ NGỌC YẾN	11/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	8	N1	4.8	XH	7.92	D78	0.25	20.97	Trúng tuyển
882	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	25/07/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	5.6	VA	5.25	N1	7.8	D01	0.5	19.15	Trúng tuyển
883	HOÀNG HẢI YẾN	10/01/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.75	N1	5.6	XH	8	D78	0.5	21.85	Trúng tuyển
884	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	08/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7.6	VA	6	N1	4.4	D01	0.75	18.75	Trúng tuyển
885	LƯU THỊ YẾN	12/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	7	VA	7.75	N1	4	D01	2.75	21.5	Trúng tuyển
886	NGUYỄN HẢI YẾN	10/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.25	N1	3.6	XH	7	D78	0.25	18.1	Trúng tuyển
887	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	02/12/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	8	LI	7.5	N1	8.8	A01	0.25	24.55	Trúng tuyển
888	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	02/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6.4	VA	7.75	N4	5	D04	0.75	19.9	Trúng tuyển
889	NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN	20/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	TO	6	VA	8	N1	3.4	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển
890	TRẦN HẢI YẾN	23/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	7.5	N1	9	XH	8.67	D78	0.25	25.42	Trúng tuyển
891	VŨ HẢI YẾN	19/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	VA	6.25	N1	4.8	XH	6.75	D78	0.75	18.55	Trúng tuyển
892	NGUYỄN KHÁNH AN	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7	VA	7.25	N1	8.2	D01	0.25	22.7	Trúng tuyển
893	HÀ PHƯƠNG ANH	17/05/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.8	VA	8.5	N1	4.6	D01	0.5	19.4	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
894	NGUYỄN QUỐC DUY ANH	26/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	7	N1	8.4	XH	7.83	D78	0.25	23.48	Trúng tuyển
895	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	19/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.6	VA	8	N1	4.2	D01	0.75	18.55	Trúng tuyển
896	NGUYỄN TRÂM ANH	12/12/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.6	VA	6	N6	3.4	D06	0	15	Trúng tuyển
897	TRẦN THỊ MINH ANH	05/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.6	LI	7.5	N1	5.6	A01	0.25	21.95	Trúng tuyển
898	TRẦN THỊ VÂN ANH	22/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.4	LI	8	N1	8.2	A01	0.25	24.85	Trúng tuyển
899	DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	12/12/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8	VA	8	N1	7.4	D01	0.25	23.65	Trúng tuyển
900	NGUYỄN CÔNG DUY	28/09/2003	Nam	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6	VA	6.5	N6	3.2	D06	0	15.7	Trúng tuyển
901	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	28/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8	VA	8.25	N1	7	D01	0.25	23.5	Trúng tuyển
902	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	04/11/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.6	VA	7	N1	2.4	D01	0.25	16.25	Trúng tuyển
903	BÙI KIỀU GIANG	27/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	3.8	VA	8	N1	4.8	D01	0.25	16.85	Trúng tuyển
904	LƯƠNG THỊ THU GIANG	19/10/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.2	VA	7.25	N1	6.6	D01	0.5	19.55	Trúng tuyển
905	NGUYỄN THỊ HÀ	12/12/2003	Nữ	2		Hà Nội	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	8.25	N6	3.8	D06	0.25	19.9	Trúng tuyển
906	NGUYỄN THỊ HÀ	13/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.4	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.75	23.85	Trúng tuyển
907	NGUYỄN THỊ THU HÀ	08/03/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7	VA	7.5	N1	5.2	D01	0.5	20.2	Trúng tuyển
908	NGUYỄN THU HÀ	11/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	7	N1	3.8	XH	6.42	D78	0.25	17.47	Trúng tuyển
909	TRƯƠNG VĂN HẢI	27/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.2	VA	5.25	N1	3.4	D01	2.75	18.6	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
910	NGUYỄN ÁNH MINH HẰNG	20/10/2003	Nữ	2		Vĩnh Phúc	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.8	VA	7.75	N1	7.8	D01	0.25	22.6	Trúng tuyển
911	NGUYỄN THỊ HẬU	16/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.2	VA	7.75	N1	6	D01	0.25	20.2	Trúng tuyển
912	BÙI NGỌC HIẾU	10/01/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.2	VA	6	N1	4.6	D01	0.5	16.3	Trúng tuyển
913	VŨ THỊ HÒA	01/11/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.2	VA	6.75	N6	7.4	D06	0	22.35	Trúng tuyển
914	TẠ THỊ THU HOÀI	17/01/2003	Nữ	1		Gia Lai	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.2	VA	6.5	N1	6	D01	0.75	19.45	Trúng tuyển
915	LÊ MAI HỒNG	26/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.6	VA	6.75	N1	9.4	D01	0.25	23	Trúng tuyển
916	HOÀNG QUỐC HUY	23/11/2003	Nam	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.8	VA	7.5	N6	7.2	D06	0	22.5	Trúng tuyển
917	ĐOÀN THỊ HUYỀN	21/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.2	VA	8.5	N1	7.4	D01	0.25	24.35	Trúng tuyển
918	PHẠM THU HUYỀN	04/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	8.75	N1	8.6	XH	9	D78	0.25	26.6	Trúng tuyển
919	TRƯƠNG BÙI TOÀN HÙNG	13/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	6.5	N1	8.2	D01	0.25	22.55	Trúng tuyển
920	TRẦN ĐỨC KHOA	01/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.75	N1	7.4	XH	5	D78	0.25	18.4	Trúng tuyển
921	VŨ THỊ HỒNG LAM	01/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.8	VA	7	N1	7.2	D01	0.75	20.75	Trúng tuyển
922	LƯU THỊ LAN	11/04/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.8	VA	7.5	N1	6.2	D01	0.5	22	Trúng tuyển
923	VŨ QUANG LẬP	12/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.75	N1	2.6	XH	8	D78	0.75	17.1	Trúng tuyển
924	VŨ THỊ LIÊN	05/01/2003	Nữ	1		Lào Cai	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	6.5	N1	6.4	D01	0.75	21.25	Trúng tuyển
925	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LINH	17/04/2003	Nữ	1		Đắk Lắk	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	7.5	N1	3.4	XH	6.75	D78	0.75	18.4	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
926	NGUYỄN THỊ MAI LINH	20/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	8.25	N1	8	XH	7.75	D78	0.25	24.25	Trúng tuyển
927	NGUYỄN THÚY LINH	30/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	6.75	N1	2.6	XH	5.42	D78	0.75	15.52	Trúng tuyển
928	PHẠM KHÁNH LINH	27/09/2003	Nữ	2		Thái Bình	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.2	VA	7.5	N1	7.8	D01	0.25	23.75	Trúng tuyển
929	VŨ THỊ LOAN	29/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6	VA	5.5	N1	4.8	D01	0.25	16.55	Trúng tuyển
930	TRẦN ĐỨC LONG	02/10/2003	Nam	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.2	VA	6.75	N6	4.6	D06	0	17.55	Trúng tuyển
931	PHẠM THỊ KHÁNH LY	31/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	9.25	N1	8.8	XH	8.92	D78	0.25	27.22	Trúng tuyển
932	ĐOÀN NGỌC MAI	15/02/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7	VA	7.5	N6	4	D06	0	18.5	Trúng tuyển
933	ĐỖ THỊ PHƯƠNG MAI	25/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.4	VA	8	N1	8.6	D01	0.75	24.75	Trúng tuyển
934	PHẠM THỊ NGỌC MINH	16/05/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.4	VA	6.5	N1	4.2	D01	0.75	16.85	Trúng tuyển
935	VŨ THỊ THANH MỸ	08/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7	VA	7.5	N1	6	D01	0.25	20.75	Trúng tuyển
936	VŨ BÍCH NGỌC	26/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.6	VA	6.75	N1	4.4	D01	0.25	17	Trúng tuyển
937	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	07/07/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.25	N1	4.2	XH	6.5	D78	0.75	16.7	Trúng tuyển
938	VI ÁNH NGUYỆT	23/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	7.25	N1	7.6	D01	2.75	25.2	Trúng tuyển
939	HÀ PHƯƠNG OANH	21/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	6.25	N1	5.4	XH	8	D78	0.5	20.15	Trúng tuyển
940	TRẦN THỊ KIỀU OANH	05/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.8	VA	7.75	N1	6.6	D01	0.75	23.9	Trúng tuyển
941	ĐOÀN NHẬT PHƯƠNG	18/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	7.5	N1	8.6	D01	0.25	23.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
942	HÀ ANH PHƯƠNG	09/08/2003	Nữ	3		Tp. Hồ Chí Minh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	6.25	N6	2.6	D06	0	16.45	Trúng tuyển
943	LIÊU BÍCH PHƯƠNG	03/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	8	N1	4.2	XH	6.75	D78	2.75	21.7	Trúng tuyển
944	TRẦN MINH QUÂN	13/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.8	VA	6.75	N1	9.2	D01	0.25	22	Trúng tuyển
945	VŨ MINH QUÂN	15/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.8	VA	7.5	N1	5.4	D01	0.25	20.95	Trúng tuyển
946	NGUYỄN XUÂN QUÍ	21/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	6.25	N1	3.4	XH	8.17	D78	0.25	18.07	Trúng tuyển
947	NGÔ ĐĂNG QUÝ	06/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7	VA	7	N1	3.8	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
948	PHAN THỊ QUỲNH	30/12/2003	Nữ	2NT		Hung Yên	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.2	VA	6.25	N1	5.4	D01	0.5	19.35	Trúng tuyển
949	TRẦN HẢI QUỲNH	08/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.5	N1	4	XH	6.08	D78	0.5	16.08	Trúng tuyển
950	LƯƠNG CẨM TÚ	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.8	VA	8.75	N1	9	D01	0.25	24.8	Trúng tuyển
951	BÙI MINH TUẤN	18/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.4	VA	6.75	N1	9.2	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
952	BÙI THẾ TÙNG	14/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.2	VA	6	N1	5.6	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
953	BÙI THỊ TÔ ÁNH TUYẾT	18/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.2	VA	8.25	N1	4.8	D01	0.25	18.5	Trúng tuyển
954	LƯU THỊ ÁNH TUYẾT	04/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.8	LI	4.5	N1	6.4	A01	0.75	19.45	Trúng tuyển
955	HOÀNG TRƯỜNG THÁI	25/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.25	N1	3.8	XH	6.75	D78	2.75	18.55	Trúng tuyển
956	MAI CHÍ THÀNH	01/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.8	VA	5.5	N1	9	D01	0.25	23.55	Trúng tuyển
957	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	02/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	8	N1	8.4	XH	7.67	D78	0.25	24.32	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
958	PHẠM THỊ THẢO	19/06/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.2	VA	7.75	N1	5	D01	0.75	20.7	Trúng tuyển
959	CAM VĂN THỦY	02/04/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.8	LI	7.75	N1	3.4	A01	2.75	21.7	Trúng tuyển
960	NGUYỄN THỊ THÚY	28/08/2003	Nữ	1		Thanh Hoá	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.4	VA	7.5	N6	3.6	D06	0.75	19.25	Trúng tuyển
961	NGUYỄN THỊ THU'	11/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.8	VA	5.5	N1	6.8	D01	0.75	19.85	Trúng tuyển
962	ĐẶNG THỊ THƯƠNG	02/11/2003	Nữ	3		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6	VA	7	N6	5.2	D06	0	18.2	Trúng tuyển
963	VƯƠNG THỊ TRÀ	02/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	5.5	N1	8.6	XH	7.42	D78	0.25	21.77	Trúng tuyển
964	NGÔ THỊ THU TRANG	13/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	9	N1	7.8	D01	0.25	24.65	Trúng tuyển
965	PHẠM THỊ MINH TRANG	07/07/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8.4	VA	7.75	N1	7.4	D01	0.75	24.3	Trúng tuyển
966	NGUYỄN THANH TRÚC	17/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6.6	VA	8	N1	8	D01	0.25	22.85	Trúng tuyển
967	ĐỖ MINH TRƯỜNG	21/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	6	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.25	18.35	Trúng tuyển
968	ĐẶNG THU UYÊN	01/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8	VA	7.25	N1	8	D01	0.25	23.5	Trúng tuyển
969	VÕ HẠ VI	06/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	8	VA	8.5	N1	6.6	D01	0.25	23.35	Trúng tuyển
970	ĐẶNG VĂN VIỆT	25/06/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	VA	7.75	N1	9	XH	9.33	D78	2.75	28.83	Trúng tuyển
971	TRẦN THỊ VUI	03/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	5.8	VA	7.75	N1	3.4	D01	0.75	17.7	Trúng tuyển
972	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	29/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220209	Ngôn ngữ Nhật	TO	7.6	VA	7.25	N1	7	D01	0.25	22.1	Trúng tuyển
973	BÙI PHƯƠNG ANH	10/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.6	VA	8	N1	7.2	D01	0.75	22.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
974	HÀ TUẤN ANH	16/12/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.2	LI	7.25	N1	5.6	A01	2.75	23.8	Trúng tuyển
975	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	19/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	N1	7.4	XH	8.17	D78	0.25	23.32	Trúng tuyển
976	VŨ THỊ LAN ANH	29/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	DI	8	N1	7.6	D15	0.25	23.35	Trúng tuyển
977	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	27/11/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	N1	4.6	XH	7.17	D78	0	19.27	Trúng tuyển
978	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	26/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	N1	5.8	XH	7.17	D78	0.25	21.47	Trúng tuyển
979	SÁI KIM ÁNH	05/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.5	N1	4.8	XH	7.33	D78	2.75	21.38	Trúng tuyển
980	TRẦN NGỌC ÁNH	06/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	DI	6.75	N1	4.6	D15	0.75	19.35	Trúng tuyển
981	TRƯƠNG THỊ ÁNH	16/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.5	DI	8.25	N1	5	D15	2.75	24.5	Trúng tuyển
982	VŨ THỊ MINH ÁNH	19/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	8.5	N1	5.4	D01	0.75	22.05	Trúng tuyển
983	LÊ THỊ BA	15/12/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	DI	7.5	N1	2.6	D15	2.75	21.1	Trúng tuyển
984	VŨ KIỀU BĂNG	01/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	6.5	N1	5.6	D01	0.75	20.85	Trúng tuyển
985	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	16/12/2003	Nam	2		Nam Định	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	6.75	N1	8.8	D01	0.25	23.8	Trúng tuyển
986	LÊ HUỆ CHI	17/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	8	N1	9	D01	0.25	24.65	Trúng tuyển
987	TRẦN ĐỨC CHIẾN	01/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	4.8	VA	7	N1	3	D01	0.25	15.05	Trúng tuyển
988	NGÔ THỊ VIỆT CHINH	04/08/2003	Nữ	1	01	Thái Nguyên	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.6	VA	8.75	N1	9.2	D01	2.75	29.3	Trúng tuyển
989	NGUYỄN TIỀN CHUẨN	05/10/2003	Nam	2		Bắc Giang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	6.75	N1	3.2	D15	0.25	16.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
990	VŨ THỊ MỸ DUYÊN	11/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	N1	4	XH	8.58	D78	0.25	20.58	Trúng tuyển
991	ĐỖ THÁI DƯƠNG	29/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.6	VA	7.75	N1	8.4	D01	0.25	23	Trúng tuyển
992	PHẠM THỊ XUÂN DƯƠNG	07/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.75	DI	7.5	N1	5	D15	0.75	22	Trúng tuyển
993	TRẦN THUY DƯƠNG	09/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.6	VA	6	N1	4.2	D01	0.75	17.55	Trúng tuyển
994	BÙI NHẬT ĐỨC	21/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	7	N1	4.4	D15	0.25	17.65	Trúng tuyển
995	ĐINH THỊ HÀ GIANG	23/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	4.8	VA	7.5	N1	5.8	D01	0.75	18.85	Trúng tuyển
996	ĐẶNG THỊ HOÀNG HÀ	03/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	6.75	N1	4.6	D01	0.75	19.5	Trúng tuyển
997	ĐỖ HOÀNG HÀ	23/04/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	6.75	N1	7.8	D01	0	21.75	Trúng tuyển
998	TRẦN THỊ THU HÀ	10/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	7.5	N1	8.8	D01	0.25	23.75	Trúng tuyển
999	TRẦN THỊ THU HÀ	29/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	DI	9	N1	6.8	D15	0.25	23.8	Trúng tuyển
1000	TRẦN THỊ THU HÀ	06/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	DI	7.75	N1	5.6	D15	0.25	19.35	Trúng tuyển
1001	ĐẶNG THU HẰNG	26/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.2	VA	8.75	N1	6.4	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1002	TRẦN THỊ HẰNG	06/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	DI	7.5	N1	5.4	D15	0.25	20.9	Trúng tuyển
1003	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	29/01/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	N1	7.4	XH	7.92	D78	0.75	23.07	Trúng tuyển
1004	HOÀNG THỊ THANH HIỀN	06/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	4.4	VA	8	N1	5	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển
1005	VŨ THU HIỀN	27/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.8	VA	8.25	N1	8.6	D01	0.25	23.9	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1006	PHẠM MINH HIẾU	30/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	6.75	N1	4	D01	0.75	18.9	Trúng tuyển
1007	BÙI THỊ THANH HOA	14/01/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.6	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.5	25	Trúng tuyển
1008	VŨ THỊ HỒNG HOA	27/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	DI	8.5	N1	4.4	D15	0.5	21.65	Trúng tuyển
1009	BÙI HUY HOÀNG	20/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	N1	8.4	XH	8.33	D78	0.75	23.23	Trúng tuyển
1010	PHẠM THỊ HỒ	22/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	9.25	N1	5.6	D01	0.5	23.35	Trúng tuyển
1011	MÙA A HỒNG	12/05/2003	Nam	1	01	Điện Biên	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5	DI	7.5	N1	5	D15	2.75	20.25	Trúng tuyển
1012	NGUYỄN QUANG HUY	22/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	4.8	VA	7	N1	7.6	D01	0.25	19.65	Trúng tuyển
1013	VŨ THỊ THANH HUYỀN	01/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	DI	7.75	N1	4.8	D15	0.25	20.05	Trúng tuyển
1014	DƯƠNG THỊ HUYỀN	07/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	N1	4.6	XH	7.08	D78	0.25	18.93	Trúng tuyển
1015	LẠI THU HUYỀN	10/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.6	VA	8.25	N1	7.8	D01	0.75	24.4	Trúng tuyển
1016	NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.5	DI	9	N1	4	D15	0.25	19.75	Trúng tuyển
1017	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	07/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	9	N1	7.2	XH	7.58	D78	0.25	24.03	Trúng tuyển
1018	VŨ THỊ THANH HUYỀN	01/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	21.35	Trúng tuyển
1019	PHẠM THU HƯƠNG	13/11/2003	Nữ	1		Bắc Giang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	8.25	N1	6.6	D01	0.75	23.6	Trúng tuyển
1020	VŨ THỊ HƯƠNG	03/02/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	6.5	N1	7.6	D01	0.5	21.8	Trúng tuyển
1021	HOÀNG THÚY KIỀU	12/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	7.75	N1	3.2	D15	0.5	17.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1022	TRƯƠNG TRƯỚC KHÔI	26/03/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.25	N1	5.4	XH	8.42	D78	2.75	22.82	Trúng tuyển
1023	LÊ THỊ CẨM LA	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	N1	4.2	XH	5.67	D78	0.25	17.37	Trúng tuyển
1024	TRẦN THỊ LÂM	04/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	9	N1	8.6	XH	8.58	D78	2.75	28.93	Trúng tuyển
1025	BÙI THỊ LINH	29/01/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	8	N1	9	D01	0.5	25.5	Trúng tuyển
1026	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	27/03/2003	Nữ	2NT		Hưng Yên	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	6.25	N1	8	D01	0.5	22.15	Trúng tuyển
1027	ĐẶNG THÙY LINH	01/09/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.4	VA	7.75	N1	6.4	D01	0.5	22.05	Trúng tuyển
1028	HOÀNG THỊ DIỆU LINH	11/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.5	DI	9	N1	5.2	D15	0.75	21.45	Trúng tuyển
1029	NGÔ PHƯƠNG LINH	13/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.5	DI	9.25	N1	7.4	D15	0.25	25.4	Trúng tuyển
1030	NGUYỄN DƯƠNG LINH LINH	07/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	9	N1	5.2	XH	8.67	D78	0.75	23.62	Trúng tuyển
1031	NGUYỄN THỊ LINH	30/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	N1	3.8	XH	5.5	D78	0.25	16.8	Trúng tuyển
1032	NGUYỄN THỊ MAI LINH	19/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8	DI	8.5	N1	5.8	D15	0.25	22.55	Trúng tuyển
1033	VŨ THỊ THUỶ LINH	21/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	N1	5.4	XH	8.08	D78	0.25	21.98	Trúng tuyển
1034	LONG VĂN LỢI	17/10/2003	Nam	2NT	06	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	4.75	N1	5.8	XH	6.67	D78	1.5	18.72	Trúng tuyển
1035	BÙI THỊ XUÂN MAI	21/12/2003	Nữ	1		Phú Thọ	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	DI	8	N1	7.2	D15	0.75	23.45	Trúng tuyển
1036	ĐOÀN THỊ HIỀN MAI	03/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	9	N1	7.6	D15	0.25	22.85	Trúng tuyển
1037	NGUYỄN THỊ CHI MAI	26/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	DI	8.5	N1	5	D15	0.75	21.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1038	TRỊNH THỊ QUỲNH MAI	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8	DI	8	N1	5.2	D15	0.25	21.45	Trúng tuyển
1039	VŨ NGỌC MAI	20/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.5	N1	3.6	XH	6.25	D78	0.25	15.6	Trúng tuyển
1040	TRẦN THỊ MẾN	17/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	5.4	VA	6.5	N1	4.6	D01	0.25	16.75	Trúng tuyển
1041	HÀ NGỌC MINH	16/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	N1	6.4	XH	6.5	D78	0.75	21.15	Trúng tuyển
1042	TRẦN XUÂN MÙI	08/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.6	VA	7.5	N1	3.4	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
1043	ĐỒNG THỊ HUYỀN MY	23/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	DI	8.75	N1	6.6	D15	0.25	23.1	Trúng tuyển
1044	TRẦN XUÂN NINH	15/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.8	VA	9	N1	8.8	D01	0.25	26.85	Trúng tuyển
1045	TRẦN THỊ THÚY NGÀ	04/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	5.2	VA	6.5	N1	3.6	D01	0.75	16.05	Trúng tuyển
1046	VŨ THANH NGÂN	17/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	N1	8	XH	7.5	D78	0.25	23.5	Trúng tuyển
1047	PHẠM THỊ THU NGỌC	28/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.5	DI	7.75	N1	5.6	D15	0.25	19.1	Trúng tuyển
1048	HOÀNG THU NGUYỆT	15/12/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	8.25	N1	8	D15	2.75	25	Trúng tuyển
1049	TRẦN TUYẾT NHI	12/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.2	VA	8.5	N1	10	D01	0.25	26.95	Trúng tuyển
1050	DOÃN THỊ HỒNG NHUNG	09/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	DI	6.5	N1	8	D15	0.25	20.5	Trúng tuyển
1051	HÀ THỊ NHUNG	04/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	DI	6.25	N1	5.2	D15	0.75	19.45	Trúng tuyển
1052	CHU THỊ OANH	05/12/2003	Nữ	1	01	Bắc Giang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.25	N1	3.4	XH	8	D78	2.75	21.4	Trúng tuyển
1053	HOÀNG THỊ OANH	28/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	DI	8	N1	5.8	D15	2.75	23.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1054	VŨ THỊ NGỌC OANH	26/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7	VA	7	N1	5.2	D01	0.25	19.45	Trúng tuyển
1055	HOÀNG THU PHƯƠNG	03/02/2003	Nữ	1	01	Tuyên Quang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.75	N1	4.2	XH	6.5	D78	2.75	20.2	Trúng tuyển
1056	NGÔ THỊ THU PHƯƠNG	06/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.2	VA	6.75	N1	5	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
1057	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	25/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	5.4	VA	8.5	N1	4.8	D01	0.25	18.95	Trúng tuyển
1058	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG	06/07/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.6	VA	6.25	N1	6	D01	0.5	20.35	Trúng tuyển
1059	HÀ THỊ BÍCH PHƯƠNG	17/11/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.4	VA	6.5	N1	7.4	D01	2.75	23.05	Trúng tuyển
1060	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	16/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.8	VA	8.25	N1	6.6	D01	0.25	22.9	Trúng tuyển
1061	CAO DIỄM QUỲNH	23/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	5	N1	4.8	D01	0.75	17.75	Trúng tuyển
1062	LÊ THỊ QUỲNH	01/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	N1	7.2	XH	9.25	D78	0.25	24.95	Trúng tuyển
1063	TRẦN ĐỨC SANG	22/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.5	DI	8.25	N1	5.2	D15	0.75	21.7	Trúng tuyển
1064	NGUYỄN MẠNH TÂN	30/01/2003	Nam	2		Ninh Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.6	VA	6	N1	3.8	D01	0.25	16.65	Trúng tuyển
1065	PHẠM VĂN TÂN	07/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5	N1	4.2	XH	7	D78	0.25	16.45	Trúng tuyển
1066	ĐINH TRẦN TÚ	01/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	DI	8.5	N1	9	D15	0.75	24	Trúng tuyển
1067	LÊ VĂN TÚ	17/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	DI	8.5	N1	4.8	D15	0.25	20.55	Trúng tuyển
1068	TRẦN THỊ NGỌC TÚ	03/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.5	DI	7.25	N1	6.2	D15	0.75	20.7	Trúng tuyển
1069	DƯƠNG THỊ THẢO	28/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	5.4	VA	6.75	N1	3.8	D01	0.75	16.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1070	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	15/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	DI	7.75	N1	6.8	D15	0.25	21.8	Trúng tuyển
1071	LÊ PHƯƠNG THẢO	04/08/2003	Nữ	2NT		Hung Yên	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	DI	6.25	N1	4.6	D15	0.5	17.35	Trúng tuyển
1072	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	24/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.8	VA	8	N1	5.6	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển
1073	NGUYỄN THỊ THẢO	24/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.25	N1	8.2	XH	8.75	D78	0.75	25.95	Trúng tuyển
1074	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	11/02/2003	Nam	2		Ninh Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	N1	5.6	XH	8.5	D78	0.25	21.35	Trúng tuyển
1075	LÊ QUANG THIỆU	05/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	DI	7	N1	4.2	D15	0.25	17.2	Trúng tuyển
1076	VŨ THỊ KIM THOA	23/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.75	DI	8.25	N1	4.6	D15	0.25	21.85	Trúng tuyển
1077	TRƯƠNG THỊ THÙY	06/11/2003	Nữ	1	01	Thanh Hoá	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	DI	8.75	N1	5.6	D15	2.75	24.85	Trúng tuyển
1078	VŨ MINH THÚY	11/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.6	VA	7.5	N1	7.6	D01	0.25	22.95	Trúng tuyển
1079	NGUYỄN THỊ THƯ	28/03/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7.75	N1	6.8	XH	7.25	D78	0.5	22.3	Trúng tuyển
1080	TRẦN MINH THƯ	07/01/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.2	VA	7.25	N1	7.2	D01	0.75	22.4	Trúng tuyển
1081	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.2	VA	7.5	N1	5.2	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
1082	LÊ NGUYỄN QUỲNH TRANG	05/01/2003	Nữ	1	01	Tuyên Quang	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.5	N1	3.8	XH	5.5	D78	2.75	17.55	Trúng tuyển
1083	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	13/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	6.4	VA	6.5	N1	8	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
1084	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	13/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.5	N1	7.6	XH	8.58	D78	0.75	25.43	Trúng tuyển
1085	NGUYỄN THỊ TRANG	22/03/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.6	LI	7.75	N1	8.8	A01	0.25	25.4	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1086	NGUYỄN THỊ TRANG	25/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	7	DI	7.5	N1	4	D15	0.5	19	Trúng tuyển
1087	NGUYỄN VIỆT TRANG	19/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8	VA	7.5	N1	8	D01	0.75	24.25	Trúng tuyển
1088	VŨ THỊ THẢO VÂN	28/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	5.6	VA	7	N1	4.6	D01	0.25	17.45	Trúng tuyển
1089	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	07/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8.5	N1	4.4	XH	7.08	D78	0.25	20.23	Trúng tuyển
1090	MẠC THỊ TƯỜNG VI	10/02/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.75	N1	3.2	XH	7.75	D78	0.75	17.45	Trúng tuyển
1091	ĐỖ THỊ MAI VY	02/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5.25	N1	3.2	XH	6.5	D78	0.25	15.2	Trúng tuyển
1092	KHÚC THỊ PHƯƠNG VY	19/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	8.2	VA	8.5	N1	7	D01	0.5	24.2	Trúng tuyển
1093	BÙI THU YÊN	28/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6.5	DI	7.25	N1	4.6	D15	0.75	19.1	Trúng tuyển
1094	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	10/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	5	N1	3.8	XH	6.75	D78	0.25	15.8	Trúng tuyển
1095	LẠI BẢO YẾN	09/06/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TO	7.6	VA	7.25	N1	7	D01	0.25	22.1	Trúng tuyển
1096	NGUYỄN HẢI YẾN	16/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	8	DI	7.5	N1	8.2	D15	0.25	23.95	Trúng tuyển
1097	NGUYỄN NGỌC YẾN	08/08/2003	Nữ	1		Hải Dương	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VA	6	N1	4	XH	7.08	D78	0.75	17.83	Trúng tuyển
1098	DƯƠNG TRUNG AN	17/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.75	SU	4.5	DI	7	C00	0.25	16.5	Trúng tuyển
1099	NGUYỄN THỊ BÌNH AN	04/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	5.5	DI	7	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
1100	BÙI THỊ THÙY ANH	04/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	5.5	DI	6.75	C00	0.25	18	Trúng tuyển
1101	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG ANH	19/12/2003	Nữ	1		Lai Châu	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	SU	5.75	DI	6.5	C00	0.75	21	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1102	HOÀNG PHƯƠNG ANH	21/10/2003	Nữ	2		Hà Nội	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	8	DI	6.5	C00	0.25	21	Trúng tuyển
1103	LẠI THỊ PHƯƠNG ANH	20/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7.4	VA	8.25	N1	5.8	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
1104	LÊ THỊ CHÂM ANH	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	4.75	DI	6.75	C00	0.25	19	Trúng tuyển
1105	LÊ THỊ NGỌC ANH	21/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.25	SU	4.25	DI	8	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
1106	LƯU NGỌC ANH	20/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	6.25	DI	7.5	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
1107	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	29/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.75	SU	7.75	DI	8.75	C00	0.25	24.5	Trúng tuyển
1108	TRẦN VÂN ANH	22/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	N1	5.8	XH	7.5	D78	0.25	20.55	Trúng tuyển
1109	NGÔ CÔNG BÁCH	24/10/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6	VA	5.75	N1	7.4	D01	0.5	19.65	Trúng tuyển
1110	NGUYỄN HUY BÌNH	31/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.5	SU	4.75	DI	8	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
1111	PHẠM THỊ THANH BÌNH	17/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	9	N1	4.8	XH	7.67	D78	0.75	22.22	Trúng tuyển
1112	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	21/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	8.75	DI	8.5	C00	0.25	24.25	Trúng tuyển
1113	VŨ QUỐC CƯỜNG	20/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	6	DI	7	C00	0.25	20.5	Trúng tuyển
1114	VŨ XUÂN CƯỜNG	04/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	SU	7.75	DI	8.25	C00	0.75	23.25	Trúng tuyển
1115	ĐẶNG NGỌC CHÂM	05/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	4	DI	6.75	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
1116	HOÀNG THỊ YẾN CHI	20/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	8.75	DI	8.25	C00	0.75	24.5	Trúng tuyển
1117	TẠ DUY CHIẾN	25/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	N1	4	XH	6.67	D78	0.25	15.92	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1118	NGUYỄN THỊ CHINH	04/05/2003	Nữ	1	01	Hoà Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.25	SU	5.25	DI	8.25	C00	2.75	20.5	Trúng tuyển
1119	BÙI ĐỨC CHÍNH	06/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	N1	6.2	XH	6.42	D78	0.25	20.37	Trúng tuyển
1120	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	03/09/2003	Nữ	1		Hải Dương	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	5.5	DI	7.5	C00	0.75	21	Trúng tuyển
1121	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	09/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	9.25	SU	9.25	DI	8.75	C00	0.25	27.5	Trúng tuyển
1122	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	25/09/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4	SU	3.75	DI	7.5	C00	0.25	15.5	Trúng tuyển
1123	HOÀNG VĂN DUY	27/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	4.75	DI	7.5	C00	0.25	20	Trúng tuyển
1124	VŨ NGỌC HẠNH DUYÊN	25/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	5.8	VA	6.75	N1	3	D01	0.25	15.8	Trúng tuyển
1125	BÙI TÙNG DƯƠNG	09/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	4.75	DI	6.5	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
1126	NGUYỄN TUỜNG DƯƠNG	25/06/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	SU	4.5	DI	7.75	C00	0.5	17.75	Trúng tuyển
1127	VŨ THẠCH DƯƠNG	05/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	7.25	DI	6.75	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
1128	LÊ MINH ĐẠI	01/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	5	DI	7.25	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
1129	NGUYỄN THIỀU ĐÌNH	03/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	4.75	DI	7	C00	0.25	18	Trúng tuyển
1130	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	30/12/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	8.25	DI	7	C00	0.5	22	Trúng tuyển
1131	NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	6.5	DI	8.25	C00	0.25	22	Trúng tuyển
1132	TRẦN MINH ĐỨC	25/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.25	SU	7.75	DI	7.75	C00	0.25	21	Trúng tuyển
1133	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	13/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	5.75	DI	7	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1134	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	13/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	8.25	DI	7.25	C00	0.25	22.5	Trúng tuyển
1135	TÂY THỊ LIÊN GIANG	25/07/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	4.5	DI	6.5	C00	2.25	20.75	Trúng tuyển
1136	LÊ THỊ HÀ	24/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7.6	VA	6.75	N1	6.4	D01	0.25	21	Trúng tuyển
1137	NGUYỄN NGỌC HÀ	02/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	4.75	DI	7	C00	0.75	18.5	Trúng tuyển
1138	TRẦN THU HÀ	24/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	6.75	DI	7.75	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
1139	NGUYỄN VĂN HẢO	21/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.4	VA	5.25	N1	4	D01	0.25	15.9	Trúng tuyển
1140	PHẠM THÚY HẰNG	18/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.2	VA	6.75	N1	7.6	D01	0.25	20.8	Trúng tuyển
1141	TRẦN THỊ HẰNG	12/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	SU	5.5	DI	7.5	C00	0.75	21.75	Trúng tuyển
1142	NGUYỄN NGỌC HIỀN	30/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	SU	5	DI	6.75	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
1143	NGUYỄN THỊ HIỀN	06/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.75	SU	6	DI	8.25	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
1144	ĐÀM THỊ THANH HOA	30/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	7.25	DI	7	C00	0.25	22.75	Trúng tuyển
1145	ĐẶNG THỊ HÒA	10/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	7.5	DI	8.5	C00	0.75	22.75	Trúng tuyển
1146	NGUYỄN HUY HOÀNG	03/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	SU	4.5	DI	6.25	C00	0.25	16	Trúng tuyển
1147	NGUYỄN HỒNG HUỆ	28/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	5.25	DI	7	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
1148	NGUYỄN PHI HÙNG	13/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	3.75	SU	4	DI	7	C00	0.25	15	Trúng tuyển
1149	BÙI QUANG HUY	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.25	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1150	BÙI NGỌC HUYỀN	26/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	3	DI	5.5	C00	0.25	15	Trúng tuyển
1151	HOÀNG THU HUYỀN	03/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	5	DI	7.75	C00	0.5	20.75	Trúng tuyển
1152	PHẠM KHÁNH HUYỀN	02/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7	VA	7.25	N1	5.4	D01	0.25	19.9	Trúng tuyển
1153	TÔ MAI HUYỀN	24/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	3.75	DI	7.5	C00	2.75	19.5	Trúng tuyển
1154	NGUYỄN TUẤN HÙNG	15/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.5	SU	5.75	DI	8	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
1155	NGUYỄN VĂN PHÚ HÙNG	05/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	7.75	DI	7.5	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
1156	NHỮ THỊ THANH HƯƠNG	13/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	5.25	DI	8.25	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
1157	PHẠM THU HƯƠNG	06/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	4	DI	7.75	C00	0.25	19	Trúng tuyển
1158	VI THỊ HƯỜNG	01/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.75	SU	6.5	DI	7.75	C00	2.75	24.75	Trúng tuyển
1159	VŨ THỊ LÀNH	01/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	7.25	DI	7.5	C00	0.25	22.5	Trúng tuyển
1160	ĐÀO TÙNG LÂM	18/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	SU	3.25	DI	6.5	C00	0.25	15.75	Trúng tuyển
1161	TRẦN THỊ LÂM	13/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	3	DI	5.75	C00	0.75	15	Trúng tuyển
1162	NGUYỄN NGỌC LÂN	24/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	5	DI	7.25	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
1163	VŨ THỊ HỒNG LIÊN	13/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	SU	3.5	DI	5.25	C00	0.25	15.5	Trúng tuyển
1164	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	28/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	5.75	DI	6.75	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
1165	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	13/11/2003	Nữ	1		Thanh Hoá	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7	VA	7.75	N1	5.4	D01	0.75	20.9	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1166	NGUYỄN THÙY LINH	13/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	SU	3.5	DI	7.75	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
1167	PHẠM HOÀI LINH	29/08/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.2	VA	8.25	N1	4.8	D01	2.5	21.75	Trúng tuyển
1168	VŨ KHÁNH LINH	16/09/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	SU	3.75	DI	6.75	C00	0	15.5	Trúng tuyển
1169	PHẠM ĐỨC LONG	16/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	6.75	DI	7	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1170	ĐỖ THỊ LƯU	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	8.5	DI	8.25	C00	0.25	24.25	Trúng tuyển
1171	TRẦN KHÁNH LY	06/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.5	SU	6.5	DI	7.5	C00	0.75	23.25	Trúng tuyển
1172	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	27/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	5.25	DI	8.5	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
1173	TRẦN QUỐC MẠNH	07/01/2003	Nam	2NT		Phú Thọ	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7.6	DI	8.25	N1	6.6	D10	0.5	22.95	Trúng tuyển
1174	NGUYỄN HÀ MY	17/12/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.2	VA	7.25	N1	4.8	D01	0	18.25	Trúng tuyển
1175	ĐOÀN PHƯƠNG NAM	11/03/2003	Nam	2		Thái Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	SU	4.25	DI	6.75	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
1176	NGUYỄN SƠN NAM	30/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	7	DI	8.25	C00	0.25	21	Trúng tuyển
1177	TRẦN XUÂN NAM	26/10/2002	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	7	DI	8.25	C00	0.75	23	Trúng tuyển
1178	NGÔ THỊ THÚY NGÀ	19/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	3.75	DI	6.25	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1179	NGUYỄN TRIỆU PHƯƠNG NGÀ	18/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	SU	5	DI	7	C00	0.75	18.5	Trúng tuyển
1180	TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ	11/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	3.75	DI	6.75	C00	0.75	17.25	Trúng tuyển
1181	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	28/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	8.5	DI	8	C00	0.25	25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1182	TRẦN BẢO NGỌC	07/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7.4	VA	8.25	N1	6	D01	0.25	21.9	Trúng tuyển
1183	VŨ HỒNG NGỌC	15/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	SU	8	DI	7.75	C00	0.25	24	Trúng tuyển
1184	HÀ THỊ NHÂM	14/09/2003	Nữ	1	01	Hoà Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	4.25	DI	6.5	C00	2.75	20.25	Trúng tuyển
1185	NGUYỄN THẢO NHI	02/10/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	3.75	DI	6.5	C00	1.5	18	Trúng tuyển
1186	NGÔ HỒNG NHUNG	30/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	5	DI	7.75	C00	0.75	20.5	Trúng tuyển
1187	MA VĂN PAO	26/07/2000	Nam	1	01	Bắc Kạn	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.5	SU	4.75	DI	7.75	C00	2.75	22.75	Trúng tuyển
1188	TRẦN HOÀNG PHÚC	13/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	SU	2.75	DI	6.5	C00	0.75	15	Trúng tuyển
1189	HÀ THU PHƯƠNG	25/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.75	SU	5.25	DI	6.75	C00	2.75	22.5	Trúng tuyển
1190	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	08/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	SU	4.5	DI	6.25	C00	0.75	18	Trúng tuyển
1191	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	11/03/2003	Nữ	2		Nam Định	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	4.75	DI	6.5	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
1192	NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	16/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	4.5	DI	7.75	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1193	NGUYỄN THÀNH QUÂN	19/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	9.25	DI	8.25	C00	0.75	24.5	Trúng tuyển
1194	PHẠM MINH QUÂN	24/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	4	DI	6.75	C00	0.25	16.5	Trúng tuyển
1195	PHÙNG MINH QUÂN	13/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	5.6	VA	6	N1	3.6	D01	0.25	15.45	Trúng tuyển
1196	VŨ ANH QUÂN	17/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1197	NGUYỄN MINH QUÝ	08/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	6	DI	6.5	C00	0.25	20	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1198	NGUYỄN THANH QUÝ	14/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	5.25	DI	7.25	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1199	DƯƠNG VĂN QUYỀN	03/01/2003	Nam	2		Hà Nội	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.5	SU	6.75	DI	7.75	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
1200	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	15/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.25	SU	3.5	DI	7	C00	0.25	19	Trúng tuyển
1201	PHAN THANH SƠN	05/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	4.25	DI	6.25	C00	0.75	18	Trúng tuyển
1202	NỊNH NGỌC TÂM	03/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.25	SU	3.5	DI	5.5	C00	0.75	15	Trúng tuyển
1203	NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	07/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	8	DI	8.25	C00	0.75	24	Trúng tuyển
1204	KHIẾU VĂN TUÂN	08/03/2003	Nam	2		Ninh Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	3.75	DI	6.5	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
1205	HOÀNG THU' TƯỜNG	16/09/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	8	DI	8	C00	1.25	24.25	Trúng tuyển
1206	BÙI DUY THÀNH	17/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.5	N1	3.2	XH	7	D78	0.25	16.95	Trúng tuyển
1207	NGUYỄN CHÍ THÀNH	30/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.4	VA	7.75	N1	4.6	D01	0.75	19.5	Trúng tuyển
1208	DƯƠNG THỊ THU THẢO	24/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.25	SU	3.75	DI	7.25	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
1209	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	22/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6	SU	2.75	DI	6.5	C00	0.5	15.75	Trúng tuyển
1210	NGUYỄN THỊ THẢO	07/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	SU	3	DI	5.75	C00	0.75	17.5	Trúng tuyển
1211	NGUYỄN TRẦN MINH THẢO	19/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.25	SU	3.5	DI	7	C00	0.25	16	Trúng tuyển
1212	PHẠM THỊ THU THẢO	29/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	N1	6.4	XH	5.17	D78	0.25	19.82	Trúng tuyển
1213	BÙI HỒNG THẨM	23/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.25	N1	4.6	XH	7.25	D78	0.25	16.35	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1214	ĐOÀN PHÚC THẮNG	21/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	5.8	VA	4.25	N1	8.2	D01	0.25	18.5	Trúng tuyển
1215	HOÀNG VŨ ĐỨC THỊNH	24/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	7	VA	7.75	N1	8.6	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1216	PHẠM ĐỨC THỊNH	01/12/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8	SU	6	DI	5.75	C00	0.5	20.25	Trúng tuyển
1217	TRẦN MINH THU	15/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5	SU	3.25	DI	6.75	C00	0.75	15.75	Trúng tuyển
1218	NGUYỄN THỊ MINH THÚY	26/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4	N1	5.2	XH	6.92	D78	0.75	16.87	Trúng tuyển
1219	ĐỖ LÊ ANH THU'	22/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.5	SU	6.25	DI	8.5	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
1220	NGUYỄN THỊ DIỆU THƯƠNG	09/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.8	VA	7.75	N1	6.8	D01	0.25	21.6	Trúng tuyển
1221	PHẠM THỊ THANH TRÀ	18/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.2	VA	7	N1	6	D01	0.25	19.45	Trúng tuyển
1222	ÂN THÙY TRANG	19/05/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	SU	3.75	DI	5.75	C00	2.25	17.5	Trúng tuyển
1223	BÙI THỊ THÙY TRANG	05/08/2003	Nữ	1	01	Hoà Bình	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7	SU	4	DI	6	C00	2.75	19.75	Trúng tuyển
1224	ĐOÀN HUYỀN TRANG	23/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.25	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.75	16	Trúng tuyển
1225	NGÔ THỊ QUỲNH TRANG	28/10/2003	Nữ	2		Hải Dương	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	5.75	DI	6.25	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1226	PHẠM QUỲNH TRANG	21/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	SU	4.25	DI	6.75	C00	0.75	17.5	Trúng tuyển
1227	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	17/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	2	DI	6.75	C00	0.25	15.75	Trúng tuyển
1228	TRỊNH THỊ KIỀU TRANG	26/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	TO	6.6	VA	5.5	N1	5.2	D01	0.75	18.05	Trúng tuyển
1229	NGÔ ĐÌNH TRỌNG	21/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	7.25	SU	7.25	DI	8	C00	0.25	22.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1230	CHÂU NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	21/12/2003	Nữ	1	06	Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4	SU	5	DI	6	C00	1.75	16.75	Trúng tuyển
1231	PHẠM THỊ THẢO VÂN	14/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	8.5	SU	4.75	DI	6.5	C00	0.75	20.5	Trúng tuyển
1232	NGUYỄN TIẾN VIỆT	14/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	6.75	SU	8.5	DI	8.75	C00	0.25	24.25	Trúng tuyển
1233	TỪ YẾN VY	20/12/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7229042	Quản lý văn hóa	VA	4.5	SU	4	DI	6	C00	2.75	17.25	Trúng tuyển
1234	HOÀNG NHƯ Ý	13/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7229042	Quản lý văn hóa	VA	5.75	N1	2.4	XH	6.25	D78	0.75	15.15	Trúng tuyển
1235	PHẠM TIẾN AN	23/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	5.5	N1	5.4	D01	0.25	18.35	Trúng tuyển
1236	ĐẶNG LƯƠNG THỂ ANH	01/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	4.2	VA	4.5	N1	4	D01	2.75	15.45	Trúng tuyển
1237	HOÀNG KỲ ANH	24/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5	VA	5	N1	4.8	D01	0.25	15.05	Trúng tuyển
1238	NGUYỄN NAM ANH	27/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6	VA	6.25	N1	7.8	D01	0.75	20.8	Trúng tuyển
1239	NGUYỄN TÚ ANH	29/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	LI	5.75	N1	7.6	A01	0.25	21	Trúng tuyển
1240	NGUYỄN TUẤN ANH	05/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	6.5	N1	3.8	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
1241	KHIẾU XUÂN BÁCH	09/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7	VA	5.75	N1	8.4	D01	0.25	21.4	Trúng tuyển
1242	TRẦN AN BÌNH	28/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.2	LI	5.75	N1	8	A01	0.75	20.7	Trúng tuyển
1243	ĐẶNG CHÍ CÔNG	04/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	5	N1	4	D01	0.25	15.85	Trúng tuyển
1244	KHÔNG THỂ CƯỜNG	29/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	8	N1	6.4	D01	0.75	21.75	Trúng tuyển
1245	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	12/07/2003	Nam	1	01	Sơn La	7480101	Khoa học máy tính	TO	3.4	VA	6.5	N1	2.8	D01	2.75	15.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1246	VŨ NGUYỄN QUỲNH CHI	26/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.4	LI	8	N1	9.4	A01	0.25	26.05	Trúng tuyển
1247	BÀNH ANH DŨNG	28/04/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.4	VA	7.5	N1	5.6	D01	2.75	22.25	Trúng tuyển
1248	ĐINH ĐỨC DŨNG	27/10/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.2	VA	5.75	N1	4	D01	0.5	16.45	Trúng tuyển
1249	VŨ ĐỨC DUY	05/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	LI	5	HO	4.25	A00	0.25	17.1	Trúng tuyển
1250	VŨ QUANG DUY	25/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	7.5	N1	8.8	D01	0.25	24.15	Trúng tuyển
1251	NGUYỄN QUÝ DƯƠNG	14/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.4	VA	6.75	N1	3.8	D01	0.25	17.2	Trúng tuyển
1252	CHÍU ĐỨC ĐẠI	18/03/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6	VA	6	N1	6.6	D01	1.25	19.85	Trúng tuyển
1253	ĐỖ THÀNH ĐẠT	01/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	6	N1	4.2	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển
1254	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	13/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	5	N1	4.4	D01	0.25	16.45	Trúng tuyển
1255	NGUYỄN HUY ĐẠT	12/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	4.4	VA	4.75	N1	5.2	D01	0.75	15.1	Trúng tuyển
1256	LÊ QUÝ ĐÔN	01/06/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.2	LI	6.5	HO	6.75	A00	0.5	21.95	Trúng tuyển
1257	LÊ DUY ĐỒNG	26/05/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.4	LI	5.75	HO	5.25	A00	0.75	18.15	Trúng tuyển
1258	PHẠM ĐÌNH ĐỒNG	22/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.6	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.75	20	Trúng tuyển
1259	ĐẶNG MINH ĐỨC	12/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.2	LI	4	N1	4.8	A01	0.25	17.25	Trúng tuyển
1260	HOÀNG ANH ĐỨC	17/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.2	VA	6.75	N1	5.2	D01	0.75	17.9	Trúng tuyển
1261	HOÀNG TRUNG ĐỨC	21/07/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	6.75	N1	5.2	D01	0.5	19.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1262	NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	8	N1	6.6	D01	0.25	22.65	Trúng tuyển
1263	TRƯƠNG NGỌC ĐỨC	07/04/2003	Nam	2	01	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	6.75	N1	4.6	D01	2.25	21.2	Trúng tuyển
1264	VŨ HUY ĐỨC	13/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	7.75	N1	7.4	D01	0.25	23.2	Trúng tuyển
1265	ĐỖ VIỆT HẢI	07/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	LI	7.5	HO	8.75	A00	0.25	24.1	Trúng tuyển
1266	PHAN HỮU HẢI	12/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	6	N1	4.4	D01	0.75	17.95	Trúng tuyển
1267	HÀ MẠNH HIỀN	13/03/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	4	N1	6.6	D01	1.25	18.45	Trúng tuyển
1268	NGUYỄN DIỆU HIỆP	02/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	5.75	N1	6	D01	0.25	18.8	Trúng tuyển
1269	NGUYỄN XUÂN HOÀNG HIỆP	02/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	6.5	N1	8.2	D01	0.25	22.55	Trúng tuyển
1270	HOÀNG TRUNG HIẾU	15/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	VA	5.75	N1	5.2	D01	0.75	19.1	Trúng tuyển
1271	PHÍ NGỌC HIẾU	09/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	6.75	N1	7	D01	0.75	21.7	Trúng tuyển
1272	VŨ TRUNG HIẾU	23/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.2	VA	6.25	N1	6.8	D01	0.25	19.5	Trúng tuyển
1273	TRẦN ĐỨC HOÀN	27/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	6.25	N1	6	D01	0.25	19.7	Trúng tuyển
1274	HÀ VIỆT HOÀNG	06/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	LI	6.25	N1	7	A01	0.75	21.4	Trúng tuyển
1275	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	7.25	N1	3	D01	0.25	17.1	Trúng tuyển
1276	PHẠM VIỆT HÙNG	09/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	6.75	N1	6.6	D01	0.25	21.4	Trúng tuyển
1277	NGUYỄN QUANG HUY	12/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	LI	7.25	N1	8.8	A01	0.25	23.9	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1278	TƯỜNG THẮNG HUY	30/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	3.75	N1	9.4	D01	0.75	21.7	Trúng tuyển
1279	BÙI LƯU HUỖNH	17/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	7	N1	8	D01	0.25	22.85	Trúng tuyển
1280	HOÀNG THÁI HƯNG	15/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	7.25	N1	6	D01	0.75	21.6	Trúng tuyển
1281	PHẠM QUỐC HƯNG	29/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.2	VA	4.75	N1	8.4	D01	0.5	19.85	Trúng tuyển
1282	BÙI TỔ HỮU	08/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.6	VA	6.5	N1	5	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
1283	NGUYỄN VĂN KỲ	31/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.6	VA	6.25	N1	2.4	D01	0.75	15	Trúng tuyển
1284	NGUYỄN VŨ LÂM	25/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	6.5	N1	7	D01	0.75	21.05	Trúng tuyển
1285	VŨ TUẤN LINH	24/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8	VA	7	N1	8.8	D01	0.25	24.05	Trúng tuyển
1286	NGUYỄN HOÀNG LONG	09/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	LI	4.75	N1	3.8	A01	0.25	15.6	Trúng tuyển
1287	PHẠM HẢI LONG	02/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	7	N1	7.6	D01	0.25	22.45	Trúng tuyển
1288	TRẦN XUÂN LƯỢNG	20/10/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.6	LI	6.25	HO	5.75	A00	0.5	21.1	Trúng tuyển
1289	ĐỖ NHẬT MINH	14/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	7	N1	8.4	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển
1290	HOÀNG TUẤN MINH	22/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.2	VA	7.25	N1	9	D01	0.25	23.7	Trúng tuyển
1291	LỤC THỊ MỘC	22/07/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	LI	7.5	HO	8	A00	2.75	25.85	Trúng tuyển
1292	TRẦN HOÀI NAM	09/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.2	VA	6.5	N1	9.8	D01	0.25	24.75	Trúng tuyển
1293	VŨ TRIỆU NAM	30/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	VA	7.5	N1	6.2	D01	0.25	21.35	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1294	VŨ ĐỨC NINH	02/01/2000	Nam	1	03	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	LI	6	HO	5.25	A00	2.75	21.8	Trúng tuyển
1295	ĐẶNG MINH NGỌC	08/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6	VA	5.75	N1	7.6	D01	0.25	19.6	Trúng tuyển
1296	NGÔ QUANG NGỌC	14/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	6	N1	6.2	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1297	ĐẶNG ĐỨC THANH NGUYỄN	14/08/2003	Nam	2		Hải Phòng	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	8.5	N1	6	D01	0.25	22.35	Trúng tuyển
1298	TRẦN ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	24/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	LI	6.5	HO	7.25	A00	0.25	20.8	Trúng tuyển
1299	VŨ THÀNH NGUYỄN	15/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.8	VA	4.5	N1	4.2	D01	0.75	15.25	Trúng tuyển
1300	HÀ TRỌNG NHÂN	21/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	7.5	N1	5.2	D01	0.25	19.55	Trúng tuyển
1301	BÙI CẢNH PHONG	16/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	3.8	VA	5.5	N1	5.6	D01	0.75	15.65	Trúng tuyển
1302	BÙI HIỀN PHONG	22/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.6	LI	6.75	N1	8	A01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1303	LÊ VĂN PHÓNG	08/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.8	VA	7	N1	4.4	D01	0.25	17.45	Trúng tuyển
1304	TÔ HỒNG PHÚC	27/08/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5	VA	7	N1	8.2	D01	1.25	21.45	Trúng tuyển
1305	ĐINH THỊ HỒNG PHƯƠNG	20/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.2	VA	7.75	N1	4	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
1306	VŨ MINH PHƯƠNG	18/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7	VA	7.75	N1	3.2	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
1307	VŨ THỊ PHƯỢNG	25/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	8.25	N1	6.6	D01	0.25	22.9	Trúng tuyển
1308	NGUYỄN TIẾN SAO	12/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	6.5	N1	5.6	D01	0.75	19.65	Trúng tuyển
1309	MÃ MINH TÀI	29/10/2003	Nam	2NT	06	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.6	VA	4.25	N1	5.2	D01	1.5	18.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1310	NGUYỄN HOÀNG TÌNH	04/11/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	LI	6	HO	7	A00	0.25	20.65	Trúng tuyển
1311	ĐOÀN ANH TÚ	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.4	VA	5.5	N1	7	D01	0.25	18.15	Trúng tuyển
1312	BÙI VĂN TUẤN	01/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.4	LI	6.75	HO	7	A00	0.25	22.4	Trúng tuyển
1313	LÊ ĐÌNH TUẤN	22/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8.6	VA	6	N1	4.4	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1314	NGUYỄN VIỆT TUẤN	27/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7	VA	5.5	N1	8.4	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
1315	GIÁP NGUYỄN NGỌC TUYỀN	07/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.4	VA	4.5	N1	4	D01	0.25	15.15	Trúng tuyển
1316	NGUYỄN HẢI THANH	07/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	LI	5.25	HO	5.75	A00	0.75	19.55	Trúng tuyển
1317	BÙI HUY THÀNH	22/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	5.5	N1	8.6	D01	0.25	22.15	Trúng tuyển
1318	ĐOÀN TRƯỜNG THÀNH	28/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6	VA	6	N1	5.2	D01	0.25	17.45	Trúng tuyển
1319	NGUYỄN TRUNG THÀNH	20/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	4.8	VA	6.75	N1	6	D01	0.75	18.3	Trúng tuyển
1320	NGUYỄN VĂN THÀNH	15/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.6	VA	6	N1	4.2	D01	0.75	16.55	Trúng tuyển
1321	NGUYỄN XUÂN THÀNH	29/12/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	8	VA	6.25	N1	4.6	D01	0.5	19.35	Trúng tuyển
1322	CHỊU THỊ THẢO	19/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.6	VA	8	N1	5	D01	2.75	21.35	Trúng tuyển
1323	NGUYỄN THỊ THU	14/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.2	VA	4.25	N1	4.8	D01	0.75	15	Trúng tuyển
1324	VŨ THỊ THANH THƯƠNG	25/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	5.8	LI	7.25	HO	8	A00	0.25	21.3	Trúng tuyển
1325	CAO TIẾN TRUNG	23/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7	LI	7.75	N1	6.6	A01	0.75	22.1	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1326	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	29/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.8	VA	5	N1	7.6	D01	0.25	19.65	Trúng tuyển
1327	NGUYỄN MẠNH TRUNG	07/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	6.6	VA	4.25	N1	4.4	D01	0.25	15.5	Trúng tuyển
1328	NGUYỄN THÀNH TRUNG	04/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	LI	5.75	HO	9	A00	0.25	22.8	Trúng tuyển
1329	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	27/01/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.4	VA	7	N1	4	D01	0.5	18.9	Trúng tuyển
1330	PHẠM VĂN VƯỢNG	01/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7480101	Khoa học máy tính	TO	7.8	VA	6.25	N1	7.2	D01	0.75	22	Trúng tuyển
1331	NGUYỄN ĐỨC ANH	26/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	8	LI	7	HO	6.75	A00	0.25	22	Trúng tuyển
1332	NGUYỄN VĂN DŨNG	12/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	8.8	VA	8.75	N1	9	D01	0.25	26.8	Trúng tuyển
1333	LÊ MINH ĐỨC	19/11/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	4.2	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.25	15.75	Trúng tuyển
1334	TẠ HUY HIỆP	16/03/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	4.4	VA	7	N1	5.6	D01	2.5	19.5	Trúng tuyển
1335	NGUYỄN QUỐC HÙNG	07/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	7.6	VA	7	N1	4.8	D01	0.75	20.15	Trúng tuyển
1336	NGUYỄN QUANG HÙNG	13/09/2003	Nam	2NT		Thanh Hoá	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	8.6	LI	7.75	HO	7.25	A00	0.5	24.1	Trúng tuyển
1337	LÊ THỊ THANH HƯƠNG	06/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	8.8	LI	7.25	HO	7.25	A00	0.25	23.55	Trúng tuyển
1338	VŨ THỊ LAN	29/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	8.6	VA	3.75	N1	6.6	D01	0.75	19.7	Trúng tuyển
1339	BÙI DUY LINH	18/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	5.6	VA	7.25	N1	3	D01	0.75	16.6	Trúng tuyển
1340	ĐỖ HẢI NAM	06/05/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	5.2	VA	4.5	N1	6.2	D01	0.5	16.4	Trúng tuyển
1341	TRẦN TRUNG TIẾN	08/02/2003	Nam	2NT		Nghệ An	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	7	LI	5.25	HO	4.75	A00	0.5	17.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1342	LONG TIẾN THÀNH	29/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	6.8	VA	7	N1	6.8	D01	2.75	23.35	Trúng tuyển
1343	VŨ TÀI TRUNG	24/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	5.4	VA	6.5	N1	3.2	D01	0.25	15.35	Trúng tuyển
1344	NÔNG XUÂN TRƯỜNG	13/12/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7620301	Nuôi trồng thủy sản	TO	6.2	VA	7.75	N1	4.2	D01	2.5	20.65	Trúng tuyển
1345	NGUYỄN THÀNH AN	24/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	8	N1	8.6	D01	0.75	22.75	Trúng tuyển
1346	VŨ HOÀNG AN	09/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	LI	5.75	HO	8.25	A00	0.75	22.95	Trúng tuyển
1347	BÊ VIỆT ANH	29/08/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.8	VA	6	N1	6.6	D01	2.75	20.15	Trúng tuyển
1348	BÙI VIỆT ANH	23/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7.75	N1	8	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1349	ĐINH HUYỀN HẢI ANH	04/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	4.75	N1	5.4	D01	0.25	17.4	Trúng tuyển
1350	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG ANH	24/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	6.25	N1	8.2	D01	0.25	22.3	Trúng tuyển
1351	ĐỖ TUẤN ANH	10/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	6.75	N1	3.8	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
1352	HOÀNG HẢI ANH	20/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
1353	HOÀNG LAN ANH	18/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5	VA	7.75	N1	6	D01	2.75	21.5	Trúng tuyển
1354	HOÀNG PHƯƠNG ANH	01/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	6.25	N1	6.8	D01	0.25	19.7	Trúng tuyển
1355	LÊ MINH ANH	06/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	8.5	N1	8	D01	0.25	22.95	Trúng tuyển
1356	NGÔ NGỌC ANH	15/09/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	6.5	N1	3.4	D01	0.5	17.6	Trúng tuyển
1357	NGUYỄN ĐỖ THẾ ANH	02/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	7.75	N1	5.4	D01	0.25	19.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1358	NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH	19/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	8.25	N1	6.6	D01	0.25	23.3	Trúng tuyển
1359	NGUYỄN LAN ANH	14/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	8	N1	3.6	D01	0.75	18.35	Trúng tuyển
1360	NGUYỄN NGỌC ANH	12/10/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	8.5	N1	3.4	D01	2.5	22.2	Trúng tuyển
1361	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	05/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	8.75	N1	8.8	D01	0.25	25.4	Trúng tuyển
1362	NGUYỄN TIẾN ANH	21/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6.75	N1	6.2	D01	0.75	20.5	Trúng tuyển
1363	NGUYỄN THỊ LAN ANH	06/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.5	N1	3.4	D01	0.75	16.45	Trúng tuyển
1364	NGUYỄN VŨ MINH ANH	18/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	6	N1	8.4	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển
1365	PHẠM ĐỨC ANH	16/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	LI	8.5	HO	7.75	A00	0.25	24.1	Trúng tuyển
1366	PHẠM HOÀNG ANH	13/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6.5	N1	7.8	D01	0.25	20.75	Trúng tuyển
1367	PHÙNG TUẤN ANH	27/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	LI	7.25	HO	7.75	A00	0.25	23.85	Trúng tuyển
1368	TRẦN MINH ANH	15/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	5.75	N1	6.4	D01	0.75	19.1	Trúng tuyển
1369	VI MAI ANH	02/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	6.75	HO	4.75	A00	0.5	19.8	Trúng tuyển
1370	VŨ HOÀNG ANH	14/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6	N1	4.8	D01	0.25	17.85	Trúng tuyển
1371	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	21/05/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	LI	6.25	HO	6.5	A00	0.5	20.45	Trúng tuyển
1372	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	04/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	5.75	N1	6	D01	0.75	19.1	Trúng tuyển
1373	VI MAI ÁNH	02/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	6.75	HO	6	A00	0.5	20.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1374	LÊ HOÀNG GIA BẢO	30/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	6.5	N1	5.8	A01	0.25	19.95	Trúng tuyển
1375	NGUYỄN XUÂN BẮC	18/11/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	7.5	N1	2.8	D01	0.5	16.2	Trúng tuyển
1376	TRƯƠNG VĂN BÌNH	06/12/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	5.5	N1	5.4	D01	2.75	18.85	Trúng tuyển
1377	PHẠM ĐỨC CƯƠNG	13/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.5	N1	6	D01	0.25	17.95	Trúng tuyển
1378	BÙI TIẾN CƯỜNG	03/07/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	5.5	N1	5.4	D01	0.5	16.6	Trúng tuyển
1379	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	21/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	5.75	N1	5.6	D01	0.25	19	Trúng tuyển
1380	LÊ NGỌC BẢO CHÂU	15/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	7	N1	6.2	D01	0.5	19.5	Trúng tuyển
1381	LẠI THỊ THÙY CHI	07/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.75	21.05	Trúng tuyển
1382	MẠC THẢO CHI	11/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	8	N1	8.2	D01	0.25	24.85	Trúng tuyển
1383	NGUYỄN KIM CHI	27/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7.75	N1	7.8	D01	0.25	22.8	Trúng tuyển
1384	NGUYỄN THỊ HUYỀN CHI	28/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6.5	N1	9.2	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
1385	ĐỒNG NHƯ CHIẾN	01/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.75	N1	4.8	D01	0.25	19.6	Trúng tuyển
1386	PHẠM MINH CHIẾN	12/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	6.5	N1	9	A01	0.75	24.05	Trúng tuyển
1387	TRƯƠNG THỊ KIỀU CHINH	12/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	8	N1	5.6	D01	2.75	23.15	Trúng tuyển
1388	NGUYỄN VĂN CHÍNH	10/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	7	HO	7.75	A00	0.25	22.8	Trúng tuyển
1389	VŨ ĐỨC CHÍNH	05/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	7.75	N1	4.8	D01	0.25	21.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1390	HOÀNG CÔNG DANH	21/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.5	N1	2.4	D01	0.75	16.85	Trúng tuyển
1391	BÙI THỊ DUNG	18/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.5	N1	6.6	D01	0.75	19.65	Trúng tuyển
1392	ĐINH MẠNH DŨNG	16/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.75	N1	5.4	D01	0.25	17.6	Trúng tuyển
1393	ĐẶNG QUANG DUY	26/09/2003	Nam	2		Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.25	21.55	Trúng tuyển
1394	TRẦN KHÁNH DUY	12/11/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	6.25	N1	7.8	A01	0.5	21.95	Trúng tuyển
1395	TRẦN NGỌC DUY	04/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	6.75	N1	5.6	D01	0.25	21	Trúng tuyển
1396	VI THỊ MỸ DUYÊN	13/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	8.25	N1	8.8	D01	0.25	25.5	Trúng tuyển
1397	NGUYỄN VĂN DUYNH	06/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.2	VA	7.25	N1	7.4	D01	0.25	19.1	Trúng tuyển
1398	ĐỖ QUANG DƯƠNG	26/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	8.25	N1	8.8	D01	0.25	24.7	Trúng tuyển
1399	NGUYỄN MINH ĐÀI	22/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	7.5	N1	3.2	D01	0.25	16.35	Trúng tuyển
1400	ĐỖ THỊ ĐÀO	18/07/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.25	N1	6.2	D01	0	20.65	Trúng tuyển
1401	TRẦN ANH ĐÀO	11/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	8	N1	3.2	D01	0.25	19.45	Trúng tuyển
1402	BÙI TIẾN ĐẠT	09/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	5.75	N1	5.6	D01	0.25	18.8	Trúng tuyển
1403	ĐOÀN QUỐC ĐẠT	17/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	6.75	N1	9	D01	0.25	24	Trúng tuyển
1404	HOÀNG THỊ ĐẠT	17/12/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	8	N1	7.2	D01	2.75	25.35	Trúng tuyển
1405	NGÔ THÀNH ĐẠT	14/10/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.5	21.35	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1406	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	06/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6.5	N1	6.2	D01	0.25	19.75	Trúng tuyển
1407	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	10/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	7.25	N1	8.4	D01	0.75	23.8	Trúng tuyển
1408	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	03/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	6	N1	6.2	D01	0.75	21.15	Trúng tuyển
1409	NGUYỄN VŨ THÀNH ĐẠT	24/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	2.4	VA	6.25	N1	8.2	D01	0.25	17.1	Trúng tuyển
1410	PHẠM THÀNH ĐẠT	09/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.4	VA	4.5	N1	9.4	D01	0.25	18.55	Trúng tuyển
1411	VĂN SỸ ĐẠT	23/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	LI	7.75	HO	6.5	A00	0.25	22.7	Trúng tuyển
1412	ĐẶNG HỒNG DIỆP	02/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.75	N1	4	D01	0.25	18	Trúng tuyển
1413	NGUYỄN HẢI ĐÌNH	10/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7	N1	7.4	D01	0.25	21.25	Trúng tuyển
1414	HỒ XUÂN ĐỊNH	14/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	VA	5	N1	5.2	D01	0.25	19.05	Trúng tuyển
1415	BÙI MẠNH ĐỨC	05/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.5	N1	4.2	D01	0.25	19.15	Trúng tuyển
1416	BÙI MINH ĐỨC	11/11/2002	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	5.75	N1	6.8	D01	0.75	18.9	Trúng tuyển
1417	ĐÀO TRUNG ĐỨC	04/05/2003	Nam	2		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	LI	6.5	HO	4.25	A00	0.25	17.8	Trúng tuyển
1418	LẠI MINH ĐỨC	10/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	6	HO	9	A00	0.25	22.65	Trúng tuyển
1419	NGUYỄN THỊ ĐỨC	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6.75	N1	7.2	D01	0.25	20.2	Trúng tuyển
1420	PHẠM ANH ĐỨC	28/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	6.75	N1	5.8	D01	0.25	20.8	Trúng tuyển
1421	PHẠM HỮU ĐỨC	10/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	VA	6.5	N1	6	D01	0.75	21.85	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1422	VŨ TRUNG ĐỨC	02/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7	N1	5.2	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
1423	NGUYỄN HỮU ĐƯỢC	23/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	6.25	N1	8.2	D01	0.25	21.3	Trúng tuyển
1424	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	25/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	7.5	N1	7.6	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
1425	PHẠM HƯƠNG GIANG	06/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.8	VA	7	N1	4	D01	0.75	16.55	Trúng tuyển
1426	TÂY THỊ GIANG	28/12/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	3.4	VA	6	N1	4.4	D01	2.25	16.05	Trúng tuyển
1427	VŨ TRÀ GIANG	21/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	6.5	N1	6.8	D01	0.25	19.15	Trúng tuyển
1428	NGUYỄN HỒNG HÀ	12/03/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	8.75	N1	4.4	D01	0.5	18.85	Trúng tuyển
1429	NGUYỄN THU HÀ	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.25	22.35	Trúng tuyển
1430	PHẠM THU HÀ	28/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	6.5	N1	2.6	D01	0.25	16.95	Trúng tuyển
1431	LƯU THỊ HẠNH	09/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	5	N1	3.6	D01	2.75	17.35	Trúng tuyển
1432	PHẠM MỸ HOÀNG HÂN	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	6.25	N1	8.6	D01	0.25	20.7	Trúng tuyển
1433	NGUYỄN THỊ HẬU	21/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	6.25	N1	4.6	D01	0.25	16.7	Trúng tuyển
1434	LƯƠNG THỊ HUỲNH HIỀN	17/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6.75	N1	6	D01	0.75	19.7	Trúng tuyển
1435	CHU THỊ BÍCH HIỀN	30/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	LI	7.5	HO	8.25	A00	0.25	23.6	Trúng tuyển
1436	TRẦN THỊ HIỀN	13/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	6.25	N1	3.2	D01	0.25	16.1	Trúng tuyển
1437	NGUYỄN MINH HIỆP	28/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.75	20.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1438	ĐÀO TRUNG HIẾU	14/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	5.75	N1	7	D01	0.25	19.8	Trúng tuyển
1439	ĐINH BÁ HIẾU	21/05/2002	Nam	2		Bắc Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	5.5	N1	4.8	D01	0.25	16.55	Trúng tuyển
1440	ĐINH KHẮC HIẾU	30/08/2003	Nam	1		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7	N1	7	D01	0.75	21.35	Trúng tuyển
1441	NGÔ TRUNG HIẾU	05/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	LI	7.75	N1	7.2	A01	0.25	22.8	Trúng tuyển
1442	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	30/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	LI	4.75	HO	5.5	A00	0.25	16.9	Trúng tuyển
1443	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	22/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7	N1	5.8	D01	0.75	20.55	Trúng tuyển
1444	NGUYỄN TRUNG HIẾU	19/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	LI	6.25	HO	6.75	A00	0.75	20.95	Trúng tuyển
1445	TRẦN DUY HIẾU	25/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	LI	7.25	N1	7	A01	0.25	22.1	Trúng tuyển
1446	VŨ ĐỨC HIẾU	31/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	4.5	N1	5.8	D01	0.25	18.15	Trúng tuyển
1447	NGUYỄN ĐỨC HÒA	23/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.75	N1	4.4	D01	0.75	17.1	Trúng tuyển
1448	TRƯƠNG CÔNG HÒA	08/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	6.25	N1	6	D01	0.75	19.6	Trúng tuyển
1449	NGUYỄN CÔNG HOAN	26/11/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7.25	N1	8.2	D01	0.5	23.55	Trúng tuyển
1450	ĐINH TIẾN HOÀNG	15/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	6.75	N1	3	D01	0.25	17	Trúng tuyển
1451	HỨA QUÝ HOÀNG	26/10/2003	Nam	2NT	06	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	3.8	VA	8	N1	4.4	D01	1.5	17.7	Trúng tuyển
1452	LÊ VIỆT HOÀNG	29/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	4.75	N1	9.6	D01	0.25	21	Trúng tuyển
1453	NGÔ ĐĂNG HOÀNG	02/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	4.75	N1	5.6	D01	0.75	16.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1454	NGUYỄN TIỀN HOÀNG	02/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6	N1	8	D01	0.25	20.25	Trúng tuyển
1455	TRẦN VIỆT HOÀNG	18/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7.75	N1	8.2	D01	0.25	22.8	Trúng tuyển
1456	TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	22/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7	N1	3	D01	0.25	16.85	Trúng tuyển
1457	PHẠM THỊ HỒNG	01/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	6	N1	4	D01	0.75	17.15	Trúng tuyển
1458	PHẠM THỊ KIM HỒNG	23/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7	N1	4.4	D01	0.25	17.85	Trúng tuyển
1459	BÙI MẠNH HÙNG	10/03/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	6	N1	5.2	D01	0.5	19.9	Trúng tuyển
1460	TRỊNH QUỐC HÙNG	06/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	6.75	N1	6.6	D01	0.75	21.9	Trúng tuyển
1461	VŨ HUY HÙNG	14/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	LI	6.5	N1	8.6	A01	0.25	23.95	Trúng tuyển
1462	VƯƠNG PHI HÙNG	30/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	5.75	N1	5.2	D01	0.75	19.3	Trúng tuyển
1463	ĐẶNG QUANG HUY	07/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.2	VA	5.5	N1	6.2	D01	0.25	16.15	Trúng tuyển
1464	NGUYỄN BÁ HUY	02/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6	N1	4.8	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
1465	NGUYỄN THÀNH HUY	19/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	5.25	HO	6.75	A00	0.25	20.05	Trúng tuyển
1466	PHẠM ĐỨC HUY	06/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	6.5	HO	6	A00	0.75	20.65	Trúng tuyển
1467	PHẠM QUỐC HUY	01/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	5	HO	4.5	A00	0.25	17.15	Trúng tuyển
1468	BÙI THỊ THƯƠNG HUYỀN	04/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7.5	N1	3.6	D01	0.25	16.95	Trúng tuyển
1469	ĐINH NGỌC HUYỀN	17/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7	N1	4.6	D01	0.75	17.95	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1470	HÀ MINH HUYỀN	27/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.25	N1	4.4	D01	0.5	16.35	Trúng tuyển
1471	NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.75	N1	8.4	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1472	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	26/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	3.2	VA	8	N1	7.2	D01	0.25	18.65	Trúng tuyển
1473	TRẦN THỊ HUYỀN	01/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	8.5	N1	3.8	D01	0.75	18.65	Trúng tuyển
1474	TRẦN THỊ YẾN HUYỀN	25/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	8.25	N1	6	D01	0.25	20.3	Trúng tuyển
1475	LÊ VĂN HUYNH	10/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	5	N1	6.4	A01	0.25	19.05	Trúng tuyển
1476	NGUYỄN THÁI HƯNG	19/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	6.75	N1	3.6	D01	0.25	18	Trúng tuyển
1477	NGUYỄN THÁI HƯNG	30/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.25	N1	7	D01	0.25	19.3	Trúng tuyển
1478	VŨ ĐÌNH HƯNG	04/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	4.5	N1	6.2	D01	0.25	16.15	Trúng tuyển
1479	NGUYỄN THỊ TRÀ HƯƠNG	27/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6.75	N1	4.4	D01	0.75	18.7	Trúng tuyển
1480	NGUYỄN THU HƯƠNG	03/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	5.25	N1	7.8	D01	0.25	19.1	Trúng tuyển
1481	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	13/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	7	N1	6	D01	0.75	19.55	Trúng tuyển
1482	ĐẶNG TRUNG KIÊN	13/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.8	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.25	19.75	Trúng tuyển
1483	ĐẶNG TRUNG KIÊN	11/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7	N1	3.2	D01	0.25	17.05	Trúng tuyển
1484	TRẦN XUÂN KIÊN	03/09/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	6.75	N1	6	D01	0.5	20.45	Trúng tuyển
1485	BÙI ĐÌNH QUỐC KHÁNH	30/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	6.5	N1	9.6	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1486	NGUYỄN NAM KHÁNH	03/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	5.25	N1	7.2	D01	0.75	19.8	Trúng tuyển
1487	BÀN THỊ KHUYÊN	22/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	8	N1	6	D01	2.75	22.95	Trúng tuyển
1488	BÙI DUY KHƯƠNG	22/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	5	N1	4.8	D01	0.75	16.35	Trúng tuyển
1489	NGÔ THỊ HÀ LAN	26/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	8	N1	7.8	D01	0.25	23.65	Trúng tuyển
1490	NGUYỄN THANH LAN	17/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	8	N1	3.6	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
1491	LÃ TÙNG LÂM	17/11/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	5.75	N1	5.6	D01	2.75	19.7	Trúng tuyển
1492	KHÔNG THỊ LIÊN	30/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7	N1	5.4	D01	0.5	19.9	Trúng tuyển
1493	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	20/05/2003	Nữ	2		Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6	N1	5.4	D01	0.25	17.85	Trúng tuyển
1494	BÙI HOÀNG PHƯƠNG LINH	01/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.25	N1	4	D01	0.5	17.95	Trúng tuyển
1495	ĐÀM THỊ MAI LINH	14/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	VA	7.25	N1	5	D01	0.25	21.1	Trúng tuyển
1496	LƯƠNG MAI LINH	01/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7.5	N1	9.6	D01	0.25	24.95	Trúng tuyển
1497	NGUYỄN HOÀNG THUY LINH	10/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	7.5	HO	8	A00	0.75	23.65	Trúng tuyển
1498	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	10/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7.75	N1	3.4	D01	0.25	17	Trúng tuyển
1499	PHẠM KHÁNH LINH	19/02/2003	Nữ	2		Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.75	N1	4.2	D01	0.25	16.4	Trúng tuyển
1500	VŨ HẢI LINH	30/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	8.5	N1	8.4	D01	0.25	24.55	Trúng tuyển
1501	ĐINH THÀNH LONG	15/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	5.25	N1	7	D01	0.25	18.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1502	NGUYỄN VIỆT LONG	18/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	LI	5.75	HO	6.25	A00	0.75	19.55	Trúng tuyển
1503	NGUYỄN THỊ HUYỀN LƯƠNG	29/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	LI	4.25	HO	4.5	A00	0.75	18.1	Trúng tuyển
1504	HOÀNG CẨM LY	07/11/2003	Nữ	2		Nam Định	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	6.5	N1	3.8	D01	0.25	17.95	Trúng tuyển
1505	TRƯƠNG DIỆU LY	11/09/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	4.5	N1	6.8	D01	2.5	20.2	Trúng tuyển
1506	DƯƠNG THỊ LÝ	17/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	5.75	N1	3.4	D01	2.75	17.1	Trúng tuyển
1507	ĐINH NGỌC MAI	12/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	8	N1	8	D01	0.25	22.65	Trúng tuyển
1508	HÀ TUYẾT MAI	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	4.25	N1	8	D01	0.25	18.5	Trúng tuyển
1509	LÊ THỊ MAI	03/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	8	N1	3.6	D01	0.25	17.25	Trúng tuyển
1510	THÂN THỊ NGỌC MAI	31/12/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.75	21.4	Trúng tuyển
1511	NGUYỄN BÌNH MINH	02/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7.75	N1	6.6	D01	0.25	22.2	Trúng tuyển
1512	NGUYỄN ĐỨC MINH	05/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	4.5	N1	5.8	D01	0.25	16.75	Trúng tuyển
1513	PHẠM THỊ MINH	05/08/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.5	19.95	Trúng tuyển
1514	ĐINH TRÀ MY	07/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	9	N1	4.6	D01	0.25	20.65	Trúng tuyển
1515	LINH THỊ NA	21/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5	VA	7	N1	5.4	D01	2.75	20.15	Trúng tuyển
1516	LÊ VĂN NAM	14/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	6.75	N1	7.6	D01	0.25	22.2	Trúng tuyển
1517	NGUYỄN THÀNH NAM	08/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	6.5	N1	5.4	D01	0.75	20.05	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1518	NGUYỄN THÀNH NAM	07/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	7.5	N1	7.2	D01	0.25	23.15	Trúng tuyển
1519	TRƯƠNG ĐỨC NAM	07/02/2003	Nam	2		Ninh Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	LI	5.5	HO	7.25	A00	0.25	19.8	Trúng tuyển
1520	ĐẶNG THỊ HẢI NINH	09/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.25	N1	2.6	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển
1521	ĐẶNG THỊ NINH	16/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	8	N1	6.4	D01	0.75	23.55	Trúng tuyển
1522	VŨ THỊ NGÀ	27/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	6.75	N1	5.8	D01	0.25	19.8	Trúng tuyển
1523	VŨ THỊ KIM NGÂN	08/05/2003	Nữ	2NT		Hưng Yên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	8	N1	3.4	D01	0.5	19.1	Trúng tuyển
1524	HOÀNG BẢO NGỌC	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1525	NINH THÚY NGỌC	03/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7.5	N1	3.4	D01	0.25	18.35	Trúng tuyển
1526	NGUYỄN BÍCH NGỌC	21/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7	N1	6.8	D01	0.75	21.75	Trúng tuyển
1527	NGUYỄN THANH NGỌC	19/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	6	N1	6.6	D01	0.75	20.35	Trúng tuyển
1528	NGUYỄN THỊ NGỌC	01/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7.75	N1	7.4	D01	0.25	22.4	Trúng tuyển
1529	PHẠM THỊ NGỌC	05/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7.75	N1	3.4	D01	0.75	18.3	Trúng tuyển
1530	TRẦN HỒNG NGỌC	26/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7	N1	6.8	D01	0.75	22.15	Trúng tuyển
1531	LÊ THẢO NGUYỄN	03/01/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7.5	N1	8.4	D01	0.5	23	Trúng tuyển
1532	NGUYỄN CHUNG NGUYỄN	08/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	9	N1	8.6	D01	0.25	25.65	Trúng tuyển
1533	PHẠM KHÔI NGUYỄN	05/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.5	N1	7.8	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1534	PHẠM THU NGUYỆT	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.75	N1	4.6	D01	0.25	18.8	Trúng tuyển
1535	VŨ THANH NHÂN	24/12/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	6.5	N1	6	D01	0.25	20.15	Trúng tuyển
1536	HOÀNG THỊ NHỎ	25/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	6.25	N1	4.6	D01	0.5	16.75	Trúng tuyển
1537	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	11/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.5	N1	3.8	D01	0.25	17.55	Trúng tuyển
1538	ĐẶNG HỒNG NHUNG	01/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7	N1	7.6	D01	0.75	21.75	Trúng tuyển
1539	NGUYỄN THỊ NHUNG	02/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	8.25	N1	8.8	D01	0.75	25.6	Trúng tuyển
1540	NGUYỄN TRANG NHUNG	18/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	8	N1	6.8	D01	0.75	20.75	Trúng tuyển
1541	NGÔ THỊ LÂM OANH	12/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.2	VA	5.75	N1	5.4	D01	0.75	16.1	Trúng tuyển
1542	NGUYỄN THỊ KIM OANH	15/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7.5	N1	4.8	D01	0.25	18.15	Trúng tuyển
1543	BÙI THANH PHONG	22/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	LI	4.75	HO	6.25	A00	0.25	17.05	Trúng tuyển
1544	NGUYỄN VĂN PHONG	30/07/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.75	N1	6.4	D01	0.5	20.85	Trúng tuyển
1545	NGUYỄN VIỆT PHONG	02/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	LI	5	HO	4.5	A00	0.75	18.65	Trúng tuyển
1546	NGUYỄN TIẾN PHÒNG	09/05/2003	Nam	2		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	5	N1	6.6	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
1547	TRƯƠNG THIÊN PHÚ	19/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	6.75	N1	7.2	D01	0.25	22.2	Trúng tuyển
1548	VŨ ĐÌNH PHƯỚC	10/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	6.5	N1	4.6	D01	0.75	19.45	Trúng tuyển
1549	BÙI THỊ MAI PHƯƠNG	01/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	8.25	N1	6.2	D01	0.25	22.9	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1550	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	27/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.2	VA	5.5	N1	6.4	D01	0.75	16.85	Trúng tuyển
1551	HOÀNG THU PHƯƠNG	03/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.6	VA	7.5	N1	3	D01	0.25	19.35	Trúng tuyển
1552	LÊ THỊ PHƯƠNG	19/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6	N1	5.8	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
1553	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	09/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	LI	6.5	HO	8.25	A00	0.25	22.2	Trúng tuyển
1554	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	12/06/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	8	N1	8.6	D01	0.5	24.5	Trúng tuyển
1555	NGUYỄN THU PHƯƠNG	17/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.5	N1	5.8	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
1556	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	06/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	6.5	N1	6.8	D01	0.25	18.95	Trúng tuyển
1557	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	02/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7	N1	7.6	D01	0.75	22.55	Trúng tuyển
1558	NGUYỄN DUY QUANG	16/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	2.8	VA	6	N1	8.4	D01	0.75	17.95	Trúng tuyển
1559	NGUYỄN VĂN QUÂN	05/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7	N1	5.2	D01	0.25	19.45	Trúng tuyển
1560	VŨ TRỌNG QUÝ	06/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6	N1	3.8	D01	0.75	16.55	Trúng tuyển
1561	NGUYỄN ĐỨC QUYẾT	23/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	7	N1	8	D01	0.75	22.75	Trúng tuyển
1562	ĐỖ PHƯƠNG QUỲNH	18/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.6	VA	8.5	N1	4	D01	0.5	17.6	Trúng tuyển
1563	TẠ THỊ DIỄM QUỲNH	12/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	6	N1	3	D01	2.75	17.15	Trúng tuyển
1564	ĐINH VĂN SƠN	01/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	7	N1	4.2	D01	0.25	18.65	Trúng tuyển
1565	TRẦN THÁI SƠN	22/03/2003	Nam	2		Thanh Hoá	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	7	N1	7.2	D01	0.25	22.05	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1566	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	03/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	8	N1	4.2	D01	0.25	20.25	Trúng tuyển
1567	PHẠM MINH TÂM	11/07/2003	Nữ	1		Sơn La	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.75	N1	8.6	D01	0.75	23.3	Trúng tuyển
1568	LƯƠNG THỊ THỦY TIÊN	09/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7.5	N1	6.2	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
1569	PHẠM THỊ MINH TIẾN	10/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7	N1	2.4	D01	0.5	16.1	Trúng tuyển
1570	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	19/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	6.75	N1	4.4	D01	0.25	19.4	Trúng tuyển
1571	ĐINH VĂN TOÀN	26/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	6.25	N1	4.4	D01	0.25	19.1	Trúng tuyển
1572	NGUYỄN THỊ UYÊN TÚ	27/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.75	N1	5	D01	0.25	19	Trúng tuyển
1573	NGUYỄN ANH TUẤN	11/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	7.5	N1	6.2	D01	0.25	22.15	Trúng tuyển
1574	NGUYỄN MINH TUẤN	09/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.5	N1	3.2	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển
1575	PHẠM VĂN TUẤN	17/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6	N1	3.8	D01	0.25	16.05	Trúng tuyển
1576	ĐẶNG THANH TÙNG	14/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6.75	N1	8	D01	0.75	21.5	Trúng tuyển
1577	PHẠM MẠNH TÙNG	16/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5	VA	5.25	N1	5.8	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển
1578	PHẠM THANH TÙNG	17/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	7	N1	4.4	D01	0.75	20.55	Trúng tuyển
1579	BÙI ĐỨC TUYỀN	16/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.2	VA	7	N1	4.8	D01	0.25	16.25	Trúng tuyển
1580	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	8	N1	4.4	D01	0.25	21.05	Trúng tuyển
1581	NGUYỄN THỊ TUYẾT	06/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.5	N1	4.4	D01	0.5	19.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1582	TRẦN ANH THÁI	04/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	6.5	N1	8.6	D01	0.25	22.55	Trúng tuyển
1583	NGÔ QUANG THÀNH	06/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	8	N1	8.4	A01	0.25	24.45	Trúng tuyển
1584	PHAN TUẤN THÀNH	18/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	4.25	N1	6	D01	0.75	16.2	Trúng tuyển
1585	TRẦN QUANG THÀNH	21/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	7.25	N1	5.8	D01	0.25	18.9	Trúng tuyển
1586	VŨ ĐỨC THÀNH	25/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	4.75	N1	7	D01	0.75	17.9	Trúng tuyển
1587	BÙI DƯƠNG THẢO	18/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	6.25	N1	5	D01	0.25	18.3	Trúng tuyển
1588	BÙI THỊ THU THẢO	19/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	LI	6.25	HO	4	A00	0.25	18.5	Trúng tuyển
1589	CAO THU THẢO	22/09/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.5	N1	6.2	D01	0.5	20.2	Trúng tuyển
1590	DƯƠNG THỊ THẢO	12/11/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	7.75	N1	4	D01	0.75	20.3	Trúng tuyển
1591	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	21/06/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	7.75	N1	4.4	D01	0.5	17.85	Trúng tuyển
1592	ĐỖ THỊ THANH THẢO	17/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	LI	5.75	N1	5.6	A01	0.25	19	Trúng tuyển
1593	HOÀNG THỊ THẢO	14/03/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.75	N1	6	D01	0.5	18.45	Trúng tuyển
1594	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	09/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7.5	N1	7.4	D01	0.25	21.55	Trúng tuyển
1595	NGUYỄN THANH THẢO	06/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7	N1	6.4	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
1596	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	02/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	VA	7.75	N1	7	D01	0.75	23.5	Trúng tuyển
1597	NGUYỄN THỊ THU THẢO	07/02/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	7	N1	2.6	D01	1.5	16.3	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1598	PHẠM THỊ THẢO	09/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.5	N1	3.4	D01	0.5	16.2	Trúng tuyển
1599	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	23/11/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7	N1	3	D01	0.5	16.7	Trúng tuyển
1600	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	03/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	8.5	N1	4.8	D01	0.5	19.6	Trúng tuyển
1601	ĐẶNG VĂN THẮNG	14/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	5.25	N1	3.8	D01	2.75	17.4	Trúng tuyển
1602	TRẦN XUÂN THẮNG	15/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	7.5	N1	5.6	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
1603	NGÔ VĂN THU	17/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	6.5	N1	6	D01	0.25	17.95	Trúng tuyển
1604	NGUYỄN THỊ MINH THU	28/12/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	6.25	N1	5	D01	0.25	17.1	Trúng tuyển
1605	LẠI THỊ THANH THỦY	24/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	6.25	N1	4.4	D01	0.25	17.3	Trúng tuyển
1606	PHẠM THỊ THỦY	19/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	21.95	Trúng tuyển
1607	TRẦN THỊ MINH THỦY	20/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.5	N1	6.6	D01	0.75	21.65	Trúng tuyển
1608	LÊ THỊ THÚY	11/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6.25	N1	3.8	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển
1609	NGUYỄN HỒNG THÚY	30/09/2003	Nữ	2		Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	9	VA	8	N1	8.4	D01	0.25	25.65	Trúng tuyển
1610	LÊ MINH THU'	10/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	7.5	N1	8	D01	0.25	22.35	Trúng tuyển
1611	TRẦN ANH THU'	23/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.4	VA	7.5	N1	8.4	D01	0.25	23.55	Trúng tuyển
1612	VŨ NGUYỄN ANH THU'	25/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	4.5	N1	7.4	D01	0.25	18.75	Trúng tuyển
1613	LÊ THỊ THÙY THƯƠNG	04/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.8	VA	5.25	N1	6	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1614	LƯƠNG VĂN THƯƠNG	09/03/2003	Nam	1	01	Nghệ An	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	5.6	N1	4	D01	2.75	17.75	Trúng tuyển
1615	NGÔ HẢI THƯƠNG	30/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	LI	7.75	N1	7.4	A01	0.75	23.7	Trúng tuyển
1616	NGUYỄN HUYỀN THƯƠNG	18/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	8.75	N1	9.2	D01	0.25	26	Trúng tuyển
1617	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	13/02/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.6	VA	8.75	N1	8.8	D01	0.25	23.4	Trúng tuyển
1618	HOÀNG MINH TRANG	07/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.75	N1	7.6	D01	0.25	22.4	Trúng tuyển
1619	LÃ THỊ QUỲNH TRANG	24/02/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.4	VA	7.5	N1	4.2	D01	0.5	20.6	Trúng tuyển
1620	NGUYỄN HÀ TRANG	17/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	8.25	N1	8.2	D01	0.25	22.7	Trúng tuyển
1621	NGUYỄN HUYỀN TRANG	21/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
1622	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	08/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	6.5	N1	8	D01	0.25	21.95	Trúng tuyển
1623	NGUYỄN THU TRANG	16/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.4	VA	7	N1	7.6	D01	0.25	21.25	Trúng tuyển
1624	PHẠM THỊ TRANG	13/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.2	VA	8.5	N1	6.4	D01	0.25	23.35	Trúng tuyển
1625	TRẦN THỊ TRANG	07/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	6.25	N1	6	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
1626	NGUYỄN THÙY TRINH	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.8	VA	6.5	N1	3.8	D01	0.25	16.35	Trúng tuyển
1627	VŨ THỊ THANH TRÚC	15/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8.8	VA	8.5	N1	7.2	D01	0.75	25.25	Trúng tuyển
1628	LÊ ĐỨC TRUNG	09/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	7.25	N1	8	D01	0.25	21.5	Trúng tuyển
1629	LÊ KHẮC TRUNG	17/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	8	N1	3.8	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1630	LÊ QUANG TRUNG	10/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	VA	6.5	N1	4.6	D01	0.5	18.6	Trúng tuyển
1631	BÙI QUANG TRƯỜNG	18/07/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	6.25	N1	7.6	D01	0.5	20.95	Trúng tuyển
1632	ĐÀO HẢI TRƯỜNG	17/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.6	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.25	19.15	Trúng tuyển
1633	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	14/11/2003	Nam	3		Hải Phòng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7	LI	4.5	N1	5.2	A01	0	16.7	Trúng tuyển
1634	PHẠM THANH TRƯỜNG	05/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6	N1	4.6	D01	0.75	17.55	Trúng tuyển
1635	PHÙNG NGỌC TRƯỜNG	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	7.5	N1	3.4	D01	0.25	17.35	Trúng tuyển
1636	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	27/07/2003	Nam	2NT		Nam Định	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.8	LI	5.5	HO	6	A00	0.5	18.8	Trúng tuyển
1637	LÝ THÀNH VĂN	19/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	3.6	VA	7.75	N1	3.4	D01	2.75	17.5	Trúng tuyển
1638	HOÀNG THỊ THÙY VÂN	25/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	7	N1	6.4	D01	0.75	19.35	Trúng tuyển
1639	ĐẶNG THỊ HÀ VI	16/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.2	VA	8.25	N1	5.2	D01	0.25	18.9	Trúng tuyển
1640	ĐỖ LÊ THÚY VI	25/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	8.25	N1	4.2	D01	0.25	20.3	Trúng tuyển
1641	VŨ QUỐC VIỆT	10/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6	N1	3.8	D01	0.25	16.05	Trúng tuyển
1642	VŨ THÀNH VIỆT	22/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.6	VA	6	N1	4	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
1643	VŨ QUANG VINH	22/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.8	VA	8.75	N1	6.8	D01	0.25	23.6	Trúng tuyển
1644	NGUYỄN QUANG VŨ	18/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	5.4	VA	8	N1	5.8	D01	0.75	19.95	Trúng tuyển
1645	DƯƠNG VŨ KHÁNH VY	10/07/2003	Nữ	3		Tp. Hồ Chí Minh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.2	VA	6	N1	6.4	D01	0	19.6	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1646	PHẠM VĂN VỸ	10/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6	VA	6	N1	3.4	D01	0.75	16.15	Trúng tuyển
1647	VI VIỆT XUÂN	22/01/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	7.6	VA	5.5	N1	6	D01	0.25	19.35	Trúng tuyển
1648	VŨ THỊ XUÂN	05/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	4.6	VA	7.75	N1	3.4	D01	0.5	16.25	Trúng tuyển
1649	NGUYỄN HẢI YẾN	16/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	8	LI	8.5	HO	7.5	A00	0.25	24.25	Trúng tuyển
1650	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	15/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO	6.2	VA	6	N1	3.8	D01	0.25	16.25	Trúng tuyển
1651	BÙI QUỲNH ANH	10/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.75	N1	5.6	D01	0.25	20.4	Trúng tuyển
1652	BÙI THỊ MINH ANH	28/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.5	N1	4.4	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1653	CHU NGỌC ANH	07/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7	N1	4.6	D01	0.25	18.45	Trúng tuyển
1654	CHU THỊ PHƯƠNG ANH	13/08/2003	Nữ	2		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	6.75	N1	6	D01	0.25	19.6	Trúng tuyển
1655	ĐẶNG HẢI ANH	05/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7.25	N1	6.6	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
1656	ĐOÀN QUỐC ANH	28/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	LI	5.25	N1	8.2	A01	0.25	20.7	Trúng tuyển
1657	HOÀNG PHƯƠNG ANH	27/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	8	N1	7.2	D01	0.25	22.25	Trúng tuyển
1658	HOÀNG THỊ LAN ANH	28/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	6.25	N1	7.6	D01	0.25	21.5	Trúng tuyển
1659	HOÀNG THỊ VÂN ANH	24/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7	N1	7.4	D01	0.75	22.15	Trúng tuyển
1660	LÊ PHẠM THỦY HOÀNG ANH	23/07/2003	Nữ	2		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	8	N1	7.6	D01	0.25	21.45	Trúng tuyển
1661	LƯƠNG THỊ LAN ANH	15/10/2003	Nữ	2NT		Thanh Hoá	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	8.75	N1	7.2	D01	0.5	23.65	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1662	LƯƠNG TRUNG ANH	21/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	6.75	N1	7.4	D01	0.25	21	Trúng tuyển
1663	NGUYỄN PHẠM THẾ ANH	13/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7.25	N1	5.2	D01	0.75	19.2	Trúng tuyển
1664	NGUYỄN QUỲNH ANH	29/06/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.25	N1	8.2	D01	0.5	22.75	Trúng tuyển
1665	NGUYỄN QUỲNH ANH	21/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	7.25	N1	5	D01	0.25	18.7	Trúng tuyển
1666	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	14/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	7	N1	6.2	D01	0.25	18.05	Trúng tuyển
1667	NGUYỄN VIỆT ANH	21/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	5.25	N1	4.2	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển
1668	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG ANH	23/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	LI	7.5	N1	6.4	A01	0.25	21.55	Trúng tuyển
1669	PHẠM PHƯƠNG ANH	02/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	7.5	N1	7.8	D01	0.75	21.25	Trúng tuyển
1670	PHẠM QUỲNH ANH	06/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	7	N1	7.4	D01	0.5	19.5	Trúng tuyển
1671	PHẠM THỊ LAN ANH	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	9.25	N1	6	D01	0.25	21.1	Trúng tuyển
1672	PHÙNG NGỌC ANH	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	23.75	Trúng tuyển
1673	TRẦN NGỌC ANH	01/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.25	16.75	Trúng tuyển
1674	VŨ ĐỨC ANH	21/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	6	N1	7.4	D01	0.75	22.15	Trúng tuyển
1675	VŨ QUỲNH ANH	01/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	21.95	Trúng tuyển
1676	VƯƠNG LÊ HOÀNG ANH	16/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7	N1	4.8	D01	0.25	19.45	Trúng tuyển
1677	NGÔ HỒNG ÁNH	20/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	9	LI	7.5	HO	8	A00	0.25	24.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1678	PHÙNG NGỌC ÁNH	27/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	7.25	N1	4.2	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
1679	TRẦN THỊ ÁNH	06/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.75	23.05	Trúng tuyển
1680	NGÔ VĂN CẢNH	10/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	6	N1	5.4	D01	0.75	19.95	Trúng tuyển
1681	NGUYỄN LÊ CÔNG	12/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	6.5	N1	4.2	D01	0.75	16.85	Trúng tuyển
1682	VŨ THỊ CHÂM	09/08/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6.5	N1	5.8	D01	0.5	19.6	Trúng tuyển
1683	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	20/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	8.75	N1	7.4	D01	0.25	24	Trúng tuyển
1684	ĐÀM THỊ LINH CHI	29/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	5.75	N1	4	D01	0.25	16.6	Trúng tuyển
1685	ĐỖ THỊ UYÊN CHI	29/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	7.25	N1	3.6	D01	0.25	16.7	Trúng tuyển
1686	NGUYỄN QUỲNH CHI	24/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	8	N1	9.2	D01	0.25	23.65	Trúng tuyển
1687	VŨ HỒNG DIỆP	27/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.5	N1	7.8	D01	0.25	21.95	Trúng tuyển
1688	VŨ HUYỀN DỊU	10/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.25	N1	6.2	D01	0.75	21	Trúng tuyển
1689	NGUYỄN CÔNG DOANH	01/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	LI	4.25	N1	5.8	A01	0.25	17.3	Trúng tuyển
1690	HOÀNG THÙY DUNG	06/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.5	N1	6	D01	0.75	21.05	Trúng tuyển
1691	LÊ MỸ DUNG	09/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	8	N1	8.6	D01	0.25	23.65	Trúng tuyển
1692	NGUYỄN THÙY DUNG	14/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.5	N1	6.2	D01	0.25	22.35	Trúng tuyển
1693	PHẠM TUYẾT DUNG	17/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.2	VA	7.75	N1	8.6	D01	0.25	24.8	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1694	MAI TRUNG DŨNG	24/12/2003	Nam	2		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	6.75	N1	7.2	D01	0.25	19.6	Trúng tuyển
1695	NGUYỄN PHI DŨNG	21/03/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6	N1	3.8	D01	0.5	17.1	Trúng tuyển
1696	PHẠM KHÁNH DUY	17/09/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	5.75	N1	6.6	D01	0.5	18.05	Trúng tuyển
1697	VŨ NHẬT DUY	16/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.8	VA	6	N1	7.6	D01	0.25	18.65	Trúng tuyển
1698	VŨ THỊ MỸ DUYÊN	25/02/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7.25	N1	7.2	D01	0.5	22.35	Trúng tuyển
1699	LÊ THUỖ DƯƠNG	18/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	7.75	N1	8.2	D01	0.25	24.2	Trúng tuyển
1700	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	24/05/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	6.25	N1	5.2	D01	0.75	18.6	Trúng tuyển
1701	NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	01/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.25	19.9	Trúng tuyển
1702	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	25/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7	N1	5	D01	0.25	19.05	Trúng tuyển
1703	NGUYỄN NGỌC ĐÀ	14/01/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6.75	N1	5.2	D01	0.5	16.85	Trúng tuyển
1704	BÙI VĂN ĐẠI	23/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	LI	6.25	HO	7	A00	0.25	20.9	Trúng tuyển
1705	NÔNG VĂN ĐẠI	28/05/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6	N1	5	D01	2.75	18.15	Trúng tuyển
1706	HOÀNG TIẾN ĐẠT	20/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	9	VA	6.75	N1	9.4	D01	0.25	25.4	Trúng tuyển
1707	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	30/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.75	17.05	Trúng tuyển
1708	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	23/05/2003	Nam	3		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	LI	8	HO	6.75	A00	0	22.35	Trúng tuyển
1709	ĐÀM QUANG ĐÌNH	23/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.8	VA	8	N1	7.8	D01	0.25	24.85	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1710	KHƯƠNG VĂN ĐOÀN	05/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7	N1	3.6	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
1711	ĐỖ PHƯƠNG ĐÔNG	30/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	6.75	N1	6.2	D01	0.25	19.4	Trúng tuyển
1712	PHẠM MẠNH ĐỨC	22/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	LI	5.75	HO	7	A00	0.75	20.9	Trúng tuyển
1713	TRẦN NGUYỄN CHUNG ĐỨC	04/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	5.25	N1	4.8	D01	0.75	16.8	Trúng tuyển
1714	VŨ MINH ĐỨC	28/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	6.5	N1	6.6	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1715	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	16/02/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	6.5	N1	4	D01	0.75	16.45	Trúng tuyển
1716	ĐOÀN THỊ THU HÀ	21/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	VA	6.75	N1	6.8	D01	0.25	22.2	Trúng tuyển
1717	LÊ HỒNG HÀ	02/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	8.25	N1	6.4	D01	0.75	22.4	Trúng tuyển
1718	LÊ THỊ HOÀNG HÀ	06/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	7.25	N1	8.4	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
1719	NGUYỄN HOÀNG HÀ	10/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	7	N1	5	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
1720	NGUYỄN THANH HÀ	11/12/2003	Nữ	3		Hà Nội	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	8	N1	6.4	D01	0	19.8	Trúng tuyển
1721	PHẠM THỊ THU HÀ	29/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7	N1	4.2	D01	0.25	17.45	Trúng tuyển
1722	NGUYỄN NGỌC HẢI	03/11/2003	Nam	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	5.25	N1	5.6	D01	0.25	18.9	Trúng tuyển
1723	NGUYỄN THỊ HẠNH	16/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.2	VA	7	N1	4.4	D01	0.75	16.35	Trúng tuyển
1724	VŨ THỊ HẠNH	20/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	7.25	N1	5	D01	0.75	21	Trúng tuyển
1725	TRẦN THỊ HẰNG	19/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	8	N1	5.6	D01	0.75	21.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1726	MAI NGUYỄN NGỌC HÂN	01/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.25	18.75	Trúng tuyển
1727	NGUYỄN GIA HÂN	14/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	7.25	N1	8	D01	0.25	23.3	Trúng tuyển
1728	HÀ THU HIỀN	08/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6	N1	5.6	D01	0.25	16.25	Trúng tuyển
1729	VŨ THU HIỀN	19/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	6.5	N1	4.6	D01	0.75	19.65	Trúng tuyển
1730	NGUYỄN DUY HIẾU	07/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	4.25	N1	4.4	D01	0.25	16.9	Trúng tuyển
1731	NGUYỄN TRUNG HIẾU	08/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	6.25	N1	4.8	D01	0.75	16.4	Trúng tuyển
1732	LÊ THANH HOA	26/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	6	N1	4.8	D01	0.25	16.05	Trúng tuyển
1733	VŨ THỊ HOA	12/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	5.75	N1	4.4	D01	0.25	16.6	Trúng tuyển
1734	BÀN THỊ HÒA	31/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.5	N1	6	D01	2.75	22.65	Trúng tuyển
1735	HOÀNG THỊ HOÀI	16/07/2003	Nữ	2NT		Hà Tĩnh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	8.75	N1	6.8	D01	0.5	22.65	Trúng tuyển
1736	DƯƠNG THỊ HOÀNG HOAN	26/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7	N1	5.6	D01	0.25	19.85	Trúng tuyển
1737	NGÔ THIÊN HOÀNG	30/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	8.5	N1	7	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
1738	PHẠM HUY HOÀNG	22/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7.25	N1	6.2	D01	0.25	20.7	Trúng tuyển
1739	PHẠM VĂN HOÀNG	18/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	4.5	N1	3.8	D01	2.75	17.25	Trúng tuyển
1740	PHẠM VIỆT HOÀNG	22/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	6	N1	4.6	D01	0.25	16.25	Trúng tuyển
1741	ĐINH THỊ THANH HỒNG	03/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	8.5	N1	4.4	D01	0.5	21.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1742	BÙI MINH HUỆ	11/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7.75	N1	7.4	D01	0.75	23.5	Trúng tuyển
1743	ĐÀO THỊ HUỆ	11/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7	N1	5.2	D01	0.75	20.55	Trúng tuyển
1744	VŨ THU HUỆ	19/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	8	N1	6.2	D01	0.25	21.25	Trúng tuyển
1745	ĐỖ MẠNH HÙNG	14/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	LI	6.75	HO	5.75	A00	0.25	20.15	Trúng tuyển
1746	HOÀNG PHI HÙNG	05/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	4.75	N1	5.4	D01	0.75	18.3	Trúng tuyển
1747	MẠC ĐĂNG HÙNG	23/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	5.75	N1	8	D01	0.75	22.5	Trúng tuyển
1748	HOÀNG NHẬT HUY	22/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6.5	N1	4.4	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển
1749	NGUYỄN ĐỖ HUY	08/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	5.5	N1	5	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển
1750	NGUYỄN QUANG HUY	09/06/2003	Nam	2		Hà Nội	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	LI	7.75	HO	7.5	A00	0.25	23.5	Trúng tuyển
1751	PHẠM NGUYỄN QUỐC HUY	14/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7.75	N1	4.6	D01	0.25	19.2	Trúng tuyển
1752	TRƯƠNG GIA HUY	07/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	6	N1	5.8	D01	0.25	16.65	Trúng tuyển
1753	VŨ VĂN HUY	27/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	6.5	N1	4.4	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
1754	ĐỖ VĂN HUYỀN	02/09/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	5.25	N1	4.8	D01	0.25	16.7	Trúng tuyển
1755	HOÀNG NGỌC HUYỀN	09/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.75	N1	6.8	D01	0.25	21.6	Trúng tuyển
1756	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	26/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	6.25	N1	6.8	D01	0.25	20.3	Trúng tuyển
1757	PHẠM NGỌC HUYỀN	31/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	22.15	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1758	VŨ THỊ HUYỀN	03/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.5	N1	7.8	D01	0.25	21.95	Trúng tuyển
1759	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	10/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	8.25	N1	7.6	D01	0.25	23.9	Trúng tuyển
1760	PHẠM ĐỨC HÙNG	15/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.25	N1	8	D01	0.25	21.9	Trúng tuyển
1761	BÙI THỊ MAI HƯƠNG	13/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	VA	7.75	N1	8.4	D01	0.25	24.8	Trúng tuyển
1762	ĐINH THỊ THU HƯƠNG	14/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	7.75	N1	6.2	D01	0.75	21.1	Trúng tuyển
1763	LÊ THỊ HƯƠNG	16/01/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	7	N1	5.6	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
1764	LIÊU THỊ QUỲNH HƯƠNG	05/06/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8	N1	8.8	D01	1.25	25.45	Trúng tuyển
1765	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	14/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	LI	8.5	HO	8.5	A00	0.75	25.75	Trúng tuyển
1766	VŨ THỊ THU HƯƠNG	20/10/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	6	N1	7	D01	0.5	19.9	Trúng tuyển
1767	ĐỖ THỊ HƯỜNG	28/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	7.75	N1	4.2	D01	0.25	20	Trúng tuyển
1768	VƯƠNG THỊ THÚY HƯỜNG	10/10/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	7.25	N1	4.4	D01	0.75	17.6	Trúng tuyển
1769	BÙI VĂN HƯỜNG	02/06/2003	Nam	2NT		Nam Định	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	LI	7.25	HO	7.25	A00	0.5	22.2	Trúng tuyển
1770	PHẠM TRUNG KIÊN	12/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	5.5	N1	4.6	D01	0.25	18.15	Trúng tuyển
1771	NGUYỄN THỊ KIỀU	23/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	8	N1	6	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1772	VŨ DƯƠNG THÚY KIỀU	19/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	5.75	N1	5.4	D01	0.75	17.9	Trúng tuyển
1773	NGUYỄN VIỆT KHÔI	29/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	8	N1	7.4	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1774	LƯU TIỀN KHƯƠNG	19/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	LI	6.75	N1	8.8	A01	0.25	23.4	Trúng tuyển
1775	ĐẶNG THỊ LAN	06/02/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	LI	6	N1	8.2	A01	0.25	22.25	Trúng tuyển
1776	NGUYỄN TÙNG LÂM	03/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	6.5	N1	4.4	D01	0.25	16.35	Trúng tuyển
1777	LÊ THỊ LỆ	18/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.5	N1	4.2	D01	0.25	18.75	Trúng tuyển
1778	TRẦN THỊ KIM LIÊN	16/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.75	N1	6.6	D01	0.75	23.5	Trúng tuyển
1779	BÙI KHÁNH LINH	07/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	8.25	N1	5.6	D01	0.25	21.9	Trúng tuyển
1780	BÙI PHƯƠNG LINH	04/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	7.5	N1	7.4	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1781	CHIU THỊ LINH	01/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6.5	N1	4.6	D01	2.75	20.65	Trúng tuyển
1782	HOÀNG MỸ LINH	16/11/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	6.25	N1	4.8	D01	0.25	16.7	Trúng tuyển
1783	NGÔ THUỖ LINH	18/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	7.5	N1	4.8	D01	0.25	18.75	Trúng tuyển
1784	NGUYỄN CẨM LINH	17/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	5.75	N1	4	D01	0.25	16	Trúng tuyển
1785	NGUYỄN HỒNG ÁNH LINH	05/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7.5	N1	7.2	D01	0.75	22.85	Trúng tuyển
1786	NGUYỄN MAI LINH	27/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	8.75	N1	8.4	D01	0.25	22.6	Trúng tuyển
1787	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	26/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	7	N1	3.8	D01	0.75	16.75	Trúng tuyển
1788	NGUYỄN THỊ THUỖ LINH	28/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	8	N1	6	D01	0.25	21.05	Trúng tuyển
1789	PHẠM THÙY LINH	05/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	9	N1	8.2	D01	0.25	25.45	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1790	TỪ THỊ THÙY LINH	17/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.2	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.25	22.75	Trúng tuyển
1791	TRẦN VĂN LINH	23/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7.5	N1	5.8	D01	0.25	19.55	Trúng tuyển
1792	VŨ TUYẾT LINH	27/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	LI	7.25	HO	5.75	A00	0.25	21.05	Trúng tuyển
1793	VŨ THÙY LINH	21/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	5.5	N1	5.4	D01	0.75	18.65	Trúng tuyển
1794	ĐINH PHƯƠNG LOAN	20/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8	N1	7.2	D01	0.25	22.85	Trúng tuyển
1795	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LOAN	22/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	9	N1	3	D01	0.75	20.15	Trúng tuyển
1796	NGUYỄN VĂN LONG	07/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	VA	7.25	N1	6	D01	0.25	21.9	Trúng tuyển
1797	PHẠM THÀNH LUÂN	07/12/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	5.5	N1	7	D01	0.5	19.4	Trúng tuyển
1798	NGÔ THỊ LƯƠNG	20/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	6.5	N1	4	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
1799	TÂY VĂN LƯƠNG	18/03/2003	Nam	2	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	7	N1	3.2	D01	2.25	18.05	Trúng tuyển
1800	ĐỖ VĂN LƯU	12/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7	N1	5.4	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
1801	HÀ THỊ TUYẾT MAI	19/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.8	VA	7	N1	4	D01	0.25	16.05	Trúng tuyển
1802	VŨ NGỌC MAI	03/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	VA	7.25	N1	6.8	D01	0.75	23.2	Trúng tuyển
1803	ĐỖ ĐỨC MẠNH	22/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6.25	N1	4.2	D01	0.25	17.5	Trúng tuyển
1804	MẠC ĐỨC MẠNH	20/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7	N1	6	D01	0.25	20.85	Trúng tuyển
1805	NGUYỄN THỊ MỀN	13/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7.5	N1	2.6	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1806	ĐOÀN ĐỨC MINH	30/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	7	N1	8.6	D01	0.25	23.05	Trúng tuyển
1807	ĐỖ QUANG MINH	02/08/2002	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	3.8	VA	5.5	N1	6.6	D01	0.25	16.15	Trúng tuyển
1808	NGUYỄN THỊ MINH	21/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7.5	N1	7	D01	0.75	21.85	Trúng tuyển
1809	NGUYỄN VĂN MINH	03/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	6.75	N1	7	D01	0.25	19.4	Trúng tuyển
1810	PHẠM THỊ MINH	09/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	6.5	N1	5.4	D01	0.25	17.95	Trúng tuyển
1811	TRẦN QUANG MINH	27/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6.75	N1	6.2	D01	0.25	17.6	Trúng tuyển
1812	VŨ ĐÌNH MINH	21/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	LI	8	HO	6.75	A00	0.25	22.8	Trúng tuyển
1813	ĐỖ TRÀ MY	26/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	8.25	N1	5.2	D01	0.25	19.7	Trúng tuyển
1814	VŨ THẢO MY	18/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7	N1	9	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển
1815	NHŨ HOÀI NAM	14/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	LI	7.75	HO	7.25	A00	0.25	23.65	Trúng tuyển
1816	TRIỆU ĐỨC NAM	07/08/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6.5	N1	3.4	D01	2.75	17.05	Trúng tuyển
1817	LÊ THU NGÂN	29/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	LI	5.5	N1	7.2	A01	0.25	18.75	Trúng tuyển
1818	NGUYỄN HOÀNG NGỌC NGÂN	30/07/2003	Nữ	3		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.2	LI	7.5	HO	8.25	A00	0	23.95	Trúng tuyển
1819	TRẦN THÚY NGÂN	20/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	6.5	N1	3.4	D01	0.25	16.35	Trúng tuyển
1820	HOÀNG NGUYỄN TÀI NGHĨA	03/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	5.75	N1	5.4	D01	0.25	17.6	Trúng tuyển
1821	PHẠM NGỌC NGOAN	04/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	5.5	N1	3.8	D01	0.25	16.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1822	ĐÀM NGUYỄN NGỌC	16/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	4.75	N1	7	D01	0.25	18.4	Trúng tuyển
1823	ĐỖ NGUYỄN BẢO NGỌC	25/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.6	VA	8.75	N1	8.6	D01	0.25	26.2	Trúng tuyển
1824	LÊ MINH NGỌC	12/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	8	N1	6.8	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển
1825	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	23/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6.5	N1	6.2	D01	0.25	18.95	Trúng tuyển
1826	LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	14/06/2003	Nữ	2NT		Hưng Yên	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	6	N1	7.6	D01	0.5	22.1	Trúng tuyển
1827	NGUYỄN MINH NGỌC	01/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	LI	6.5	N1	8.6	A01	0.25	23.35	Trúng tuyển
1828	VŨ NGUYỄN BẢO NGỌC	18/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	5.5	N1	4.6	D01	0.75	17.05	Trúng tuyển
1829	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	04/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7.75	N1	6.8	D01	0.25	22.2	Trúng tuyển
1830	HOÀNG THU NGUYỆT	14/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	LI	5	HO	6.75	A00	0.25	19.6	Trúng tuyển
1831	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	25/08/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	9	VA	8.25	N1	8.2	D01	0.5	25.95	Trúng tuyển
1832	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	17/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	5.75	N1	6.4	D01	0.25	17	Trúng tuyển
1833	NGUYỄN YẾN NHI	30/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	6.25	N1	5.4	D01	0.25	16.9	Trúng tuyển
1834	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	16/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	9	LI	8	N1	6	A01	0.25	23.25	Trúng tuyển
1835	NGUYỄN THỊ HOA NHUNG	24/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7.75	N1	5.4	D01	0.75	20.5	Trúng tuyển
1836	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.6	VA	6.5	N1	4.4	D01	0.75	16.25	Trúng tuyển
1837	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	05/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	7.5	N1	4.8	D01	0.25	17.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1838	NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	25/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	6.25	N1	4	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
1839	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	04/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7.75	N1	5.6	D01	0.25	20.2	Trúng tuyển
1840	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	30/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	3.6	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.75	16.45	Trúng tuyển
1841	ĐẶNG ĐÌNH PHONG	08/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	7	N1	5.4	D01	0.75	18.75	Trúng tuyển
1842	NGUYỄN VIỆT PHONG	01/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	6.25	N1	3.6	D01	0.75	17.2	Trúng tuyển
1843	TRẦN NAM PHONG	26/05/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	6	N1	4.2	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
1844	HOÀNG ĐỨC PHÚ	30/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	6.75	N1	7.2	D01	0.25	20.4	Trúng tuyển
1845	HÀ THỊ PHƯƠNG	10/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.8	VA	7.5	N1	3.8	D01	0.5	16.6	Trúng tuyển
1846	PHẠM THỊ THÚY PHƯƠNG	01/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.25	17.75	Trúng tuyển
1847	VŨ LAN PHƯƠNG	21/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	20.75	Trúng tuyển
1848	MẠC THỊ PHƯƠNG	07/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.25	N1	8.4	D01	0.25	24.3	Trúng tuyển
1849	BÙI MINH QUANG	20/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.2	VA	8	N1	2.4	D01	0.75	17.35	Trúng tuyển
1850	PHẠM HỒNG QUẢNG	13/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.2	LI	5	N1	7.4	A01	0.25	20.85	Trúng tuyển
1851	TRƯƠNG VĂN QUÝ	11/05/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	4.75	N1	4.2	D01	2.75	17.5	Trúng tuyển
1852	VI VĂN QUÝ	06/10/2003	Nam	1	01	Bắc Giang	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6.75	N1	4.6	D01	2.75	20.1	Trúng tuyển
1853	LỤC THỊ NHƯ QUỲNH	26/09/2002	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.5	N1	5.2	D01	2.75	22.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1854	NGUYỄN THỊ QUỲNH	08/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	6.83	N1	3.8	D01	0.25	16.48	Trúng tuyển
1855	VI THỊ SEN	19/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.4	VA	8	N1	5.6	D01	2.75	24.75	Trúng tuyển
1856	NGUYỄN THÁI SƠN	28/08/2002	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8	N1	4.6	D01	0.75	20.75	Trúng tuyển
1857	VŨ MẠNH SƠN	17/09/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	4.25	N1	7.2	D01	0.5	18.35	Trúng tuyển
1858	NGUYỄN VŨ TẤN TÀI	07/12/2003	Nam	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	5.5	N1	7.8	D01	0.25	21.15	Trúng tuyển
1859	NGUYỄN THANH TÂM	13/02/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6.5	N1	4.2	D01	0.75	17.45	Trúng tuyển
1860	TRẦN NGỌC TÂN	16/10/2003	Nam	2		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.25	19.75	Trúng tuyển
1861	LÊ ĐỨC TIẾN	17/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6.25	N1	5.6	D01	0.25	18.9	Trúng tuyển
1862	TRỊNH ĐỨC TIẾN	10/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.6	LI	7.5	N1	8.2	A01	0.75	25.05	Trúng tuyển
1863	ĐÀO ĐỨC TOÀN	12/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	5.75	N1	4.4	D01	0.75	17.9	Trúng tuyển
1864	ĐOÀN NGỌC TUYẾN	30/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	5.75	N1	3.8	D01	0.75	16.9	Trúng tuyển
1865	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	10/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7.75	N1	6.6	D01	0.25	20.6	Trúng tuyển
1866	NGUYỄN TRƯỜNG THÁI	27/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	9	LI	6.75	HO	7.25	A00	0.25	23.25	Trúng tuyển
1867	ĐINH THỊ THANH	10/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	9	N1	5.2	D01	0.25	21.65	Trúng tuyển
1868	ĐỖ MINH THANH	30/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	6.75	N1	4.2	D01	0.25	16.4	Trúng tuyển
1869	ĐẶNG ĐÌNH THÀNH	20/10/2003	Nam	3		Hà Nội	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.5	N1	2	D01	0	16.3	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1870	ĐỖ MINH THÀNH	21/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	6	N1	7.6	D01	0.25	19.65	Trúng tuyển
1871	LIÊU THỊ MỘNG THÀNH	11/03/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.8	VA	6.75	N1	2.8	D01	2.5	16.85	Trúng tuyển
1872	NGUYỄN VIỆT THÀNH	19/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	6.5	N1	8.8	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1873	TẠ HÀ THÀNH	20/08/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	3.5	N1	5.8	D01	2.75	18.05	Trúng tuyển
1874	BÙI PHƯƠNG THẢO	09/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	7.5	N1	7.4	D01	0.25	23.15	Trúng tuyển
1875	DƯƠNG THANH THẢO	23/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	LI	8.25	N1	8.8	A01	0.75	25.8	Trúng tuyển
1876	HOÀNG THỊ THẢO	09/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	6.5	N1	3.4	D01	0.75	16.45	Trúng tuyển
1877	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	03/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6.75	N1	4.4	D01	0.25	17.4	Trúng tuyển
1878	NGUYỄN NHƯ THẢO	22/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.75	N1	9.6	D01	0.25	26	Trúng tuyển
1879	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	14/04/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7.25	N1	4	D01	0.5	18.75	Trúng tuyển
1880	PHẠM VŨ PHƯƠNG THẢO	16/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.2	LI	8	N1	9	A01	0.25	25.45	Trúng tuyển
1881	VŨ PHƯƠNG THẢO	09/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	7	N1	8.4	D01	0.75	23.55	Trúng tuyển
1882	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	LI	8	HO	6.5	A00	0.25	22.55	Trúng tuyển
1883	CHU QUANG THẮNG	28/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7.25	N1	4.8	D01	0.25	19.9	Trúng tuyển
1884	HOÀNG MẠNH THẮNG	20/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	8.25	N1	4.4	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
1885	LÊ ĐỨC THẮNG	16/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	5.25	N1	6.6	D01	0.25	18.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1886	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	24/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	7.25	N1	6.4	D01	0.25	20.7	Trúng tuyển
1887	NGUYỄN QUANG THẮNG	04/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	4	N1	5.4	D01	0.25	16.05	Trúng tuyển
1888	TRẦN HỮU THẮNG	02/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	6	N1	5.4	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển
1889	VŨ ĐÌNH THẮNG	28/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	LI	3.75	HO	6.5	A00	0.25	17.3	Trúng tuyển
1890	NGUYỄN VĂN THIỆN	13/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	6.5	N1	5	D01	0.25	16.15	Trúng tuyển
1891	ĐÌNH THỊ TRANG THU	10/03/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.6	VA	5.25	N1	5	D01	0.5	17.35	Trúng tuyển
1892	LÊ HOÀI THU	13/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.8	VA	6.5	N1	6	D01	0.25	20.55	Trúng tuyển
1893	NGUYỄN THỊ THU	30/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	7.75	N1	5.8	D01	0.25	19.4	Trúng tuyển
1894	PHAN THỊ HOÀI THU	22/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	LI	4.75	N1	4.8	A01	0.25	17	Trúng tuyển
1895	ĐẶNG PHƯƠNG THÙY	04/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	LI	5	N1	6	A01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1896	LÊ THỊ PHƯƠNG THÙY	23/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	8.5	N1	4	D01	0.25	20.15	Trúng tuyển
1897	BÙI THỊ THỦY	15/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5	VA	6.5	N1	5.2	D01	0.75	17.45	Trúng tuyển
1898	PHẠM THỊ THỦY	11/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	4.5	N1	7.8	D01	0.75	18.25	Trúng tuyển
1899	HOÀNG ĐẶNG PHƯƠNG THÚY	18/03/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	5.75	N1	4.6	D01	0.75	16.3	Trúng tuyển
1900	VŨ ÁNH THU	14/11/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	LI	4.5	HO	7	A00	0.25	18.15	Trúng tuyển
1901	ĐẶNG ANH THƯƠNG	14/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7.5	N1	3.4	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1902	LẠI HOÀI THƯƠNG	01/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6	VA	7	N1	5.8	D01	0.25	19.05	Trúng tuyển
1903	PHẠM THỊ THƯƠNG	23/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	5.5	N1	8.4	D01	0.25	21.75	Trúng tuyển
1904	ĐẶNG HÀ TRANG	02/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	7.5	N1	5.8	D01	0.25	19.35	Trúng tuyển
1905	ĐINH THỊ THUY TRANG	24/12/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	8	N1	4.8	D01	0.25	19.85	Trúng tuyển
1906	HOÀNG THU TRANG	08/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	7.75	N1	7.8	D01	0.25	23.8	Trúng tuyển
1907	HỒ THIÊN TRANG	20/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8.8	LI	8	HO	8.25	A00	0.25	25.3	Trúng tuyển
1908	NGÔ THỊ TRANG	13/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.25	21.75	Trúng tuyển
1909	NGUYỄN HUYỀN TRANG	10/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	6.5	N1	3.2	D01	0.75	16.05	Trúng tuyển
1910	NGUYỄN NGUYỄN TRANG	08/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	7.5	N1	5	D01	0.25	18.55	Trúng tuyển
1911	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	07/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	8	VA	8	N1	7.2	D01	0.75	23.95	Trúng tuyển
1912	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	8	N1	4	D01	0.25	17.85	Trúng tuyển
1913	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	08/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.8	VA	8	N1	7	D01	0.25	20.05	Trúng tuyển
1914	PHẠM THỊ KIỀU TRANG	20/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.8	VA	6.75	N1	6.8	D01	0.75	20.1	Trúng tuyển
1915	PHẠM THỊ TRANG	06/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7.75	N1	4.8	D01	0.75	20.3	Trúng tuyển
1916	PHẠM THU TRANG	23/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.6	VA	7.25	N1	5.4	D01	0.25	18.5	Trúng tuyển
1917	ĐỖ HUYỀN TRÂM	03/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	6	N1	5.6	D01	0.75	17.55	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1918	TRẦN THỊ KIỀU TRINH	28/11/2003	Nữ	2		Hải Dương	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.8	VA	6	N1	6.2	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1919	THẢO A TRỒNG	15/07/2003	Nam	1	01	Sơn La	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.2	VA	7	N1	5.2	D01	2.75	20.15	Trúng tuyển
1920	TÂY QUỐC TRUNG	09/08/2003	Nam	2	01	Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	4.4	VA	4.75	N1	4.6	D01	2.25	16	Trúng tuyển
1921	TRẦN MINH TRƯỜNG	09/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.4	VA	5.75	N1	6.2	D01	0.25	19.6	Trúng tuyển
1922	ĐỖ THẢO VÂN	24/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	7.5	N1	7.2	D01	0.25	22.15	Trúng tuyển
1923	ĐỖ BẢO THÀNH VINH	10/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	6.5	N1	4	D01	0.25	17.15	Trúng tuyển
1924	LÊ QUANG VINH	05/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	6.4	VA	6.25	N1	4.2	D01	0.75	17.6	Trúng tuyển
1925	NGUYỄN THỊ XUÂN	26/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	7.25	N1	3.4	D01	0.25	16.3	Trúng tuyển
1926	ĐOÀN HẢI YẾN	25/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.2	VA	8.25	N1	8.8	D01	0.25	24.5	Trúng tuyển
1927	KIỀU THỊ YẾN	03/11/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7.6	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.5	22	Trúng tuyển
1928	PHẠM THỊ YẾN	17/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	5.4	VA	5.75	N1	5.8	D01	0.75	17.7	Trúng tuyển
1929	VŨ THỊ HẢI YẾN	16/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810201	Quản trị khách sạn	TO	7	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.75	21.65	Trúng tuyển
1930	DỊP NGỌC AN	13/01/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	7.25	N1	7.4	D01	2.5	25.15	Trúng tuyển
1931	LỘC THẾ AN	28/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5.5	DI	7.25	C00	2.75	23	Trúng tuyển
1932	VŨ ĐÌNH AN	25/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6	VA	5.75	N1	6.2	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
1933	BÙI THỊ MAI ANH	06/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.75	DI	7.5	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1934	ĐẶNG KIM ANH	30/09/2002	Nữ	2NT		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4	DI	7.5	C00	0.5	18.75	Trúng tuyển
1935	ĐẶNG QUỐC ANH	04/09/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	3.75	DI	7.5	C00	2.75	20.5	Trúng tuyển
1936	ĐINH ĐỨC ANH	18/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	6.25	DI	8.75	C00	0.25	22.75	Trúng tuyển
1937	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	14/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	VA	7	N1	8	D01	0.25	22.45	Trúng tuyển
1938	HÀ QUỲNH ANH	15/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.4	LI	7.25	HO	8.5	A00	0.25	22.4	Trúng tuyển
1939	LÒ TUẤN ANH	20/09/2003	Nam	1	01	Điện Biên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	1.75	DI	6	C00	2.75	16.5	Trúng tuyển
1940	MAI QUÝ ANH	13/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5.5	DI	7.25	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
1941	NGÔ THỊ DIỆU ANH	22/12/2003	Nữ	1		Hoà Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.5	DI	9.5	C00	0.75	21.75	Trúng tuyển
1942	NGUYỄN HOÀNG ANH	15/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	5.75	DI	7.5	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
1943	NGUYỄN HÙNG ANH	18/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	6.5	DI	6.75	C00	0.25	21.5	Trúng tuyển
1944	NGUYỄN KIM ANH	29/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
1945	NGUYỄN THỊ KIM ANH	07/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5	DI	7	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
1946	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	26/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	4.5	DI	6.5	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
1947	PHẠM NGỌC ANH	02/01/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	6.25	DI	6.75	C00	0.75	19.25	Trúng tuyển
1948	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	26/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	10	DI	9	C00	0.25	26.75	Trúng tuyển
1949	PHẠM THỊ VÂN ANH	01/01/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	6.5	DI	7.5	C00	0.5	22.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1950	TĂNG THỊ MAI ANH	01/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	4	DI	8	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
1951	TRẦN THỊ HÀ ANH	30/06/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	6.5	DI	7.5	C00	2.75	22	Trúng tuyển
1952	TRỊNH DIỆP ANH	15/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	3.75	DI	7	C00	0.5	17	Trúng tuyển
1953	VŨ HOÀNG ANH	10/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.8	VA	6.75	N1	5	D01	0.75	17.3	Trúng tuyển
1954	VŨ VIỆT ANH	03/09/2003	Nam	1		Lào Cai	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	6	N1	5	D01	0.75	19.75	Trúng tuyển
1955	LÊ THỊ HOÀNG ÁNH	31/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	8.5	DI	7.25	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
1956	NGUYỄN NGỌC BẢO	05/04/2003	Nam	2		Thừa Thiên - Huế	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.25	16.5	Trúng tuyển
1957	ĐINH XUÂN BẮC	28/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	7.5	DI	8.25	C00	0.75	23.5	Trúng tuyển
1958	HỨA THANH BÌNH	25/11/2003	Nam	1		Phú Thọ	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	8	DI	7.5	C00	0.75	22.75	Trúng tuyển
1959	PHẠM ĐÌNH BÌNH	12/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.5	DI	7	C00	0.75	19.75	Trúng tuyển
1960	NGUYỄN THÀNH CÔNG	11/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	6.5	N1	5.6	D01	0.25	20.35	Trúng tuyển
1961	HOÀNG VĂN CƯỜNG	21/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	3.75	SU	8	DI	7.25	C00	0.75	19.75	Trúng tuyển
1962	NGUYỄN DUY CƯỜNG	16/12/2003	Nam	2		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	8	C00	0.25	20.5	Trúng tuyển
1963	TRẦN QUỐC CƯỜNG	21/10/2003	Nam	1		Vĩnh Phúc	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	7.75	DI	8.25	C00	0.75	23	Trúng tuyển
1964	VŨ XUÂN CƯỜNG	21/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	7.25	DI	7.5	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
1965	VŨ THỊ MINH CHÂU	17/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5.5	DI	8.25	C00	0.25	21.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1966	TRẦN THỊ MAI CHI	15/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	VA	5.5	N1	7	D01	0.25	19.95	Trúng tuyển
1967	ĐỖ NGỌC CHIẾN	02/12/2002	Nam	2		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	6.5	DI	7.5	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1968	LƯU HỮU CHÍNH	16/12/2003	Nam	1		Vĩnh Phúc	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	7.25	DI	8	C00	0.75	23.5	Trúng tuyển
1969	BÙI DOÃN HOÀI DIỆP	03/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	6.75	DI	8	C00	0.25	21.75	Trúng tuyển
1970	TRIỆU HIẾU DUÂN	23/11/2003	Nam	1	01	Đắk Nông	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	4.5	DI	7	C00	2.75	19	Trúng tuyển
1971	HOÀNG THỊ MỸ DUNG	19/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	2.75	DI	6	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1972	TRẦN ĐỨC DUNG	29/08/2002	Nữ	3		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	3.25	DI	7.75	C00	0	17.5	Trúng tuyển
1973	TRẦN VĂN DŨNG	27/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	5.25	DI	7.25	C00	0.75	17.75	Trúng tuyển
1974	TRƯƠNG MẠNH DŨNG	03/03/2003	Nam	2		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	7.5	DI	6	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
1975	NGUYỄN ĐỨC DUY	14/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	8.5	DI	7.25	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
1976	PHẠM KHÁNH DUY	09/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	7	DI	8.75	C00	0.75	23.75	Trúng tuyển
1977	NGUYỄN THỊ MINH DUYÊN	31/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	4.25	DI	6.75	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1978	PHẠM THỊ DUYÊN	30/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	VA	8	N1	8.2	D01	0.25	24.05	Trúng tuyển
1979	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	05/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	3	DI	7.5	C00	0.25	17	Trúng tuyển
1980	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	08/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	5	DI	8.75	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
1981	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	24/07/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	VA	7.75	N1	7	D01	0.5	22.85	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1982	VŨ THÙY DƯƠNG	03/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.5	DI	5.5	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1983	HÀ THỊ ĐÀO	14/07/2003	Nữ	2	01	Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	5.5	DI	7.25	C00	2.25	23	Trúng tuyển
1984	CHU THÀNH ĐẠT	26/06/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	5.25	DI	6.25	C00	0.5	17.25	Trúng tuyển
1985	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.8	VA	8	N1	6.2	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
1986	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.2	VA	7.75	N1	1.8	D01	0.25	16	Trúng tuyển
1987	TRIỆU QUÝ ĐẠT	06/10/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5.5	DI	7.75	C00	2.75	21	Trúng tuyển
1988	TRƯƠNG CÔNG TUẤN ĐẠT	09/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	VA	4	N1	8.8	D01	0.25	19.85	Trúng tuyển
1989	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	14/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	5.25	DI	7.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển
1990	NGUYỄN VĂN ĐÔ	28/01/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.25	DI	6.75	C00	0.75	18.25	Trúng tuyển
1991	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	03/07/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	6	DI	6.5	C00	0.75	21	Trúng tuyển
1992	TRẦN VĂN ĐÔNG	21/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	4	DI	7	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
1993	HOÀNG HỮU ĐỨC	29/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	7.5	DI	8.5	C00	0.25	22	Trúng tuyển
1994	NGUYỄN ANH ĐỨC	11/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.75	DI	7.5	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
1995	NGUYỄN ANH ĐỨC	19/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	5.25	DI	6.25	C00	0.75	18.5	Trúng tuyển
1996	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	10/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5	DI	7	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
1997	TRẦN CHÍNH ĐỨC	10/11/2003	Nam	2	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3.25	DI	6.75	C00	2.25	18.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
1998	CAO THỊ HƯƠNG GIANG	26/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	LI	7.75	HO	7.75	A00	0.25	23.35	Trúng tuyển
1999	LỤC KIM GIANG	04/08/2003	Nữ	2	06	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	3.5	DI	6.75	C00	1.25	16	Trúng tuyển
2000	NGUYỄN THU GIANG	05/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	8.75	DI	8.75	C00	0.25	23.25	Trúng tuyển
2001	PHẠM VĂN GIANG	06/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	7	DI	7.25	C00	0.25	21.75	Trúng tuyển
2002	NGUYỄN TRƯỜNG GIẢNG	27/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.75	DI	6.25	C00	0.75	17.75	Trúng tuyển
2003	ĐẶNG THỊ THU HÀ	13/02/2003	Nữ	2		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5.25	DI	8	C00	0.25	21	Trúng tuyển
2004	ĐINH THỊ THANH HÀ	17/03/2003	Nữ	1		Phú Thọ	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	8	DI	9	C00	0.75	24.5	Trúng tuyển
2005	ĐỖ THỊ THANH HÀ	27/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.5	DI	8.25	C00	0.25	20	Trúng tuyển
2006	KIỀU THU HÀ	09/02/2003	Nữ	3		Hà Nội	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	LI	5.75	HO	4.75	A00	0	17.3	Trúng tuyển
2007	NGUYỄN HỮU HÀ	01/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	6.25	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
2008	NGUYỄN THỊ HÀ	20/09/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.5	DI	7.75	C00	0.25	20	Trúng tuyển
2009	VƯƠNG HỒNG HÀ	07/04/2003	Nữ	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.6	VA	8	N1	4.8	D01	0.5	19.9	Trúng tuyển
2010	ĐỖ VĂN HẠ	17/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6	VA	6	N1	5.4	D01	0.25	17.65	Trúng tuyển
2011	LÊ THỊ HẠ	27/10/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	6	DI	5.5	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
2012	ĐÀM THỊ VÂN HẢI	01/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5	DI	7.25	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
2013	NGUYỄN MẠNH HẢI	22/12/2003	Nam	1		Bắc Giang	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.75	C00	0.75	19.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2014	BÀN THÚY HẠNH	16/08/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	3.5	DI	7.75	C00	2.75	19	Trúng tuyển
2015	HOÀNG GIA HẠNH	26/04/2003	Nữ	2NT		Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	4.75	DI	6.75	C00	0.5	19.5	Trúng tuyển
2016	NGUYỄN THỊ HẠNH	04/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	7.25	DI	7.75	C00	0.75	24	Trúng tuyển
2017	PHẠM MỸ HẠNH	18/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.25	DI	6.5	C00	0.75	18	Trúng tuyển
2018	NGUYỄN PHƯƠNG HẢO	07/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	3.5	DI	7.25	C00	0.25	19	Trúng tuyển
2019	PHẠM THỊ MINH HẰNG	29/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	6	DI	7.5	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
2020	PHẠM THỊ THU HẰNG	07/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	6	DI	7.5	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2021	VŨ THỊ LỆ HẰNG	11/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.25	DI	6.25	C00	0.25	16.75	Trúng tuyển
2022	NGUYỄN THỊ HẬU	16/07/2003	Nữ	1		Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	VA	6.75	N1	4.2	D01	0.75	18.9	Trúng tuyển
2023	BÙI THU HIỀN	28/02/2003	Nữ	1	01	Hoà Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	2.5	DI	7	C00	2.75	19.25	Trúng tuyển
2024	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	19/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	3.75	DI	6.5	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
2025	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	17/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	6	DI	6.5	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
2026	NGUYỄN THU HIỀN	22/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3	DI	7.25	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2027	TỔNG THỊ HIỀN	21/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.75	DI	6.25	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
2028	HOÀNG NGỌC HIẾU	07/03/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	6.5	DI	6.25	C00	0.5	19.25	Trúng tuyển
2029	NGUYỄN ĐẶNG TRUNG HIẾU	22/03/2003	Nam	1		Điện Biên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	8	C00	0.75	21	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2030	NGUYỄN TRUNG HIẾU	26/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	6.5	DI	8.25	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2031	PHẠM MINH HIẾU	16/12/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3.5	DI	6.25	C00	2.75	18.5	Trúng tuyển
2032	PHẠM TRUNG HIẾU	14/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	8	DI	7.75	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
2033	TRẦN XUÂN HIẾU	24/10/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5	DI	6.25	C00	0.5	18.25	Trúng tuyển
2034	TRƯƠNG MINH HIẾU	01/09/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	7.25	DI	7.25	C00	0.5	21.25	Trúng tuyển
2035	ĐINH THỊ MỸ HOA	18/11/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4.5	DI	5.75	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2036	NGUYỄN THỊ HOA	19/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5	DI	7.75	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
2037	VŨ THỊ HOA	08/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2038	DƯƠNG THẾ HÒA	05/03/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	4.5	DI	5.5	C00	2.75	17.75	Trúng tuyển
2039	PHÙNG XUÂN HÒA	22/12/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	6	DI	6.75	C00	0.5	20.75	Trúng tuyển
2040	LỤC GIA HOÀI	23/12/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.75	DI	7	C00	2.75	20.5	Trúng tuyển
2041	BÙI HUY HOÀNG	05/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	2.5	DI	7	C00	0.25	16.75	Trúng tuyển
2042	NGUYỄN HUY HOÀNG	27/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	3.75	DI	6.5	C00	0.75	16.5	Trúng tuyển
2043	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	20/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5.5	DI	8	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
2044	PHẠM HUY HOÀNG	03/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	6.75	DI	7.25	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2045	NGUYỄN THỊ HỒNG	26/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	5.25	DI	7.75	C00	0.25	18	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2046	PHẠM MỸ HỒNG	18/10/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5.5	DI	6	C00	0.75	19.25	Trúng tuyển
2047	NGUYỄN THU HUỆ	29/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.4	VA	7.5	N1	6.8	D01	0.25	20.95	Trúng tuyển
2048	ĐIỆP MINH HUỆ	11/10/2003	Nữ	2NT	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.75	DI	6.25	C00	2.5	19.5	Trúng tuyển
2049	NGÔ THỊ HUỆ	07/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.5	DI	6.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2050	NGUYỄN KIM HUỆ	04/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.75	DI	6	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2051	NGUYỄN THANH HUỆ	31/01/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	9	SU	4	DI	6.5	C00	0.5	20	Trúng tuyển
2052	ÂN VĂN HÙNG	27/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	7.75	DI	6.5	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2053	NGUYỄN VĂN HÙNG	28/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.2	VA	4.75	N1	5.8	D01	0.25	17	Trúng tuyển
2054	LÝ QUANG HUY	28/10/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.2	VA	7.25	N1	5	D01	0.5	16.95	Trúng tuyển
2055	PHẠM BÁ HUY	22/12/2002	Nam	2		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	7.5	DI	8.75	C00	0.25	22	Trúng tuyển
2056	PHẠM QUANG HUY	16/05/2003	Nam	2NT		Hưng Yên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	7	DI	7.75	C00	0.5	22.5	Trúng tuyển
2057	VŨ PHÚC HUY	06/10/2003	Nam	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5.5	DI	6.75	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
2058	VŨ TRỌNG HUY	21/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	5.5	DI	7.25	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
2059	BÙI NGỌC HUYỀN	04/03/2003	Nữ	1		Hoà Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	5.25	DI	6	C00	0.75	20	Trúng tuyển
2060	ĐẶNG THỊ HUYỀN	29/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	7.75	DI	8.25	C00	0.25	22.25	Trúng tuyển
2061	LŨNG THỊ HUYỀN	13/02/2003	Nữ	1	01	Sơn La	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	8.25	DI	9	C00	2.75	27.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2062	NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/07/2003	Nữ	2		Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.5	SU	7.75	DI	7.25	C00	0.25	23.75	Trúng tuyển
2063	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	26/02/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	7.25	DI	7.75	C00	0.5	22	Trúng tuyển
2064	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	23/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	VA	6.25	N1	8.4	D01	0.25	21.7	Trúng tuyển
2065	ĐẶNG DUY HÙNG	11/02/2003	Nam	2		Hà Nội	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5	DI	6.25	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2066	ĐOÀN DUY HÙNG	17/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	5.5	DI	7	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2067	HOÀNG QUÂN HÙNG	19/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5.25	DI	6.75	C00	0.75	20.25	Trúng tuyển
2068	LÊ QUANG HÙNG	16/10/2003	Nam	3	06	Ninh Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.25	SU	3.5	DI	7.25	C00	1	16	Trúng tuyển
2069	NGUYỄN PHÚC HÙNG	05/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6	VA	7	N1	3.2	D01	0.75	16.95	Trúng tuyển
2070	PHAN THANH HÙNG	26/02/2003	Nam	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	7.75	DI	7.5	C00	0.5	22.25	Trúng tuyển
2071	ĐỖ THỊ TUYẾT HƯƠNG	11/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.2	VA	5.5	N1	6.2	D01	0.25	18.15	Trúng tuyển
2072	LINH TUẤN HƯƠNG	01/04/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.25	DI	7.25	C00	2.75	21.25	Trúng tuyển
2073	LÝ THỊ LAN HƯƠNG	17/07/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	2.75	DI	6.5	C00	2.25	18.5	Trúng tuyển
2074	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	16/04/2003	Nữ	1	01	Hà Nội	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.25	DI	7.25	C00	2.75	20.75	Trúng tuyển
2075	TRẦN THỊ HƯƠNG	30/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	6.5	DI	8	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2076	VŨ THỊ HƯƠNG	08/05/2002	Nữ	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3	DI	7.75	C00	0.75	17.5	Trúng tuyển
2077	VY THỊ LAN HƯƠNG	12/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4	SU	4.25	DI	6	C00	2.75	17	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2078	VŨ THU HƯỜNG	30/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	4.5	DI	7.25	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2079	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	06/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7	VA	7.5	N1	4.8	D01	0.25	19.55	Trúng tuyển
2080	ĐÀM TRUNG KIÊN	08/01/2003	Nam	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.5	DI	7.75	C00	2.75	22	Trúng tuyển
2081	NGUYỄN TRUNG KIÊN	11/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.4	VA	4.5	N1	7.8	D01	0.25	18.95	Trúng tuyển
2082	VŨ VĂN KHA	01/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	7.25	DI	7.25	C00	0.75	22.25	Trúng tuyển
2083	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	23/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.25	16.75	Trúng tuyển
2084	PHẠM QUỐC KHÁNH	02/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	4	DI	5.75	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2085	VŨ GIA KHÁNH	21/10/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5.75	DI	7	C00	0.75	21.25	Trúng tuyển
2086	HOÀNG VĨNH KHƯƠNG	09/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	5.75	DI	9	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
2087	ĐÀO THỊ HƯƠNG LAN	05/11/2003	Nữ	2NT		Ninh Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	4	DI	6.5	C00	0.5	17.25	Trúng tuyển
2088	PHẠM THỊ LÂN	02/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	6.75	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2089	PHẠM THANH LÊ	11/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	7.75	DI	8	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
2090	GIÀNG A LỀNH	10/03/2003	Nam	1	01	Yên Bái	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	8.5	DI	8.75	C00	2.75	26	Trúng tuyển
2091	LÝ THANH LIÊM	04/01/2003	Nam	1	01	Bắc Giang	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	3.5	DI	7.5	C00	2.75	19.5	Trúng tuyển
2092	BÙI THỊ LINH	26/07/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	2.75	DI	6.5	C00	0.5	16.5	Trúng tuyển
2093	BÙI THỊ MAI LINH	27/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	4	DI	7.25	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2094	ĐÀO THÙY LINH	20/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.25	19	Trúng tuyển
2095	ĐINH THỊ THÙY LINH	18/11/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.25	DI	7	C00	0.75	19	Trúng tuyển
2096	HOÀNG VĂN LINH	17/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	2.25	DI	9	C00	0.25	19.5	Trúng tuyển
2097	LÊ PHƯƠNG LINH	10/04/2003	Nữ	2NT		Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5	DI	7.25	C00	0.5	19.5	Trúng tuyển
2098	LÊ THỊ THÙY LINH	21/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	7.75	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
2099	LỤC THÙY LINH	10/03/2003	Nữ	1	01	Cao Bằng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.25	DI	7.5	C00	2.75	21.5	Trúng tuyển
2100	LƯƠNG THÙY LINH	20/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	6.75	DI	7.75	C00	0.75	22.75	Trúng tuyển
2101	NÔNG THỊ LINH	02/10/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	3.25	DI	5.5	C00	2.75	19.25	Trúng tuyển
2102	NGUYỄN KHÁNH LINH	07/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5	DI	5.75	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
2103	NGUYỄN TÙNG LINH	10/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	3	DI	7.75	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
2104	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	24/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	LI	6	HO	5.5	A00	0.75	19.45	Trúng tuyển
2105	PHẠM THỊ HOÀI LINH	25/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	4	DI	6.25	C00	0.75	16.25	Trúng tuyển
2106	TRẦN THÙY LINH	17/01/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	7.25	N1	8.2	D01	0.5	23.95	Trúng tuyển
2107	TRƯƠNG HẢI LINH	08/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	3.75	DI	7	C00	0.75	16.75	Trúng tuyển
2108	TRƯƠNG THỊ TÚ LINH	25/10/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	5	VA	6.75	N1	5.2	D01	0.75	17.7	Trúng tuyển
2109	VŨ THỊ LINH	18/05/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.25	DI	7.75	C00	0.75	19.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2110	VŨ THỊ THÙY LINH	11/08/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	8.25	DI	8	C00	0.75	24	Trúng tuyển
2111	PHẠM THỊ MAI LOAN	16/06/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5	DI	7.75	C00	0.5	21	Trúng tuyển
2112	BÙI ĐÌNH LONG	20/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.5	DI	6.5	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2113	HOÀNG NGỌC LONG	16/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	4.5	DI	7.5	C00	0.25	17	Trúng tuyển
2114	NGÔ TRẦN HẢI LONG	07/05/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	7.25	C00	0.5	18.75	Trúng tuyển
2115	NGUYỄN THANH LONG	24/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4.75	DI	6.75	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
2116	NGUYỄN THÀNH LONG	13/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	3.75	DI	5.5	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
2117	TẠ THÀNH LONG	05/09/2003	Nam	2NT	06	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	4.5	DI	7	C00	1.5	20.25	Trúng tuyển
2118	VŨ THÀNH LONG	25/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.5	DI	7.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2119	PHẠM THỊ LUYẾN	10/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.5	SU	7.5	DI	8	C00	0.25	24.25	Trúng tuyển
2120	BÙI ĐỨC LƯƠNG	27/11/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4	SU	6.5	DI	7	C00	0.5	18	Trúng tuyển
2121	LÊ THỊ LÝ	11/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3.75	DI	6.75	C00	0.25	16.75	Trúng tuyển
2122	BÙI PHƯƠNG MAI	27/09/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	3.75	DI	8	C00	0.25	20	Trúng tuyển
2123	CHIU THỊ MAI	21/01/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.25	SU	2.25	DI	7	C00	2.75	16.25	Trúng tuyển
2124	LÊ THỊ MAI	08/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.6	VA	7.25	N1	3.8	D01	0.25	17.9	Trúng tuyển
2125	LÊ THỊ TUYẾT MAI	20/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.75	DI	7.25	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2126	NGHIÊM TUYẾT MAI	03/01/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.8	VA	7.25	N1	5	D01	1.5	18.55	Trúng tuyển
2127	NGỌC QUỲNH MAI	09/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	5	DI	6.75	C00	0.75	17.25	Trúng tuyển
2128	TRẦN NGỌC MAI	26/03/2003	Nữ	2		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	VA	7	N1	7.2	D01	0.25	22.05	Trúng tuyển
2129	TRƯƠNG NGỌC MAI	05/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	6.5	C00	0.25	19	Trúng tuyển
2130	PHAN THẾ MẠNH	16/02/2003	Nam	2		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8.2	VA	6.5	N1	2.6	D01	0.25	17.55	Trúng tuyển
2131	CHU HOÀNG MINH	14/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7	VA	7	N1	9	D01	0.25	23.25	Trúng tuyển
2132	ĐẶNG NHẬT MINH	08/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	5	N1	4	D01	0.25	17.25	Trúng tuyển
2133	NGUYỄN CÔNG HẢI MINH	06/01/2003	Nam	1		Hà Giang	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	3.75	DI	5.75	C00	0.75	17	Trúng tuyển
2134	TỪ QUỐC MINH	12/12/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	5.25	DI	7.75	C00	2.5	21	Trúng tuyển
2135	VƯƠNG QUANG MINH	17/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	5	DI	6.75	C00	0.75	18	Trúng tuyển
2136	ĐẶNG THỊ MÙI	19/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	5.75	DI	7	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
2137	ĐỖ VĂN MÙI	31/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	6.5	DI	8.75	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2138	LÊ THỊ TRÀ MY	03/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5.25	DI	7	C00	0.5	19.75	Trúng tuyển
2139	TRƯƠNG THỊ HỒNG MỸ	19/06/2003	Nữ	2	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	3.75	DI	6.5	C00	2.25	17.5	Trúng tuyển
2140	LÊ HOÀI NAM	08/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.6	VA	7.25	N1	6	D01	0.25	18.1	Trúng tuyển
2141	NGUYỄN DIỆU NAM	17/02/2003	Nữ	2NT		Quảng Trị	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	6	DI	7.5	C00	0.5	19.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2142	NGUYỄN HOÀI NAM	10/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.5	DI	7.5	C00	0.75	19.75	Trúng tuyển
2143	NGUYỄN VĂN ĐẠI NAM	25/07/2003	Nam	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	9	DI	8.75	C00	0.5	25.75	Trúng tuyển
2144	NGUYỄN VIỆT NAM	24/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	6	DI	6.75	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2145	PHẠM HOÀNG NAM	23/08/2003	Nam	1		Lâm Đồng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.4	LI	6.25	HO	7.5	A00	0.75	21.9	Trúng tuyển
2146	VŨ THÀNH NAM	16/09/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5	DI	7	C00	0.5	18.5	Trúng tuyển
2147	ĐINH QUANG NINH	11/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4	SU	5	DI	6.75	C00	0.25	16	Trúng tuyển
2148	PHẠM THỊ NGÀ	05/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.6	VA	7	N1	5.8	D01	0.25	19.65	Trúng tuyển
2149	VŨ THỊ HẰNG NGÀ	22/09/2003	Nữ	2NT		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	VA	7.75	N1	4.4	D01	0.5	20.25	Trúng tuyển
2150	NGUYỄN THỊ NGÀ	18/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	4	DI	7.75	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2151	PHẠM THỊ NGỌC NGÁT	12/12/2003	Nữ	2NT		Hưng Yên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	7.5	DI	7.5	C00	0.5	22.25	Trúng tuyển
2152	VŨ THỊ NGÁT	14/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	4	DI	7	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
2153	NGUYỄN THỊ NGÂN	29/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	7.75	DI	6.25	C00	0.75	22.75	Trúng tuyển
2154	VŨ TUYẾT NGÂN	26/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.5	DI	7.5	C00	0.75	19.25	Trúng tuyển
2155	VŨ THỊ NGOAN	17/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	3.5	DI	6.75	C00	0.25	16	Trúng tuyển
2156	BÙI THỊ NGỌC	30/05/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	7.75	DI	8.75	C00	0.25	24.25	Trúng tuyển
2157	ĐỖ HỒNG NGỌC	27/11/2003	Nữ	1	01	Tuyên Quang	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4.25	DI	7	C00	2.75	20.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2158	ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	14/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	VA	8.25	N1	6.8	D01	0.5	22.75	Trúng tuyển
2159	NGÔ BÙI NHƯ NGỌC	08/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	6	DI	8.5	C00	0.25	22	Trúng tuyển
2160	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGỌC	09/05/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	6.25	DI	8.75	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2161	LÊ KHÔI NGUYỄN	24/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.4	VA	6	N1	8.2	D01	0.25	20.85	Trúng tuyển
2162	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	16/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	8.25	DI	7.5	C00	0.75	23.5	Trúng tuyển
2163	PHẠM CHƯƠNG NGUYỄN	13/02/2002	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	4.75	DI	6.25	C00	0.5	17	Trúng tuyển
2164	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	15/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.4	VA	7.5	N1	8.2	D01	0.25	23.35	Trúng tuyển
2165	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	09/03/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.6	VA	6	N1	7	D01	0.75	21.35	Trúng tuyển
2166	BÙI VĂN NHẬT	17/02/2003	Nam	1	01	Ninh Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	8.5	DI	9.25	C00	2.75	27.25	Trúng tuyển
2167	ĐỖ MINH NHẬT	17/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3.25	DI	7	C00	0.25	16.5	Trúng tuyển
2168	LÂM TRẦN QUỲNH NHI	19/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.5	DI	6.75	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2169	BÙI MAI NHUNG	27/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	3	DI	7.5	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2170	LÊ THỊ NHUNG	10/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.5	SU	8	DI	7.75	C00	0.25	24.5	Trúng tuyển
2171	LÝ THỊ NHUNG	16/09/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	7.5	DI	8.5	C00	2.75	27	Trúng tuyển
2172	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	27/03/2003	Nữ	1		Sơn La	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4.25	DI	7.5	C00	0.75	19.25	Trúng tuyển
2173	NGUYỄN THỊ NHUNG	21/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	3.75	DI	6.5	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2174	PHẠM HỒNG NHUNG	19/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	6.75	DI	6.5	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2175	TỪ THỊ MỸ NHUNG	17/05/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	3.75	DI	7.25	C00	2.75	21.25	Trúng tuyển
2176	NGUYỄN TRƯỜNG TIẾN PHÁT	15/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	5	DI	8.25	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2177	DƯƠNG MAI PHƯƠNG	20/10/2003	Nữ	1	01	Hà Giang	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	7.5	DI	8.25	C00	2.75	25.5	Trúng tuyển
2178	LÂM HÀ PHƯƠNG	21/02/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5	DI	6.25	C00	0.5	19.25	Trúng tuyển
2179	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	12/06/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	3.5	DI	7.25	C00	0.5	16.5	Trúng tuyển
2180	NINH THỊ PHƯƠNG	20/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	7.75	C00	2.75	21.5	Trúng tuyển
2181	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	26/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5	DI	7.75	C00	0.25	20	Trúng tuyển
2182	NGUYỄN THU PHƯƠNG	19/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4	DI	7.75	C00	0.75	18.5	Trúng tuyển
2183	PHAN VĂN PHƯƠNG	03/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	7.75	DI	7.75	C00	0.75	22	Trúng tuyển
2184	TỪ MINH PHƯƠNG	29/12/2002	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	5	VA	5	N1	5.4	D01	2.5	17.9	Trúng tuyển
2185	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	03/04/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	3.75	SU	5	DI	8.25	C00	2.75	19.75	Trúng tuyển
2186	VŨ THỊ HỒNG PHƯƠNG	16/06/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5	DI	8.75	C00	0.5	21.75	Trúng tuyển
2187	BÙI TRỌNG QUANG	29/04/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	3.75	SU	4.75	DI	8.25	C00	0.5	17.25	Trúng tuyển
2188	ĐỒNG MINH QUÂN	02/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	VA	6.5	N1	3.6	D01	0.25	18.35	Trúng tuyển
2189	LÊ ANH QUÂN	16/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6	VA	6.75	N1	5.8	D01	0.25	18.8	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2190	LƯƠNG ANH QUÂN	05/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.25	DI	7.75	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
2191	PHẠM HẢI QUÂN	16/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5	DI	6.5	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
2192	PHẠM MINH QUÂN	19/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	VA	6.5	N1	5.4	D01	0.25	18.95	Trúng tuyển
2193	TRẦN ĐÌNH QUÂN	12/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	VA	6.5	N1	6.8	D01	0.75	20.85	Trúng tuyển
2194	TRẦN MINH QUÂN	10/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	6.25	DI	7.5	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2195	TRẦN BẢO QUỐC	23/12/2003	Nam	2NT		Hà Nam	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.4	VA	7	N1	3.4	D01	0.5	18.3	Trúng tuyển
2196	MÔNG ĐỨC QUÝ	05/06/2003	Nam	1	01	Lạng Sơn	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.25	DI	7.5	C00	2.75	21.5	Trúng tuyển
2197	NGUYỄN HOÀNG ANH QUÝ	26/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7	VA	4.75	N1	5.4	D01	0.75	17.9	Trúng tuyển
2198	PHẠM VĂN QUÝ	24/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.25	DI	8	C00	0.75	20	Trúng tuyển
2199	NGUYỄN VĂN QUYẾN	04/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5	DI	6.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2200	ĐÌNH MINH QUYẾT	05/10/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	7	DI	7.25	C00	0.5	21.25	Trúng tuyển
2201	BÙI HƯƠNG QUỲNH	29/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8.2	VA	8.25	N1	4.2	D01	0.25	20.9	Trúng tuyển
2202	HÀ NHƯ QUỲNH	03/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.5	SU	6.75	DI	8	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
2203	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	29/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.8	VA	8	N1	7.4	D01	0.25	22.45	Trúng tuyển
2204	NGUYỄN THU QUỲNH	01/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	3.75	DI	7.5	C00	0.75	19.5	Trúng tuyển
2205	VŨ NHƯ QUỲNH	08/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	4	DI	6.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2206	HÀNG A SỆNH	11/02/2003	Nam	1	01	Điện Biên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	6	DI	7.75	C00	2.75	23.25	Trúng tuyển
2207	ĐỖ HOÀNG SƠN	15/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3	DI	6.75	C00	0.25	17	Trúng tuyển
2208	LA VĂN SƠN	27/01/2003	Nam	2NT	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	5.25	DI	7	C00	2.5	22	Trúng tuyển
2209	LÊ DANH SƠN	17/05/2003	Nam	2NT		Bắc Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8.4	VA	7.5	N1	6.4	D01	0.5	22.8	Trúng tuyển
2210	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	09/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	6.75	DI	7.5	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2211	NGUYỄN HỒNG SƠN	17/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	5.5	DI	7.75	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2212	NGUYỄN SĨ SƠN	20/10/2003	Nam	2NT		Bắc Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.2	VA	6.5	N1	4.8	D01	0.5	18	Trúng tuyển
2213	NGUYỄN VĂN SỸ	01/04/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.75	SU	5.5	DI	8.75	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2214	PHẠM TẤN TÀI	26/01/2003	Nam	1		Điện Biên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.75	DI	8	C00	0.75	20	Trúng tuyển
2215	ĐÀM QUANG TÂM	23/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	4	DI	7.25	C00	0.75	17	Trúng tuyển
2216	HOÀNG THỊ THANH TÂM	25/08/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	4.5	DI	5.75	C00	0.5	16.75	Trúng tuyển
2217	TRẦN THANH TÂM	12/03/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5	DI	7.75	C00	0.5	20	Trúng tuyển
2218	DƯƠNG THU TIẾN	20/04/2003	Nữ	1	01	Cao Bằng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5.25	DI	7	C00	2.75	22.5	Trúng tuyển
2219	LƯƠNG TRUNG BÌNH	16/11/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	6.25	DI	8.25	C00	0.75	22.75	Trúng tuyển
2220	VŨ VĂN TOÀN	29/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.6	VA	7	N1	5.2	D01	0.25	19.05	Trúng tuyển
2221	HOÀNG ANH TUẤN	18/05/2002	Nam	2		Nghệ An	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	6	DI	7.25	C00	0.25	20.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2222	KIỀU THÁI TUẤN	03/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	5.25	DI	6.75	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
2223	NGUYỄN ANH TUẤN	20/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	3	DI	6.75	C00	0.25	16.25	Trúng tuyển
2224	NGUYỄN ANH TUẤN	29/11/2003	Nam	2NT		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.5	SU	4.75	DI	7.5	C00	0.5	18.25	Trúng tuyển
2225	NGUYỄN MẠNH TUẤN	27/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5	DI	7.5	C00	0.25	19.75	Trúng tuyển
2226	NGUYỄN VĂN TUẤN	21/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7.2	VA	7.25	N1	5.6	D01	0.75	20.8	Trúng tuyển
2227	TRẦN MẠNH TUẤN	13/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	3.25	DI	7	C00	0.75	16	Trúng tuyển
2228	TRẦN NGỌC ANH TUẤN	13/07/2003	Nam	2		Thái Bình	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	6.75	DI	8.25	C00	0.25	23.25	Trúng tuyển
2229	LÊ THẾ TÙNG	05/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.25	SU	4	DI	6.5	C00	0.25	16	Trúng tuyển
2230	TRẦN CÔNG TUYẾN	28/12/2003	Nam	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	9.25	DI	8.75	C00	0.75	26.75	Trúng tuyển
2231	PHẠM THỊ TUYẾT	01/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	5.4	VA	6.75	N1	3.8	D01	0.75	16.7	Trúng tuyển
2232	NGUYỄN TIẾN THÁI	16/07/2003	Nam	1		Phú Thọ	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	7.25	DI	7.25	C00	0.75	21	Trúng tuyển
2233	BÙI ĐỨC THANH	08/10/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.75	DI	7	C00	0.5	18.75	Trúng tuyển
2234	ĐƯƠNG VĂN THANH	03/08/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	7.25	DI	7.75	C00	0.75	22.25	Trúng tuyển
2235	NGỌC TIẾN THÀNH	03/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	7	DI	7.75	C00	0.75	20.5	Trúng tuyển
2236	CAM THỊ THẢO	18/11/2003	Nữ	2NT	06	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4.4	VA	6.25	N1	5.2	D01	1.5	17.35	Trúng tuyển
2237	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	19/08/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4.75	DI	7.25	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2238	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	01/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	6.5	DI	9	C00	0.25	24	Trúng tuyển
2239	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	7	VA	6.5	N1	2.8	D01	0.25	16.55	Trúng tuyển
2240	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/12/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	8.75	DI	8.5	C00	0.75	25.5	Trúng tuyển
2241	NGUYỄN THU THẢO	10/09/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.5	DI	7	C00	0.5	18.5	Trúng tuyển
2242	ĐÀO VĂN THẮNG	11/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	4.75	DI	7.25	C00	0.25	16.75	Trúng tuyển
2243	ĐINH ĐỨC THẮNG	19/10/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	5.75	DI	6	C00	0.5	19.5	Trúng tuyển
2244	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	12/11/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5	DI	7.25	C00	0.5	17.75	Trúng tuyển
2245	PHẠM HỮU THẮNG	09/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4.5	DI	8.25	C00	0.75	20.25	Trúng tuyển
2246	PHẠM VĂN THỂ	05/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8.2	VA	5	N1	6.4	D01	0.25	19.85	Trúng tuyển
2247	PHẠM HOÀNG THỂ	18/02/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4.5	SU	6	DI	7.5	C00	0.75	18.75	Trúng tuyển
2248	PHẠM VĂN THỊNH	17/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	9	DI	9.25	C00	0.25	25.5	Trúng tuyển
2249	ĐỖ KIM THOA	08/08/2003	Nữ	1		Lào Cai	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	8.25	DI	8.75	C00	0.75	25.5	Trúng tuyển
2250	VŨ THỊ THƠ	22/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	6.25	DI	7.25	C00	0.25	21	Trúng tuyển
2251	VŨ THỊ THOM	01/06/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	8	LI	5.5	HO	5.5	A00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2252	LÊ HOÀI THU	04/07/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	5.25	DI	5.25	C00	0.75	18.25	Trúng tuyển
2253	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	24/08/2002	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5.75	DI	7.75	C00	0.25	21.5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2254	PHẠM VĂN THUẬN	16/08/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5.25	DI	6.75	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2255	HOÀNG VĂN THUẬN	19/08/2000	Nam	1	05	Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	7.75	DI	7.5	C00	1.75	24	Trúng tuyển
2256	PHẠM THỊ THÙY	03/11/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	2.75	DI	6.5	C00	0.75	16.75	Trúng tuyển
2257	BÙI NGỌC THỦY	15/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	8	C00	0.25	19.25	Trúng tuyển
2258	TƯỜNG THỊ THANH THỦY	21/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.5	DI	6.75	C00	0.75	18	Trúng tuyển
2259	LÊ THỊ THANH THÚY	30/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	3.5	DI	7.25	C00	0.25	18	Trúng tuyển
2260	PHẠM THỊ THÚY	22/01/2003	Nữ	1	01	Thanh Hoá	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	4.5	C00	2.75	18.25	Trúng tuyển
2261	HOÀNG VĂN THU'	25/10/2002	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	4	SU	4.25	DI	7.25	C00	0.75	16.25	Trúng tuyển
2262	LÊ THỊ THU'	27/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	6.75	DI	6.5	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2263	PHẠM THỊ THANH THU'	02/09/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	3.5	DI	6.75	C00	0.75	17	Trúng tuyển
2264	ĐẶNG THỊ THÙY THƯƠNG	10/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	5.75	DI	8.5	C00	0.25	22.75	Trúng tuyển
2265	LÊ THU THƯƠNG	27/09/2003	Nữ	2		Hà Nội	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	7.75	DI	8.25	C00	0.25	23.5	Trúng tuyển
2266	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	24/07/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	2.75	DI	5.75	C00	0.75	17.25	Trúng tuyển
2267	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	25/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	4	DI	8.5	C00	0.25	20.25	Trúng tuyển
2268	PHẠM THỊ THANH THƯƠNG	16/02/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5.75	DI	8	C00	0.25	20.75	Trúng tuyển
2269	UÔNG THỊ THƯƠNG	22/10/2003	Nữ	2		Hà Nội	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	3	DI	5	C00	0.25	16	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2270	NGÔ ĐÌNH THƯỜNG	19/07/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	4.25	DI	6	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
2271	NÔNG THU TRÀ	21/01/2003	Nữ	1	01	Lạng Sơn	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.25	DI	8	C00	2.75	21.5	Trúng tuyển
2272	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	07/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5.5	DI	5.75	C00	0.25	17.5	Trúng tuyển
2273	DƯƠNG THỊ TRANG	27/07/2003	Nữ	2NT		Nam Định	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.75	C00	0.5	19.5	Trúng tuyển
2274	ĐẶNG KIỀU TRANG	14/09/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	6.25	DI	7.75	C00	0.25	21.25	Trúng tuyển
2275	ĐỖ HUYỀN TRANG	26/10/2003	Nữ	2NT		Hưng Yên	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8	SU	8	DI	7.75	C00	0.5	24.25	Trúng tuyển
2276	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	25/03/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	3.5	DI	6.5	C00	0.25	17.75	Trúng tuyển
2277	NGUYỄN KIỀU TRANG	13/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	4.75	DI	7.5	C00	0.25	19	Trúng tuyển
2278	NGUYỄN LÊ QUỲNH TRANG	09/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.75	SU	4	DI	7.25	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
2279	PHẠM THỊ TRANG	09/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	2.5	DI	6.25	C00	0.25	16	Trúng tuyển
2280	TRẦN THỊ TRANG	03/03/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	6.75	C00	2.75	21.75	Trúng tuyển
2281	PHẠM THỊ PHƯƠNG TRÂM	08/12/2003	Nữ	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	4	VA	6.5	N1	6	D01	0.5	17	Trúng tuyển
2282	ĐINH NGỌC PHƯƠNG TRINH	16/12/2003	Nữ	2		Hải Phòng	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5.75	SU	3.25	DI	6.75	C00	0.25	16	Trúng tuyển
2283	PHẠM QUỐC TRỌNG	17/12/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.25	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.5	18.5	Trúng tuyển
2284	NGÔ CHÍ TRUNG	11/03/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.75	20	Trúng tuyển
2285	NGUYỄN THÀNH TRUNG	30/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	6.75	DI	5.75	C00	0.75	19.25	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2286	NGUYỄN THÀNH TRUNG	29/07/2003	Nam	2NT		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.25	SU	5.25	DI	7.75	C00	0.5	20.75	Trúng tuyển
2287	VŨ VĂN TRUNG	16/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.75	DI	7.5	C00	0.25	20	Trúng tuyển
2288	TRẦN NAM TRƯỜNG	13/08/2003	Nam	2NT		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.5	DI	6.75	C00	0.5	19.25	Trúng tuyển
2289	PHẠM TÚ UYÊN	29/04/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	TO	6.2	VA	8.25	N1	6	D01	0.75	21.2	Trúng tuyển
2290	PHẠM THỊ THU UYÊN	06/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7	SU	4	DI	7.75	C00	0.25	19	Trúng tuyển
2291	NGUYỄN BÁ VĂN	08/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.5	SU	7.25	DI	8.25	C00	0.25	23.25	Trúng tuyển
2292	CAO THỊ THẢO VÂN	03/12/2003	Nữ	1		Hải Dương	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.25	SU	8.25	DI	8.5	C00	0.75	25.75	Trúng tuyển
2293	TRẦN THỊ VIÊN	29/11/2003	Nữ	1	01	Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	8.5	SU	5.25	DI	7.75	C00	2.75	24.25	Trúng tuyển
2294	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	26/03/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	3.75	DI	6.75	C00	0.25	17.25	Trúng tuyển
2295	VŨ ĐẮC QUỐC VIỆT	29/05/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	5.75	DI	8.25	C00	0.25	22	Trúng tuyển
2296	TRẦN QUỐC VŨ	03/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	5	SU	5.75	DI	7.75	C00	0.25	18.75	Trúng tuyển
2297	HOÀNG NHẬT VY	23/10/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6.5	SU	5.25	DI	6.5	C00	0.25	18.5	Trúng tuyển
2298	DƯƠNG THỊ THANH XUÂN	25/01/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	7.75	SU	7	DI	8.75	C00	0.25	23.75	Trúng tuyển
2299	HOÀNG THỊ XUÂN	21/06/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VA	6	SU	5	DI	7	C00	0.25	18.25	Trúng tuyển
2300	PHẠM HOÀNG AN	24/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7	LI	6.5	HO	6.25	A00	0.75	20.5	Trúng tuyển
2301	NGUYỄN DUY ANH	23/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	4.8	VA	6.25	N1	4.4	D01	0.25	15.7	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2302	MAI THỊ MỸ DUYÊN	23/04/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.2	VA	5.75	N1	3.2	D01	0.25	15.4	Trúng tuyển
2303	NGUYỄN ĐĂNG ĐÌNH	26/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.2	VA	7.25	N1	3.4	D01	0.25	16.1	Trúng tuyển
2304	ĐINH THỊ NGỌC HÀ	15/07/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.8	VA	3.25	N1	5.6	D01	0.25	15.9	Trúng tuyển
2305	VŨ ĐỨC HẢI	16/12/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.4	VA	7	N1	5.6	D01	0.25	19.25	Trúng tuyển
2306	ĐẶNG VĂN HIẾU	02/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.8	VA	4.75	N1	5.8	D01	0.25	16.6	Trúng tuyển
2307	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	17/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7.2	VA	7.5	N1	8.4	D01	0.25	23.35	Trúng tuyển
2308	TRẦN VĂN HOÀN	13/02/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.6	VA	7	N1	4.2	D01	0.25	17.05	Trúng tuyển
2309	TRẦN THÀNH HOÀNG	03/05/2003	Nam	2	06	Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	3.4	VA	5.25	N1	6	D01	1.25	15.9	Trúng tuyển
2310	PHẠM GIANG LÂM	14/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7.2	VA	7	N1	5.4	D01	0.25	19.85	Trúng tuyển
2311	NGUYỄN THỊ MAI	13/12/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7.2	VA	8	N1	2.8	D01	0.25	18.25	Trúng tuyển
2312	BÙI TIẾN MẠNH	28/09/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	4.4	VA	7	N1	4.8	D01	0.75	16.95	Trúng tuyển
2313	TRẦN XUÂN MẠNH	02/06/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.6	VA	7.25	N1	7.8	D01	0.25	20.9	Trúng tuyển
2314	PHẠM ĐỨC NAM	14/01/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.8	VA	7.5	N1	4.6	D01	0.25	19.15	Trúng tuyển
2315	ĐỖ THỊ NGỌC	13/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.4	VA	7.25	N1	3.8	D01	0.25	17.7	Trúng tuyển
2316	ĐOÀN THU PHƯƠNG	03/08/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7.4	VA	8.75	N1	6	D01	0.25	22.4	Trúng tuyển
2317	LÊ THỊ BÌNH PHƯƠNG	12/06/2003	Nữ	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5	VA	5.25	N1	4.2	D01	0.75	15.2	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển	Kết quả
2318	NGUYỄN HỒNG QUÂN	19/11/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.2	VA	5.5	N1	5	D01	0.25	15.95	Trúng tuyển
2319	BÙI CÔNG SỬ	26/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.4	VA	6.75	N1	4.8	D01	0.25	18.2	Trúng tuyển
2320	PHẠM HUY TUẤN	26/09/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	6.2	LI	6.5	N1	7.4	A01	0.25	20.35	Trúng tuyển
2321	PHẠM MINH TUẤN	01/10/2003	Nam	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	8	VA	6.75	N1	9.8	D01	0.25	24.8	Trúng tuyển
2322	NGUYỄN THANH TÙNG	08/12/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	7.2	LI	5.5	N1	8.2	A01	0.75	21.65	Trúng tuyển
2323	TRẦN DIỆU THU	18/11/2003	Nữ	2		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	5.4	VA	7.5	N1	2.6	D01	0.25	15.75	Trúng tuyển
2324	ĐỖ QUANG TRUNG	08/04/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	4.4	VA	6.75	N1	5	D01	0.75	16.9	Trúng tuyển
2325	ĐINH TRƯỜNG VŨ	30/06/2003	Nam	1		Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	TO	4.4	VA	8	N1	2.2	D01	0.75	15.35	Trúng tuyển

Tổng cộng: 2325 thí sinh trúng tuyển